

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
ஐஓஐ

TRẦN DUY KHÁNH

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ
VỚI VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

2014 | PDF | 127 Pages
buihuuhanh@gmail.com

Đà Nẵng – Năm 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

செல்வ

TRẦN DUY KHÁNH

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ
VỚI VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH HIỆN NAY**

Chuyên ngành: TRIẾT HỌC

Mã số: 60.22.80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. HỒ TẤN SÁNG

Đà Nẵng – Năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

☸

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Đà Nẵng, tháng 03 năm 2014

Tác giả luận văn

Trần Duy Khánh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	4
5. Kết cấu của luận văn	4
6. Tổng quan tình hình nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VỚI VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ HIỆN NAY.....	8
1.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG ...	8
1.1.1. Những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ	8
1.1.2. Nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ.....	16
1.2. PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NƯỚC TA – SỰ THỂ CHẾ HÓA NỘI DUNG TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	34
1.2.1. Quá trình thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	34
1.2.2. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 - sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ	36
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VIỆC THỰC THI DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	45
2.1. MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	45
2.1.1. Bối cảnh chung.....	45
2.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh	47
2.2. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH (2007-2013)	52
2.2.1. Quy trình, các bước triển khai	52

2.2.2. Những thành quả và hạn chế.....	57
2.2.3. Nguyên nhân của những thành quả và hạn chế	75
2.2.4. Một số kinh nghiệm trong việc thực hiện Pháp lệnh	79
CHƯƠNG 3. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	
NHÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ	
TRẦN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH	83
3.1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN	83
3.1.1. Định hướng chung.....	83
3.1.2. Định hướng của Tỉnh	84
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	86
3.2.1. Không ngừng nâng cao nhận thức, năng lực thực hành dân chủ	
cho cán bộ và nhân dân	86
3.2.2. Cùng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân	
dân	89
3.2.3. Thực hiện Pháp lệnh gắn liền với phát triển kinh tế, xã hội ở từng	
xã, phường, thị trấn	96
3.2.4. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ	
thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng	
quá trình thực hiện Pháp lệnh.....	100
3.2.5. Định kỳ tổng kết thực tiễn việc thực hiện Pháp lệnh.....	103
KẾT LUẬN	107
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung đầy đủ
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
GCCN	Giai cấp công nhân
HTCT	Hệ thống chính trị
HĐND	Hội đồng nhân dân
Nxb	Nhà xuất bản
QCDC	Quy chế dân chủ
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lịch sử nhân loại đã chứng minh dân chủ là khát vọng lớn lao, là đòi hỏi bức xúc của con người, là một nhu cầu đặc biệt quan trọng mà con người mong muốn vươn tới; đồng thời, dân chủ cũng là một động lực quan trọng thúc đẩy xã hội phát triển. Sự phát triển của dân chủ đánh dấu những nấc thang tiến bộ của xã hội loài người.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của dân chủ, ngay từ khi ra đời, Đảng và Nhà nước ta đã biết dựa vào dân, coi trọng phát huy vai trò, lực lượng của nhân dân, nên đã đưa cách mạng nước ta vượt qua mọi gian nan thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong toàn bộ tiến trình cách mạng ở nước ta, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Điều đó cũng có nghĩa: Quần chúng nhân dân là lực lượng quyết định thắng lợi của cách mạng. Vì thế, việc mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là nguyên tắc quan trọng, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, công cuộc đổi mới nói riêng.

Đặc biệt ở cơ sở, việc thực hành dân chủ rộng rãi không chỉ thể hiện rõ nhất bản chất dân chủ của Nhà nước ta, mà còn phát huy kịp thời, đầy đủ, hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân ngay tại nền móng của HTCT, của chế độ xã hội. Nhận thức được điều đó, ngày 18/2/1998 Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã ban hành Chỉ thị số 30 - CT/TW về việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Sau đó, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 29/1998/NĐ - CP ngày 11/5/1998 (sau được sửa đổi bằng Nghị định số 79/2003/NĐ - CP ngày 07/7/2003) kèm theo *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* - quy

định các nội dung, phương thức và trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc thực hiện quyền dân chủ của nhân dân. Và, trên cơ sở đó, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 (2007) đã ban hành *Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTWQH11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* nhằm phát huy sức sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, tăng cường đoàn kết toàn dân, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

Sau hơn 16 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 30 - CT/TW và hơn 6 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTWQH11, tỉnh Bình Định đã đạt được một số kết quả nhất định: "...Thực hiện QCDC đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Nhiều xã, phường, thị trấn tiếp tục chỉ đạo xây dựng quy chế thực hiện dân chủ; rà soát, hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định và hương ước, quy ước sát hợp với tình hình thực tế của đại phương để thực hiện hiệu quả; công khai cho dân biết, tạo điều kiện để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát;... Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân có nhiều tiến bộ. Đã lồng ghép việc thực hiện QCDC ở cơ sở với việc thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua "Dân vận khéo"... trên các lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, nhà nước với nhân dân; chống lại các âm mưu lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc" [86].

Bên cạnh đó, tại tỉnh Bình Định vẫn còn những mặt hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở, đặc biệt là Pháp lệnh 34 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn...mà hệ quả của những khiếm khuyết, bất

cập này đã ít nhiều gây ra sự thiếu đồng thuận trong xã hội, ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị-xã hội, hạn chế và làm phương hại đến tính bền vững của sự phát triển...

Là cán bộ đang công tác trong lĩnh vực xây dựng Đảng ở một huyện trung du (Hoài Ân – Bình Định), nhận thấy ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, tác giả lựa chọn chủ đề: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ với việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn tại tỉnh Bình Định hiện nay*" làm đề tài luận văn thạc sĩ Triết học. Hy vọng có thể góp phần nhỏ bé, thiết thực vào việc giải quyết vấn đề hết sức bức xúc hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

- *Mục đích*: Trên cơ sở phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và vận dụng lý luận đó để đánh giá việc thực hiện Pháp lệnh 34 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định, từ đó Luận văn xây dựng một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh trong giai đoạn hiện nay.

- *Nhiệm vụ*:

+ Hệ thống hóa góp phần làm rõ nội dung tư tưởng Dân chủ của Hồ Chí Minh;

+ Phân tích, làm rõ thực trạng của việc thực hiện Chi thị số 30-CT/TW, đặc biệt là Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn tại tỉnh Bình Định từ năm 2007 đến nay;

+ Đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định trong giai đoạn tiếp theo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân chủ.

- Quá trình thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn của tỉnh Bình Định từ năm 2007 đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận về dân chủ của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng và Nhà nước có liên quan đến chủ đề, nhất là Chi thị 30 - CT/TW, ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở và Pháp lệnh Số 34/2007/PL - UBTWQH11, ngày 20/4/2007 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đồng thời, tác giả cũng kế thừa, chọn lọc những kết quả nghiên cứu của một số nhà khoa học đã được công bố về vấn đề dân chủ ở cơ sở.

- Vận dụng tổng hợp các phương pháp logic và lịch sử, so sánh và tổng hợp, ... đồng thời có sử dụng một số phương pháp điều tra xã hội học để tiến hành thực hiện Luận văn.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài Phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày với 03 chương và 06 tiết.

6. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam, dân chủ và dân chủ hoá đã trở thành một trong những nội dung cơ bản được đề cập trong các văn kiện của Đảng và nhà nước, đặc biệt thể hiện rõ trong thời kỳ đổi mới qua các bài viết, bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước hay những công trình của nhiều tác giả và tập thể tác giả. Nổi lên là các hướng nghiên cứu cơ bản sau:

- *Các công trình tập trung vào việc khẳng định những giá trị nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa.* Qua đó chỉ rõ sự khác nhau về bản chất của dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa, đánh giá một cách khách quan những thành quả,

những tiến bộ mà chủ nghĩa tư bản đã tạo dựng được trong tiến trình xây dựng chế độ chính trị tư sản cũng như chỉ ra những hạn chế có tính lịch sử của nền dân chủ tư sản.

Từ góc độ này có thể nói tới một số công trình tiêu biểu: “Cơ chế thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị nước ta” (Đề tài cấp nhà nước KX.05.05 do PGSTS Hoàng Chí Bảo chủ nhiệm); Vận dụng tư tưởng và phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ Triết học của Phạm Văn Bính (2003); Dân chủ – di sản văn hoá Hồ Chí Minh, Nxb Sự thật, HN của Nguyễn Khắc Mai (1997); Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân, Nxb CTQG, HN của Nguyễn Đình Lộc (1998); “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp thực hiện quyền lực ở nước ta”, Tạp chí cộng sản, số 41 của Đào Trí Úc (1990); “Tư tưởng dân chủ của V.I Lênin” của Hồ Tấn Sáng, tạp chí Lý luận, số 3 (1990); “Tư học thuyết chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin đến đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay” của Phạm Ngọc Quang. Tạp chí triết học, số 2 (1993)...

- Nêu rõ những thành tựu và những hạn chế, thậm chí là những sai lầm trong nhận thức, khuyết tật trong xây dựng và thực hiện nền dân chủ XHCN ở các nước XHCN nói chung và ở Việt Nam nói riêng trong thực tế.

Hướng nghiên cứu này được thể hiện ở các công trình nghiên cứu tiêu biểu sau đây: Lê Thanh Thập, Dân chủ và cơ chế thực hiện dân chủ ở nước ta hiện nay, Luận án phó tiến sĩ khoa học triết học; “Dân chủ hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, luận án phó tiến sĩ Triết học của Hồ Tấn Sáng (1991); “Đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn ngoại thành Hà Nội (cấp xã) trong giai đoạn hiện nay”, Luận án phó tiến sĩ của Lưu Minh Trị (1993); Dân chủ và tập trung dân chủ - Lý luận và thực tiễn, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội của Nguyễn Tiến Phồn (2001); “Vấn đề

chế độ dân chủ nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh từ góc nhìn triết học”, Tạp chí cộng sản, số 23 của Lại Quốc Khánh (2010); "Dân chủ ở cơ sở một sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam", Tạp chí Cộng sản, số 35 của Trần Bạch Đằng (2003); “Dân chủ hoá nông thôn vì sự phát triển bền vững”, Tạp chí Khoa học và Tổ quốc, số 9 của Nguyễn Minh Tuấn (2005) ...

- Bổ sung những nhận thức mới và đề xuất những cách làm mới để xây dựng và thực hiện dân chủ phù hợp với đặc điểm lịch sử, truyền thống của dân tộc, đặc điểm của thời kỳ quá độ cũng như đặc thù của từng cấp độ, vùng miền, nhóm dân cư... ở nước ta.

Thể hiện ở các công trình sau đây: Đặc điểm nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị”, mã số KX.05.06 (do PGS, Vũ Hữu Ngoạn chủ nhiệm đề tài); Thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp xã - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb CTQG, HN của Dương Xuân Ngọc (2000); Dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Nxb CTQG, HN của Lương Gia Ban (2003) Dân chủ ở xã từ góc nhìn pháp lý, Nxb Công an nhân dân của Nguyễn Minh Tuấn (2004); “Dân chủ một đề tài thời đại”, Tạp chí Thông tin lý luận, số 9 của GS Đỗ Tư (1998); “Đề thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở”, Tạp chí Cộng sản, số 2 của Trần Quang Nhiếp (1999); “Dân chủ cơ sở là điểm mấu chốt để thực hiện quyền dân chủ”, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 1 của Lê Minh Châu (1999); "Mấy vấn đề xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở", Tạp chí Cộng sản, số 8 của Đỗ Quang Tuấn (1998); “Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng - kết quả và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí Cộng sản, số 20 của Hồ Tấn Sáng (2005) ...

- Đặc biệt ba công trình nghiên cứu dưới dạng chuyên khảo: “Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay”; “Thực hiện Quy chế dân chủ và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay”; “Thể chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay” do Nxb CTQG, HN lần lượt xuất bản năm 2001,

2003, 2005 (TS Nguyễn Văn Sáu và GS Hồ Văn Thông đồng chủ biên) là những công trình khoa học đi sâu nghiên cứu về đời sống cộng đồng làng, xã Việt Nam truyền thống và hiện tại, vấn đề xây dựng chính quyền cấp xã, đưa ra những căn cứ lý luận và thực tế cho việc xây dựng và từng bước hoàn thiện thể chế dân chủ ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay...

Trong hướng nghiên cứu này, sau một thời gian triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đáng chú ý có: “Dân chủ cơ sở và vấn đề thực hiện dân chủ ở nông thôn nước ta hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Chính trị học của Nguyễn Thị Tâm (2007)...

Các công trình nghiên cứu trên từ những hướng tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khá nhiều cấp độ, phạm vi khác nhau. Tuy nhiên, tại địa phương cụ thể là tỉnh Bình Định, theo chúng tôi hiểu, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về chủ đề này. Với luận văn này, tác giả mong muốn góp một phần khắc phục, bù đắp chỗ thiếu hụt trên.

CHƯƠNG 1

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VỚI VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ HIỆN NAY

1.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TU TƯỞNG

1.1.1. Những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ

a. Những yếu tố văn hóa truyền thống và hoàn cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Ở Việt Nam, vấn đề thực hiện dân chủ ở cơ sở không chỉ mang ý nghĩa thời sự mà còn là một sự tiếp nối truyền thống dân chủ của dân tộc đã được hình thành trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Trong lịch sử, từ Hùng vương dựng nước đến nay, dân tộc Việt Nam thường xuyên đối mặt với hai loại thử thách khác nghiệt: Đối phó với môi trường tự nhiên bất lợi và đấu tranh chống sự thống trị của ngoại bang mạnh hơn mình gấp bội. Chính trong những điều kiện gay go và gian khổ đó, sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam đã được tạo lập dựa trên cơ sở một hệ thống cơ cấu chính trị - xã hội gồm 3 khâu vững chắc và liên kết chặt chẽ với nhau: gia đình, làng xã và nước.

Gia đình là cơ sở của sức mạnh cộng đồng làng - một đơn vị chính trị - xã hội của cả nước, vừa chăm lo trực tiếp lợi ích của gia đình, cộng đồng, vừa đóng góp tích cực vào sức mạnh của đất nước. Các triều đại phong kiến đã biết dựa vào cộng đồng làng để cai trị đồng thời cũng giao cho làng một số quyền tự quản nhất định. Khi Tổ quốc lâm nguy thì phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc để chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm. Phần lớn những người mở đầu các triều đại là anh hùng giải phóng dân tộc, xuất thân từ nhân dân mà trưởng thành, do đó quan hệ giữa vua, quan và dân chúng không xa cách bao nhiêu. Thể hiện nét đặc trưng này, Lý Thường Kiệt từng tuyên

bỏ: “*Người làm vua của dân, cốt phải nuôi dân*” [79, tr. 319]. Với ông, “*nuôi dân*” (*dưỡng dân*) thì phải bỏ các kế sách tham tàn, phải loại trừ sự sách nhiễu làm hại dân, phải ngăn chặn sự đục khoét dân để làm giàu cho mình. Nhờ quán triệt tư tưởng đó mà cuộc kháng chiến chống quan xâm lược Tống của ông đạt kết quả rực rỡ ở thế kỷ X, mở ra thời kỳ phát triển của Nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập.

Trần Quốc Tuấn đã lãnh đạo quân dân nhà Trần ba lần đánh thắng quân Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII. Từ trải nghiệm qua 3 cuộc chiến đó, Ông rút ra một số bài học về giữ nước, trong đó có bài học về thái độ đối với dân. Ông nêu: Phải làm sao để “*Lòng dân không xa rời mình*”, muốn vậy, phải có kế sách cố kết được lòng dân, đó là nói lòng sự đóng góp của dân. “*Khoan sức cho dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách của sự giữ nước*” [80, tr. 398].

Nguyễn Trãi là nhà chính trị, nhà quân sự lỗi lạc của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XV. Với quan niệm phải “*Nuôi dân*”, “*Chăn dân*”, “*Huệ dân*”; phải xem “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*” (Bình Ngô đại cáo), “*đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp giặc cốt để yên dân*” (Thư dụ hàng Bình Than); phải tránh chính sự phiền hà làm hại đến cuộc sống của dân... Ông đã góp phần tạo dựng nên chính sách nhân nghĩa thời kỳ Lê sơ mà kết quả là giành được chủ quyền đất nước từ tay giặc Minh, đem lại xã hội thái bình, nhân dân no ấm và phát triển thịnh vượng.

Thái độ và chính sách của các triều đại Lý, Trần, Lê đối với dân đã tạo cho người dân sự gắn bó với triều đình, tạo cho đất nước một cục diện thống nhất, vững mạnh, tạo cho dân tộc một sức mạnh chống ngoại xâm và giữ gìn bờ cõi. Lý luận làm cơ sở cho thái độ và chính sách đó tuy không nhiều nhưng quan điểm thì rõ ràng và ý nghĩa hiện thực thì vô cùng to lớn. Chính giá trị của *tư tưởng thân dân* đó đã làm tiền đề cho sự chuyển biến nhận thức

trong quan niệm về dân ở các thời kỳ lịch sử sau này, làm cơ sở cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ ở thế kỷ XX.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có nhận xét: *“Trong lịch sử lâu đời của dân tộc, làng là điểm tập hợp cuộc sống cộng đồng của mọi người, cuộc sống đa dạng và phong phú, vừa có tính đẳng cấp phong kiến, vừa có tính cộng đồng rất đáng quý. Lúc bấy giờ, câu nói “Phép vua thua lệ làng” có cái đạo lý chân chính của nó, chùng nào thể hiện một dạng dân chủ mà phải biết nhìn với con mắt lịch sử thì mới thấy hết ý nghĩa độc đáo”* [37].

Các triều đại đang lên và các nhà tư tưởng tiêu biểu của các triều đại ấy dù có nêu trách nhiệm *“nuôi dân”*, *“chăn dân”* coi *“dân là gốc nước”*, xem *“dân là quý”*, điều đó cũng chỉ là biểu hiện của chủ nghĩa nhân bản của tinh thần dân tộc mang ý nghĩa thân dân chứ chưa đạt đến tư tưởng dân chủ, dân quyền.

Lịch sử hình thành và phát triển tư tưởng dân chủ trên thế giới ở thời cận đại gắn liền với các cuộc cách mạng Tư sản ở châu Âu (từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII). Trong giai đoạn lịch sử này, giai cấp tư sản sinh thành và từng bước đảm đương vai trò lịch sử chống phong kiến, chống thần quyền đòi tự do, bình đẳng... Dân chủ, nhân quyền lúc này đã trở thành một trào lưu tư tưởng có ý nghĩa tích cực, tiến bộ, thúc đẩy sự ra đời các thiết chế dân chủ tư sản.

Đây là một sự chuyển biến có tính cách mạng trong quan niệm về dân chủ và về vai trò của dân. Nó ảnh hưởng tích cực tới sự hình thành tư tưởng dân chủ ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX, khi mà tư tưởng của các nhà khai sáng Pháp qua *“Tân Thư”*, *“Tân Văn”* từ Trung Quốc và Nhật Bản truyền vào Việt Nam.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX trở đi, Việt Nam đã là một nước thuộc địa nửa phong kiến. Lúc này, sự lựa chọn các hệ tư tưởng làm bộ đỡ tinh thần để dân

tộc đủ sức chống giặc ngoại xâm, giành lấy nền độc lập và phát triển đất nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng... Rất nhiều chí sỹ yêu nước đã đề xướng thực hiện dân chủ, dân sinh... Những tư tưởng của các chí sỹ yêu nước nêu ra đã làm phấn chấn lòng người, họ đặt tất cả hy vọng vào phép “*dời non sông*” ấy, nhưng phải bắt đầu từ đâu và bằng con đường nào ? Câu trả lời vẫn bỏ ngõ...

b. Những ảnh hưởng của văn hóa phương Đông và phương Tây

Tiếp thu văn hóa phương Đông, trước hết là Nho giáo, Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng đắn vai trò của Nho giáo và người sáng lập ra nó là Khổng Tử và đã đặc biệt khai thác những mặt tích cực của tư tưởng Nho giáo. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh hiểu rõ những mặt bất cập, hạn chế của Nho giáo, nhưng Hồ Chí Minh cũng thấy được những mặt tích cực của nó và khuyên chúng ta “*nên học*”.

Theo Người, mặt tích cực của Nho giáo là nó đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học với châm ngôn “*Học không biết chán, dạy không biết mỏi*”. Về điểm này, Nho giáo hơn hẳn các học thuyết cổ đại, bởi vì nhiều học thuyết cổ đại chủ trương ngu dân để dễ cai trị. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh tiếp thu Nho giáo, nhưng là Nho giáo của những người yêu nước qua bản phận trung - hiếu của người dân đối với sự mất còn của dân tộc.

Những giá trị văn hóa phương Đông, đặc biệt là Nho giáo mà Hồ Chí Minh tiếp thu đó là phải xem dân là gốc nước. Sách “*Thượng thư*” nói: “*Dân có thể gần, không thể coi thường. Dân là gốc nước. Gốc có vững thì nước mới yên*”, Hồ Chí Minh đã phát triển quan niệm đó, Người khẳng định:

“*Gốc có vững cây mới bền*

Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [49, tr. 410]

Khổng Tử nói: Có được *dân tin* thì triều chính mới vững vàng, và để được dân tin, theo Khổng Tử phải làm hàng loạt việc có liên quan tới dân như phải làm sao được lòng dân, đáp ứng nguyện vọng của dân, loại trừ cái dân không thích... Kế thừa và phát triển quan niệm này, Hồ Chí Minh luôn đề cao

yêu cầu mọi người phải rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực công tác để *vì nước quên thân, vì dân phục vụ*.

Phật giáo vào Việt Nam, gặp chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc ta, đã hình thành nên Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam. Họ chủ trương sống không xa rời, lẩn tránh mà gắn bó với đời sống của nhân dân, với đất nước, tham gia vào cộng đồng, vào cuộc đấu tranh của nhân dân, chống kẻ thù dân tộc. Những mặt tích cực của Phật Việt Nam đã đi vào đời sống tinh thần dân tộc và nhân dân lao động. Gia đình Bác Hồ là gia đình nhà Nho nghèo, gần gũi với nông dân, cũng thấm nhuần tinh thần đó và để lại dấu ấn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ... Về sau, khi đã trở thành người mác - xít, Hồ Chí Minh vẫn tìm hiểu thêm về Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và tìm thấy trong đó “*những điều thích hợp với điều kiện nước ta*”. Các tiêu chí của chủ nghĩa Tam dân là dân tộc - độc lập; dân quyền - tự do; dân sinh - hạnh phúc đã được Hồ Chí Minh rút gọn trong Quốc hiệu của Việt Nam: “*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*”.

Tuy nhiên, những yếu tố trên chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để có thể hình thành nên tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh.

Ngay khi còn ở trong nước, điều hấp dẫn nhất đối với Hồ Chí Minh đó là khẩu hiệu “*Tự do, Bình đẳng, Bác ái*” của Cách mạng tư sản Pháp và Mỹ... Bởi vậy, năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây - quê hương của các trào lưu tư tưởng dân chủ cách mạng, với hy vọng tìm được con đường để cứu nước, cứu dân. Đến với quê hương của những lý tưởng ấy, Hồ Chí Minh đã được tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm của các nhà tư tưởng khai sáng, và tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng đã có ảnh hưởng tới tư tưởng của Người. Tuy vậy, từ thực tiễn các nơi Người đến, nghiên cứu... Hồ Chí Minh đã thấy rõ rằng, khẩu hiệu “*Tự do, Bình đẳng, Bác ái*” chỉ tồn tại trên lý thuyết còn thực tế đã mất dần ý nghĩa. Người đã nhìn rõ giới hạn lịch sử của nền dân chủ tư sản, của cách mạng tư sản.

Tất nhiên từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh đã tiếp thu được nội dung thực chất của tư tưởng dân chủ và hình thành được phong cách dân chủ cho mình. Qua gần 10 năm khảo sát (1911 - 1920) ở nhiều nước châu Á, Châu Phi, Khu vực Mỹ La tinh đã đem lại cho Người những nhận thức mới: Ở các nước thuộc địa, đâu đâu người lao động cũng bị chủ nghĩa thực dân đế quốc đẩy ai trong túi nhục, đói nghèo, bị bóc lột đàn áp dã man và ở đâu các dân tộc bị áp bức cũng đều có khát vọng đấu tranh đòi giải phóng. Ở Pháp, nhờ được rèn luyện trong phong trào công nhân Pháp và sự cổ vũ, diu dắt trực tiếp của nhiều nhà cách mạng và trí thức tiến bộ Pháp như M. Casanh, P.V. Cu-tuya-ri-ê, G. Mông-mút-xô... nhà dân chủ Hồ Chí Minh đã từng bước trưởng thành.

Con người ấy, trên hành trình cứu nước, đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây; vừa thâm thái, vừa gan lọc để có thể từ tầm cao của trí thức nhân loại mà suy nghĩ và lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển, làm cơ sở quan trọng cho việc tiếp thu, giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin - bước ngoặt trong tư tưởng cách mạng nói chung và tư tưởng dân chủ nói riêng của Hồ Chí Minh.

c. Tư tưởng dân chủ trong học thuyết Mác - Lênin

Từ người yêu nước, qua hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh trở thành người đấu tranh cho dân chủ và đấu tranh cho việc giải phóng giai cấp những người lao động, vì vậy rất tự nhiên, Người đã dần dần tiếp nhận những giá trị về dân chủ vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

C. Mác và Ph. Ăngghen đều nhận thức sâu sắc vai trò của nhân dân trong tiến trình lịch sử và cho rằng, *một nền dân chủ thực sự phải gắn liền với sự nghiệp của nhân dân*. Nhân dân trong quan niệm của các ông là “*tuyệt đại đa số nhân dân*” và “*dân chủ là quyền lực của đa số*”. Đi sâu nghiên cứu vấn đề dân chủ trong điều kiện phải đấu tranh trực tiếp với những quan điểm tư

sản về dân chủ cũng như nhu cầu thực tiễn phải vượt qua dân chủ tư sản, C. Mác và Ph. Ăngghen trước hết: *"Vạch trần bản chất giả dối, chứa đầy mâu thuẫn của dân chủ tư sản; sự vận động nội tại của những mâu thuẫn ấy nhất định sẽ dẫn chế độ dân chủ tư sản đến chỗ tiêu vong; tự do, bình đẳng thực sự chỉ đạt được trong chủ nghĩa cộng sản"* [25, tr. 723].

Việc phân tích tính chất tạm thời, tính chất nhất định sẽ bị vượt qua của dân chủ tư sản đã đưa C. Mác và Ph. Ăngghen đến tư tưởng về cách mạng XHCN như là bước đi tất yếu để tiến tới một xã hội dân chủ chân chính. Nhân mạnh bản chất quá trình cách mạng XHCN và mục tiêu của nó, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, xã hội XHCN - cộng sản chủ nghĩa là xã hội tạo ra những điều kiện cần thiết để thực hiện trong thực tế nguyên tắc: *Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.*

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về dân chủ, V.I. Lênin đã làm sáng tỏ con đường biện chứng của tiến trình dân chủ: *".. từ chuyên chế đến dân chủ tư sản; từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản; từ dân chủ vô sản đến không còn dân chủ nữa"* [93, tr. 206].

V.I. Lênin khẳng định, trong xã hội có giai cấp, không có một nền *"dân chủ chung chung"*, *"dân chủ thuần túy"*. Dân chủ bao giờ cũng có tính giai cấp, phản ánh lợi ích giai cấp. Từ góc độ chính trị, chế độ dân chủ biểu hiện mình thông qua chế độ nhà nước, nhưng nhà nước đó mà càng dân chủ bao nhiêu thì càng mau đi đến tiêu vong bấy nhiêu. Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà nước sẽ tiêu vong khi chủ nghĩa cộng sản đã hoàn toàn được xác lập và chiến thắng trên toàn thế giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đánh giá cao tính ưu việt của dân chủ XHCN. Chế độ dân chủ vô sản so với bất kỳ chế độ dân chủ tư sản nào cũng *"dân chủ hơn gấp triệu lần"*. Xét về mặt lôgic, CNXH và nền dân chủ XHCN là sự thay thế hợp quy luật, có trình độ và chất lượng cao hơn CNTB và nền dân

chủ tư sản. Nhưng về mặt thực tiễn lịch sử thì CNXH và nền dân chủ XHCN chưa ở trình độ thuần thực, còn đang trong quá trình hình thành và phát triển để trở thành một hiện thực phổ biến...

Chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ rõ sự khác nhau rất cơ bản giữa dân chủ tư sản và dân chủ vô sản trong kinh tế. Dân chủ tư sản dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, thực chất là dân chủ của thiểu số giàu có. Dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Mác gọi những chiêu bài mị dân trong kinh tế của dân chủ tư sản là *“một nhãn hiệu giả dối”*.

Trong nền dân chủ XHCN, V.I Lênin đòi hỏi cao việc phải bảo đảm tôn trọng sự thật, thảo luận tập thể, dân chủ công khai, khuyến khích sự tranh luận thẳng thắn, xây dựng, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, tăng cường kiểm tra bằng pháp luật, kỷ luật. Tinh thần ấy thể hiện trong công thức của Lênin về tập trung và dân chủ *“thảo luận thì chung còn trách nhiệm thì riêng, riêng tới từng người một”*.

Chủ nghĩa Mác - Lênin còn cho rằng, dân chủ là thành tựu của nền văn hoá và văn minh của nhân loại. Mỗi bước tiến của dân chủ và mỗi trình độ phát triển của dân chủ là những nấc thang khác nhau của tiến bộ xã hội, phản ánh những kết quả khác nhau theo xu hướng ngày càng cao hơn và hoàn thiện hơn của tổ chức xã hội, của quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định dân chủ là thước đo về trình độ giải phóng con người mà loài người đã đạt được trong mỗi thời đại lịch sử. Chất lượng dân chủ được đánh giá qua khả năng mà xã hội và nhà nước thông qua các thể chế và chính sách của mình có thể hướng vào phục vụ con người, nuôi dưỡng, phát triển và phát huy không ngừng các tiềm năng sáng tạo vô tận của con người.

Như vậy, dân chủ XHCN là nền dân chủ thống nhất hữu cơ giữa tính

chất giai cấp của GCCN với tính dân tộc và tính nhân loại, trong đó tính chất GCCN giữ vị trí chủ đạo. Sự thống nhất của những tính chất này biểu hiện thành những đặc điểm trong sự hình thành và phát triển của nền dân chủ XHCN trong từng quốc gia - dân tộc lựa chọn con đường XHCN. Đó là sự kết hợp giữa khoa học, luật pháp với đạo đức và văn hóa trên nền tảng của sự phát triển kinh tế và chính trị, trong đó có vai trò giường cột của Nhà nước và pháp luật. Nói một cách khác, dân chủ XHCN với bản chất và đặc điểm nêu trên là nền dân chủ thấm nhuần đầy đủ và sâu sắc nhất tính pháp lý và tính nhân văn.

1.1.2. Nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ

a. Về bản chất của dân chủ

Dân chủ, *trước hết là một hình thức tổ chức Nhà nước*, thông qua tổ chức và quản lý của Nhà nước mà nhân dân thực hiện quyền lực của mình đối với xã hội. Trong mối tương quan với quyền lực nhà nước và chế độ nhà nước, dân chủ được hiểu là chế độ dân chủ, là nền dân chủ. Với ý nghĩa này, dân chủ là một phạm trù lịch sử - xuất hiện và tồn tại trong xã hội được tổ chức thành chế độ nhà nước.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng chế độ dân chủ, thể chế chính trị và thể chế nhà nước dân chủ trong đó có thể chế dân chủ của Đảng, nhất là khi Đảng cầm quyền. Người viết: “*Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ*” [51, tr. 499]. Xây dựng thể chế thì trước hết là xây dựng chính quyền Nhà nước mà chính quyền đó phải là chính quyền dân chủ, người chủ thật sự không ai khác chính là nhân dân. “*Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ*” [50, tr. 365]. Đây không chỉ là khẳng định một quan điểm, một tư tưởng chính trị mà nó còn phải thể chế hóa thành luật, bằng luật, trước hết là Hiến pháp - bộ luật cơ bản, tối cao của thể chế.

Hồ Chí Minh không chỉ đề cập tới vai trò của Nhà nước nói chung mà còn đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ, cơ quan hành pháp của Nhà nước. Với chức năng hành pháp, Chính phủ điều hành, quản lý Nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Một Chính phủ tốt phải là Chính phủ do dân cử ra, mỗi thành viên trong Chính phủ phải do dân trực tiếp lựa chọn: *“Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra”* [49, tr. 698]. Để xứng đáng với sự ủy thác, tin cậy của dân chúng thì Chính phủ phải hành động vì lợi ích của dân *“nhiệm vụ của Chính phủ là phải làm người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”* [51, tr. 361 - 362]. *“Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình chính phủ”* [51, tr. 368]. *“Nếu chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi chính phủ”* [49, tr. 60].

Thứ hai, Dân chủ không chỉ được xét với nghĩa là chế độ gắn liền với một nhà nước tương ứng mà dân chủ còn được hiểu là một giá trị xã hội.

Dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội thể hiện ở chỗ nó là kết quả của một quá trình lịch sử mà con người và các cộng đồng người đạt được thông qua đấu tranh và sáng tạo để tự biểu hiện vai trò và sức mạnh của mình, để tự khẳng định vị thế của mình trong đời sống hiện thực, trong việc chiếm lĩnh và làm chủ thế giới đối tượng, nhờ đó đạt được một trình độ phát triển và tiến bộ ngày càng cao hơn.

Giá trị xã hội của dân chủ là giành về cho đại đa số nhân dân lao động những quyền lực của chính họ thông qua đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Đó là quyền dân chủ, quyền tự do, công bằng, bình đẳng thực sự của quần chúng nhân dân.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, từ khi ý thức được nỗi nhục mất nước, ra đi tìm đường cứu nước đến khi phải từ giã cõi đời, Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho nước nhà được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng

được học hành. Người đã làm tất cả để thực hiện Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho Tổ quốc, dân tộc và nhân dân. Người đã rút ra một chân lý không chỉ cho dân tộc mà còn cho cả nhân loại: *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*.

Trong *“Tuyên ngôn độc lập”* khai sinh ra chế độ dân chủ cộng hòa ngày 2/9/1945, Người đã thể hiện ý chí và quyết tâm của cả dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước độc lập. Toàn dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”* [48, tr. 56]. Đó chính là tuyên ngôn về dân chủ gắn liền với tự do, bình đẳng và công bằng xã hội. Nó thể hiện khát vọng chính đáng về quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân Việt Nam, khẳng định thành quả vĩ đại trong công cuộc đấu tranh vì dân chủ mà nhân dân Việt Nam đã giành được với một ý chí quyết tâm không gì lay chuyển nổi cùng tinh thần đoàn kết muôn người như một của dân tộc Việt Nam để giữ vững nguồn của cải vô giá đó của nhân dân. Nhưng *“nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”* [48, tr. 56]. Vì thế, nền độc lập dân tộc gắn liền với sự tự do, hạnh phúc của mỗi người dân là mục tiêu phấn đấu của cả dân tộc Việt Nam thể hiện đầy đủ, toàn diện nội dung nhân quyền và dân quyền mà bất cứ quốc gia văn minh nào cũng phải hướng tới.

Giải phóng con người, thực hiện tự do và hạnh phúc của con người, đó là mục tiêu phấn đấu cao nhất, thường xuyên chi phối mọi suy nghĩ và hành động của Hồ Chí Minh. Khi đặt câu hỏi: *“Mục đích của CNXH là gì? Người đã trả lời: Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”* [53, tr. 271].

Bao giờ Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh phải chăm lo đến con người, tạo

điều kiện cho con người có những khả năng và điều kiện tốt nhất để phát triển, phải chăm lo tới cuộc sống của con người, thấu hiểu tâm trạng, nguyện vọng của quần chúng, tôn trọng nhân cách của từng người. Đó là chiều sâu giá trị nhân văn của dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, dân chủ còn được xét với ý nghĩa là điều kiện để hình thành và phát triển nhân cách.

Ở đây nổi bật lên là tác dụng của dân chủ đối với sự phát triển các năng lực trí tuệ và hình thành các chuẩn mực đạo đức con người. Với ý nghĩa đó, dân chủ không chỉ là phạm trù chính trị mà còn là phạm trù đạo đức. Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi người cách mạng phải rèn luyện theo những chuẩn mực đạo đức "*cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*" [50, tr. 90]. Phải xa lạ với những cái xấu, cái ác: Tham ô, lãng phí, quan liêu, vì là con đẻ của chủ nghĩa cá nhân và là kẻ thù của nhân dân. Chủ nghĩa cá nhân rất dễ dàng kéo người ta xuống dốc, mà xuống dốc thì dễ hơn lên dốc như Hồ Chí Minh đã nhiều lần căn dặn chúng ta. Người đặc biệt chú trọng việc giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Những nhân cách trên chỉ có thể được hình thành trong một môi trường xã hội dân chủ mà trước hết là dân chủ trong kinh tế, dân chủ trong chính trị và dân chủ trong đời sống văn hóa tinh thần. Người cũng đặc biệt chú trọng thực hiện yêu cầu tự do tư tưởng, giải phóng tinh thần cho con người.

Nhờ có dân chủ mà những tiềm năng sáng tạo, những sáng kiến của nhân dân được khai thác và phát huy. Hồ Chí Minh mượn câu nói mộc mạc trong dân gian để thể hiện quan điểm và niềm tin của mình về sức mạnh làm chủ của nhân dân: "*Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong*". Bí quyết để động viên và phát huy sức mạnh của nhân dân đó là dân chủ: "*Phải tin tưởng lực lượng và trí tuệ của nhân dân là vô cùng vô tận. Tuyên truyền, giáo dục, đoàn kết, tổ chức được trí tuệ và lực lượng đó thì việc*

gì khó mấy cũng làm được” [52, tr. 506]. Đồng thời “*phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân*”, “*phải mở rộng dân chủ*”, “*phải thực hành dân chủ rộng rãi*”... để thực hiện và phát huy dân chủ.

b. Về vai trò, ý nghĩa của dân chủ

Đối với chúng ta, thực hiện và phát huy dân chủ của quần chúng nhân dân là điều hệ trọng đối với sự thành bại của chế độ, của thể chế. Dân chủ vừa là giá trị xã hội mà con người và loài người đạt được trong tiến trình đấu tranh để tự giải phóng mình, từng bước vươn tới tự do và làm chủ, vừa là hình thức và tính chất tổ chức thể chế Nhà nước. Dân chủ vừa mang tính nhân loại vừa mang tính giai cấp. Trình độ dân chủ đi đôi với trình độ văn minh và tiến bộ xã hội. Nội dung và hình thức của các thể chế dân chủ biểu hiện những trình độ phát triển khác nhau của các thể chế chính trị - xã hội. Vấn đề là ở chỗ, giai cấp cầm quyền có ý thức được vai trò của dân, có thực hiện được sự ủy thác quyền lực của dân hay không? Đó còn là sự tự ý thức được vai trò làm chủ xã hội của dân đến đâu để dân chủ có điều kiện thể hiện đầy đủ vai trò của nó trên thực tế.

Đối với Hồ Chí Minh, Người đã nhìn thấy rõ sức mạnh của nhân dân “*Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*” [50, tr. 276]. Người đã huy động sức mạnh của toàn dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình, góp phần to lớn đưa dân tộc Việt Nam từ nô lệ tới độc lập tự do, đưa nhân dân ta lên địa vị làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Người luôn tìm mọi cách để “*làm cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*” [54, tr. 223]. Việc giáo dục dân tự ý thức được vai trò làm chủ xã hội của mình đối với một dân tộc hàng ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, hàng trăm năm bị chủ nghĩa thực dân thống trị và trình độ dân trí thấp như nước ta, điều đó làm người luôn trăn trở, dồn hết tâm lực để đấu tranh

thực hiện. Với Hồ Chí Minh "*dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân*" [52, tr. 279], và thực hành dân chủ rộng rãi là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn. Người ý thức sâu sắc rằng, dân chủ không chỉ là "*dân là chủ*" mà còn là "*dân làm chủ*". Dân có thực sự làm chủ thì mới tiếp tục bắt tay vào "*xây dựng một nước Việt Nam dân chủ mới*" [50, tr. 15], "*thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội*" [50, tr. 174]. Hơn ai hết, Người thấy rõ dân chủ là động lực, là sức mạnh để xây dựng một xã hội ấm no, hạnh phúc, tự do và bình đẳng. Chính vì vậy, Người luôn nhắc nhở những người lãnh đạo rằng: "*Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân, đưa cách mạng tiến lên*". Bằng cách đó, CNXH hiện thực mới có thể tồn tại và phát triển. Qua đó, ta có thể thấy rằng tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh là một trong những giá trị nổi bật của di sản tư tưởng mà người để lại, là một trong những trọng điểm cần được vận dụng vào sự nghiệp đổi mới hiện nay, đặc biệt đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của HTCT, trước hết là HTCT ở cơ sở.

Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh không chỉ được thể hiện trong các tác phẩm của Người. Ý nghĩa to lớn hơn, có sức cảm hóa hơn đó là sự thể hiện của tư tưởng đó trong hành động thực tiễn.

Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực trong thực hành dân chủ. Càng ở cương vị cao bao nhiêu Hồ Chí Minh càng thể hiện dân chủ bấy nhiêu. Cách ứng xử dân chủ của Hồ Chí Minh đạt đến một mức độ điêu luyện, bản lĩnh, văn hóa. Người làm chủ mọi hoàn cảnh, mọi tình huống. Ở người, nghệ thuật thu phục nhân dân biểu hiện một cách rất tự nhiên không hề giả tạo. Trong phong cách thực hành dân chủ, Hồ Chí Minh chú trọng nguyên tắc lý luận với thực tiễn, nhất quán giữa lời nói và việc làm. Đó là nét độc đáo, đặc trưng cho phong cách thực hành dân chủ của Hồ Chí Minh. Người đặc biệt quan tâm đến sự phát triển ý thức dân chủ và năng lực thực hành dân

chủ của dân chúng, nhất là của cán bộ, đảng viên trong cơ quan Đảng, Nhà nước, của thanh niên, phụ nữ ...

Như thế, dân chủ không chỉ là quyền lực thuộc về nhân dân, làm cách mạng không chỉ là trao quyền làm chủ cho nhân dân lao động là đủ mà quan trọng hơn là bằng phương pháp quản lý dân chủ để *"làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm"*. Tư tưởng ấy có sức mạnh khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Càng có ý nghĩa hơn trong giai đoạn đổi mới hiện nay, vận dụng tư tưởng dân chủ của Người cần phải chú trọng vận dụng cả giáo dục nhận thức, xây dựng thể chế lẫn thực hành trong lối sống - Một lối sống nêu cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Hơn bao giờ hết và hơn ai hết, Đảng và Nhà nước phải làm gương trong cuộc vận động dân chủ hóa này, bắt đầu bằng chống quan liêu, tham nhũng, thực sự đảm bảo và phát huy quyền dân chủ và làm chủ cho nhân dân, trước hết ở cơ sở.

c. Về phương thức thực hành dân chủ

Thực hành dân chủ trong đời sống bắt đầu từ đảm bảo đúng nguyên tắc dân chủ tập trung trong thực tiễn xây dựng tổ chức và sinh hoạt Đảng. Người nói: *"Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng dân chủ (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành lãnh đạo tập trung, nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật"*. Tư tưởng thống nhất, xuyên suốt của Người về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng là sự thống nhất biện chứng giữa dân chủ và tập trung: tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Đảng chỉ có thể vững mạnh, *"tiến bộ chung, tiến bộ mãi"* khi toàn thể cán bộ, đảng viên các tổ chức Đảng giữ vững dân chủ tập trung, mở rộng tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên trên; giữ vững chế độ báo cáo và xin chỉ thị. Người phê bình nghiêm khắc những tập thể và cá nhân không thực hiện nghiêm túc chế độ dân chủ tập trung, không tuân theo nguyên tắc tập thể lãnh

đạo, phớt lờ kỷ luật và chính sách của Đảng; khinh rẻ ý kiến cấp dưới; xem thường chỉ thị của cấp trên; không muốn chịu kiểm tra; không muốn nghe phê bình. Hồ Chí Minh coi “*tập thể lãnh đạo*” là dân chủ, “*cá nhân phụ trách*” là tập trung. Tập thể lãnh đạo gắn liền với cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung. Đó là sự cần thiết tất yếu đối với các tổ chức Đảng và hoạt động của Đảng. Người cũng nhấn mạnh rằng, nếu “*lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc*” [49, tr. 505]. Độc đoán, chuyên quyền hoàn toàn xa lạ với chế độ lãnh đạo dân chủ tập trung hay nguyên tắc tập trung dân chủ nói trên. Vi phạm nguyên tắc này tất yếu dẫn đến độc tài, chuyên quyền, độc đoán và tính phân tán, cục bộ, tự do vô chính phủ, một căn bệnh mà không ít Đảng cộng sản cầm quyền đã mắc phải. Chỉ có tập thể lãnh đạo mới huy động được toàn bộ trí tuệ của tập thể cấp ủy, mới đảm bảo được dân chủ, tránh hiện tượng dựa dẫm, ý lại. Chỉ có đề cao trách nhiệm cá nhân mới tránh được thói vô trách nhiệm, trốn tránh trách nhiệm.

Thực hành dân chủ còn thể hiện ở tự do dân chủ trong thảo luận tìm tòi chân lý để tự do phục tùng chân lý. Người chỉ rõ: “*Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do... Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý*” [52, tr. 216]. Khi chân lý đã tìm ra rồi thì “*tự do dân chủ, tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý*” [52, tr. 216]. Đây là một luận điểm mang tính thực tiễn cao, có ý nghĩa giáo dục nhận thức rất sâu sắc, nhất là trong đời sống tư tưởng, tinh thần của giới trí thức, gắn liền với phương thức lao động sáng tạo của họ. Sự “*phục tùng*” cái chân lý do chính mình tìm ra bao giờ cũng là sự phục tùng tự giác, tích cực nhất bởi giác ngộ cái tất yếu con người sẽ có tự do. Tự do còn là hành động đúng theo quy luật tất yếu. Người dành quan tâm đặc biệt tới nhu cầu tự

do tư tưởng, đầu óc độc lập sáng tạo của trí thức, văn nghệ sĩ và Người đã động viên được tầng lớp này tham gia tích cực vào xây dựng chế độ mới. Có dân chủ và tự do thì dân chủ sẽ gắn liền với kỷ luật, pháp luật.

Trong những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về dân chủ ta còn thấy sự công phu tỷ mỉ của Người hướng vào việc nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ học vấn, trình độ dân trí, hiểu biết pháp luật, thi hành pháp luật, giữ nghiêm kỷ cương phép nước. Việc nâng cao nhận thức của nhân dân là để làm sao cho dân có hiểu biết về dân chủ để dân biết hưởng quyền dân chủ, biết sử dụng quyền dân chủ của mình mà xây dựng cuộc sống cho mình và góp công sức xây dựng chế độ do mình làm chủ.

Thấy rõ vai trò của quản lý xã hội bằng pháp luật trong một xã hội dân chủ, một nhà nước dân chủ, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật mà Người còn đặc biệt quan tâm đến việc tôn trọng, tuân thủ pháp luật. Đây là nghĩa vụ của mọi công dân và trước hết là của công chức, viên chức nhà nước, của các đảng viên. Trong thi hành và làm theo pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi đảng viên, cán bộ, những người giữ các trách nhiệm cao phải tự mình nêu gương cho dân chúng. Người còn nhấn mạnh: *Dân đã có quyền làm chủ thì cũng phải có nghĩa vụ của người chủ. Gắn liền quyền với nghĩa vụ, gắn liền dân chủ với pháp luật, kỷ cương kỷ luật, đó là bản chất của dân chủ.* Trong những năm đầu xây dựng thể chế, để trừng trị những kẻ thoái hóa hư hỏng, bảo vệ dân chúng, “*Quốc lệnh*” do chính Người thảo ra ghi rõ những tội bán nước, hại dân ứng với 10 điều trừng phạt đều ở mức cao nhất (tử hình). Rõ ràng sự công bằng bình đẳng chỉ có thể có được trên cơ sở pháp luật được tôn trọng, kỷ cương phép nước được giữ vững.

Một biểu hiện khác của thực hành dân chủ mà Hồ Chí Minh dành sự quan tâm đặc biệt, từ rất sớm và trong cả cuộc đời đó là rèn luyện đạo đức

cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, lãng phí, tham ô để thực hiện dân chủ như đã trình bày ở phần trên. Người coi chủ nghĩa cá nhân là thứ “*vi trùng*” rất độc, nảy sinh ra trăm thứ bệnh nguy hiểm như tham ô, lãng phí, hám danh, trục lợi, thích địa vị quyền hành, xa hoa, hủ hóa... là giặc nội xâm. Vì vậy, Người kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân bằng mọi cách ở mọi nơi. Tác phẩm “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*” là một trong những tác phẩm cuối cùng của Người. Người chỉ rõ: Muốn chống tham ô, lãng phí, chống quan liêu thì phải thực hành dân chủ. Phải làm cho Đảng được trong sạch, là một Đảng cách mạng chân chính. Chiến đấu hy sinh vì lợi ích của nhân dân. Vào Đảng không phải để làm quan phát tài. Công chức nhà nước cũng vậy. Có nghĩa là muốn chống tham ô, lãng phí thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Phải động viên quần chúng thực hành dân chủ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham ô thì phải dựa vào lực lượng quần chúng mới thành công.

Muốn có lực lượng quần chúng phải vận động quần chúng, đó chính là dân vận. Có thể nói, tư tưởng dân vận và cách làm dân vận thể hiện rõ nhất quan niệm của Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ. Người làm công tác dân vận phải biết “*dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân, không để sót một người nào*” [49, tr. 698]. Đây vừa là sự thể hiện tình cảm tin tưởng, tôn trọng con người, tôn trọng từng nhân cách của từng người một, vừa là sự thể hiện ý tưởng phát huy nội lực toàn dân bởi hợp sức, hợp lực, hợp quần từ mỗi con người, không quên, không sót một ai.

Đề cao dân, tôn trọng dân, tin cậy dân, học hỏi dân, đó là tinh thần dân chủ trong dân vận bởi dân không phải thụ động, là đối tượng tác động của dân vận mà dân là chủ động, chủ thể. Đảng, Chính phủ, mặt trận, đoàn thể đều phải coi dân vận là công việc của mình, bên cạnh đó toàn dân phải chủ động

tích cực tham gia vào công tác dân vận, cho mình, cho người khác. “*Dân chúng có rất nhiều sáng kiến, thực hành dân chủ thực chất là gần gũi dân và học dân*”, phải “*tôn trọng dân thì dân mới dám bày tỏ ý kiến*”.

Thảo luận dân chủ, xây dựng kế hoạch cho đúng, cho sát, phối hợp đồng bộ, gắn liền giáo dục vận động, thúc đẩy hành động, gây dựng phong trào, kiểm tra, điều chỉnh, đó là cả một hệ thống những nhiệm vụ mà công tác dân vận phải làm cho đúng, cho khéo, cho tốt. Giúp đỡ dân, bày vẽ cách làm cho dân, làm gương mẫu, kiểu mẫu cho dân noi theo. Đó là yêu cầu của công tác dân vận đối với mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức quần chúng.

Người kết luận: “*Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*” [49, tr. 700].

Tựu trung lại thực hành dân chủ của Hồ Chí Minh thể hiện ở những điểm nổi bật sau đây: mục đích của thực hành dân chủ là để làm cho dân ai cũng được hưởng quyền tự do, dân chủ; thực hành cũng có nghĩa là phát huy dân chủ ngày càng đầy đủ, đúng đắn, thực chất hơn. Nó giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo của dân chúng “*có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân, đưa cách mạng tiến lên*”.

Nhờ vậy, dân chủ trở thành động lực của tiến bộ, của phát triển “*thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn*”.

d. Về xây dựng chế độ dân chủ

Chế độ dân chủ là một trong những hình thức tổ chức Nhà nước. Theo Mác, chế độ dân chủ, đó là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản và Lênin nhấn mạnh rằng: Chuyên chính vô sản, đó là dân chủ cho nhân dân, cho số đông, đi đôi với sự trấn áp tất yếu đối với thiểu số bóc lột, thống trị, phản động là kẻ thù của nhân dân.

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh giải

thích mối quan hệ giữa dân chủ và chuyên chính “*như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khóa. Nhà thì phải có cửa. Khóa và cửa cốt để đề phòng kẻ gian ăn trộm. Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái chìa khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Nếu có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa, thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ*” [53, tr. 279]. Ở đây cái quan trọng nhất, quý báu nhất là dân chủ. Chuyên chính không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện để bảo vệ dân chủ, chỉ là “*cái khóa*”, “*cái cửa*” mà thôi.

Đối với Hồ Chí Minh, trong xây dựng chế độ dân chủ, việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng bởi đó là cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong thực tế. Trước hết, Hồ Chí Minh luôn khẳng định Nhà nước của ta là Nhà nước của dân. Ngay khi vừa giành được chính quyền (8-1945) Người đã cùng toàn thể đồng bào lập tức bắt tay vào một công việc trọng đại là thiết lập một Nhà nước dân chủ của dân tộc Việt Nam, một Nhà nước đã được xác định rõ trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta: “*Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt giống nòi, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. Một ngày sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp Chính phủ (3-9) nêu rõ “*Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*” gồm 6 điểm trong đó có việc “*đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu*”. Trong ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946 toàn dân đã đi bầu cử, mọi người tự do ứng cử và lựa chọn đại biểu của mình. Với một đất nước còn đang ngổn ngang khó khăn và nền độc lập mới giành được 4 tháng đang ở trong tình hình “*ngàn cân treo sợi tóc*”, một Quốc hội, một Chính phủ qua Tổng tuyển cử hợp pháp đã ra đời. Đây là một Nhà nước có

đầy đủ tư cách gánh vác trách nhiệm lớn lao trước dân tộc, đất nước tiến hành các quan hệ và bang giao với thế giới.

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam một Nhà nước của dân được lập ra bằng con đường bầu cử theo chế độ bầu cử phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín - một chế độ bầu cử dân chủ, tiên bộ của thế giới đương đại mà ở Việt Nam ngay trong năm đầu của chính quyền cách mạng đã thực hiện được. Ở đây, quyền hành, công việc, lực lượng mà cơ quan, nhân viên Nhà nước thực hiện bắt nguồn từ sự ủy quyền của dân. Nhân viên, cơ quan Nhà nước chỉ là người được giao, được ủy thác và là người “*đầy tớ*” thừa hành, gánh vác công việc trong phạm vi khuôn khổ được giao và phải được nhân dân thường xuyên kiểm tra, giám sát. Là người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh nói: “*Chính phủ rất mong đồng bào đôn đốc, kiểm soát và phê bình*” [51, tr. 361-362]. Người khẳng định “*Từ Chủ tịch nước đến giao thông viên cũng vậy, nếu không làm được việc cho dân, thì dân không cần đến nữa*” [44, tr. 41]. Như thế đủ thấy thực chất của Nhà nước dân chủ là nhà nước của dân. Đây là vấn đề được thể hiện đậm nét trong tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh.

Cùng với xây dựng một Nhà nước của dân, Hồ Chí Minh rất chăm lo đến xây dựng Nhà nước do dân, vì dân. Người hiểu nhân dân là một lực lượng vô cùng hùng hậu nên Người đã viết: “*Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết*” [48, tr. 20], “*Không ai chiến thắng được lực lượng đó*” [48, tr. 19]. Vấn đề lớn đặt ra mà Hồ Chí Minh quan tâm giải quyết là mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Ngay từ những ngày đầu của chính quyền nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “*Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối*” [48, tr. 56]. Đây là một quan điểm hết sức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà

nước do dân. Nhà nước và Chính phủ do nhân dân bầu nên không phải để làm thay nhân dân, thay xã hội mà để tổ chức các hoạt động của nhân dân trong khuôn khổ luật pháp quy định và để thực hiện đúng đắn các quyền của dân chúng, đem lại lợi ích thiết thân hàng ngày cho dân chúng. Nhà nước của dân, do dân giao quyền, ủy quyền phải làm được nhiệm vụ “*dem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân*”. Xét đến cùng, một Nhà nước của dân, do dân xây dựng nên phải là một Nhà nước vì dân - một Nhà nước tồn tại và hoạt động vì lợi ích của toàn thể nhân dân, không vì một nhóm hay một tập đoàn xã hội nào như Nhà nước ở các xã hội cũ. Nhà nước của ta ngoài lợi ích phục vụ dân chúng cũng không có lợi ích nào khác. Đó là bản chất GCCN của Nhà nước ta. Người đòi hỏi mọi việc làm của Nhà nước phải thể hiện rõ bản chất đó: “*Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh*” [48, tr. 56-57]. Người nhắc nhở chính quyền các cấp phải tránh cho được các lầm lỗi, khuyết điểm, những thói hư tật xấu, những chứng bệnh vốn dễ tạp nhiễm trong các cơ quan quyền lực Nhà nước như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo... Hồ Chí Minh yêu cầu mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều phải xuất phát từ lợi ích của dân. Mọi cán bộ Nhà nước đều vì dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Cao hơn nữa, một Nhà nước vì dân phải đảm bảo cho dân có được cuộc sống ấm no hạnh phúc. Người đã chỉ ra một cách rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước, của Đảng đối với dân. “*Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; Nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi*”. [51, tr. 572].

Nhà nước của dân, Nhà nước do dân và Nhà nước vì dân, đó là ba đặc trưng cấu thành của một Nhà nước kiểu mới mà Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Nhà nước để xây dựng chính quyền cách

mạng ở nước ta. Ba đặc trưng này gắn bó hữu cơ với nhau và được thể hiện nhất quán trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Nhà nước kiểu mới theo Hồ Chí Minh là Nhà nước của dân, do dân, vì dân thì tất yếu phải là một Nhà nước pháp quyền dân chủ mạnh mẽ, sáng tạo, tổ chức và hoạt động theo pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xuất hiện từ rất sớm. Người sống và làm việc nhiều năm ở các nước tư bản phát triển và sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây, nhờ đó những tư tưởng về dân chủ pháp quyền của các nhà khai sáng đã được Người nghiên cứu, thấm thía một cách sâu sắc với một tinh thần độc lập sáng tạo. Từ năm 1919, trong bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” gửi tới hội nghị Véc Xây, Người đòi hỏi phải “*Cải cách nền công lý ở Đông Dương bằng cách ban cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người châu Âu*” [46, tr. 435]; đòi các quyền cơ bản của con người ở thuộc địa được pháp luật thừa nhận và được thực hiện theo pháp luật. Vào lúc ấy, dù còn rất trẻ, Người đã thấy một trong những yêu cầu quan trọng của việc xây dựng thể chế Nhà nước pháp quyền để bảo vệ dân: “*Thay thế việc ra Sắc lệnh bằng việc ban hành các Đạo luật*”. Coi trọng vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, Hồ Chí Minh đã trực tiếp soạn thảo hoặc trực tiếp chỉ đạo biên soạn Hiến pháp và các bộ luật của Nhà nước ta (Hiến pháp 1946, 1959) Người đã ký lệnh công bố 16 đạo luật và gần 1.300 văn bản dưới luật khác cũng như Người đã ký nhiều sắc lệnh hệ trọng đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những thời kỳ lịch sử khác nhau khi Người ở cương vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ.

Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng pháp luật, bởi vì theo Người một Nhà nước kiểu mới phải là một Nhà nước mà dân chủ và pháp luật phải gắn liền với nhau, nương tựa vào nhau. Mọi quyền dân chủ của người dân

phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật đảm bảo cho quyền tự do, dân chủ của người dân phải được tôn trọng và thi hành trong thực tế. Người nói: *“Pháp luật của ta hiện nay bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động... pháp luật của ta là pháp luật thực sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”* [54, tr. 187]. Chính vì *“Pháp luật bảo vệ cho hàng triệu người”* nên Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ nhân dân mà các cơ quan Nhà nước, các cơ quan Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên và công chức cũng phải tuân thủ pháp luật, tôn trọng tính tối cao của luật pháp, đồng thời Người cũng đòi hỏi phải trừng trị rất nghiêm những kẻ phạm tội, nhất là đối với tội đưa và nhận hối lộ, tham ô, trộm cắp của công. Phải thực hiện nghiêm minh pháp luật trong xét xử, phải thực hiện sự bình đẳng của tất cả mọi công dân trước pháp luật.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh ba yếu tố: Hiến pháp, luật pháp và bộ máy chính quyền. Người yêu cầu: phải có Hiến pháp *“thích hợp với sự phát triển của chế độ”*, *“bảo đảm được quyền tự do dân chủ cho các tầng lớp nhân dân”*; phải có luật pháp *“thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”*; phải có một bộ máy chính quyền có đủ năng lực, phẩm chất, tinh giản, nhạy bén để phục vụ Nhà nước có hiệu quả và gần bó, liên hệ mật thiết với dân chúng. Người cũng nêu lên những nguyên tắc, đặt nền móng để xây dựng một chính quyền dân chủ *“của dân, do dân và vì dân”*.

- Chính phủ từ Trung ương đến cơ sở do dân bầu cử và lập ra.
- Nhân dân có quyền kiểm tra, phê bình Chính phủ, Chính phủ *“đưa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức”* [49, tr. 297].
- Khi không làm tròn phận sự, từ Chủ tịch nước đến nhân viên đều bị bãi miễn.

- Năng lực và đạo đức phục vụ nhân dân, tập trung ở những phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong xây dựng chế độ dân chủ, Hồ Chí Minh không chỉ coi trọng vai trò của Nhà nước mà Người còn nhấn mạnh vai trò của Đảng cầm quyền. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh đã khẳng định “*trước hết nói về Đảng*” và khẳng định “*Đảng ta là một Đảng cầm quyền*” [56, tr. 510]. Người đã tìm ra lời giải cho vấn đề nung nấu bao nhiêu thế hệ các nhà cách mạng Việt Nam: “*Cách mệnh trước hết phải có cái gì?*” Người đã trả lời trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*” (1927): “*Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi*” [47, tr. 267-268]. Câu trả lời đã mang ý nghĩa khái quát và mang tính tổng kết cao của kết quả gần hai thập kỷ hoạt động nghiên cứu lý luận và đấu tranh trong thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Không chỉ trong trong điều kiện đấu tranh giành chính quyền mà ngay cả khi đã giành được chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dành sự quan tâm đặc biệt cho công tác xây dựng Đảng. Trong những bức thư Người gửi cho một đảng bộ tỉnh, một đảng bộ miền mà Người thân tình gọi là “*Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà*”, “*Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*”, “*Thư gửi các đồng chí Trung Bộ*” chứa đựng bao điều hướng dẫn chỉ bảo chân tình về những việc phải làm, những điều phải tránh, cụ thể, chi tiết trong điều kiện một chính quyền nhân dân mới ra đời phải thể hiện cho được tính nhân dân, bản chất dân chủ của chế độ mới. Đặc biệt là Người dành nhiều thời gian viết cuốn sách: “*Sửa đổi lối làm việc*”. Đây thực sự là cuốn “*Sách gối đầu giường*” cho lớp cán bộ trong tu dưỡng bản thân.

Người quan tâm rất nhiều đến việc đảm bảo dân chủ trong mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Là một nhà hoạt động chính trị thực tiễn, một lãnh tụ nhưng luôn ở trong dân, gần dân, hiểu dân nên Người thấy rất rõ vai trò của tổ chức Đảng ở cơ sở, do đó đã có những chỉ dẫn cụ thể:

“Tác dụng của Chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên lạc Đảng với quần chúng. Nhiệm vụ của Chi bộ là:

- Luôn luôn tuyên truyền cho nhân dân và tổ chức nhân dân, để thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng.

- Luôn luôn chú ý đến tư tưởng và nhu cầu của nhân dân và kịp thời báo cáo cấp trên biết rõ.

- Luôn luôn quan tâm đến đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa của nhân dân, đồng thời giáo dục nhân dân, tổ chức nhân dân để giải quyết các vấn đề cho nhân dân.

Chỉ có làm đầy đủ những công việc ấy, thì Đảng mới liên hệ chặt chẽ với quần chúng” [51, tr. 243].

Đây là những chỉ dẫn hết sức thiết thực, cần thiết, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi công tác xây dựng Đảng, tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở do Đảng lãnh đạo đang trở nên một yêu cầu bức xúc.

Nói về nhiệm vụ của đoàn thể, Người nhấn mạnh phải phấn đấu cho dân và bênh vực quyền lợi của dân. Chẳng hạn: *“Công đoàn phải bảo vệ cho công nhân có quyền thực sự trong xí nghiệp”*, *“Đoàn phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên”*. Với Nông hội, Hội phụ nữ, Người cũng đều nêu những yêu cầu tương tự.

Riêng với Mặt trận dân tộc thống nhất, Người coi đó là một liên minh chính trị của các giai cấp, các tầng lớp, tôn giáo và dân tộc. Mặt trận càng rộng rãi, chặt chẽ, thống nhất bao nhiêu thì khối đại đoàn kết càng mạnh mẽ, bền chặt bấy nhiêu. Người nêu khẩu hiệu: thật thà đoàn kết, tất cả vì lợi ích của nhân dân, dân tộc. Người chủ trương quy tụ, đoàn kết và hòa hợp mọi lực lượng của dân tộc để xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh.

Xây dựng củng cố các đoàn thể quần chúng và Mặt trận là vấn đề có

tầm quan trọng chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong giai đoạn cách mạng XHCN. Chỉ như vậy các đoàn thể quần chúng mới phát huy được vai trò của mình là sợi dây nối liền Đảng cộng sản với nhân dân, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng nền dân chủ phát triển ở nước ta để đảm bảo thực hiện quyền dân chủ và làm chủ của dân.

1.2. PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NƯỚC TA – SỰ THỂ CHẾ HÓA NỘI DUNG TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1.2.1. Quá trình thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời được hiến định bởi Hiến pháp đầu tiên do Quốc hội thông qua ngày 9/1/1946. Người khai sinh ra nền cộng hoà dân chủ và bản Hiến pháp đầu tiên ấy là Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã nhận định rằng từ giữa thế kỷ XX, Việt Nam đã đạt tới những quan niệm dân chủ, sánh ngang với bất cứ một thể chế dân chủ nào trên thế giới. Nổi bật ở đây là việc xác nhận về mặt pháp lý quyền làm chủ của nhân dân: *Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo.* Cùng với thời gian, dân chủ tiếp tục được Đảng và Nhà nước quan tâm, được thể hiện trong đường lối lãnh đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong các bản Hiến pháp.

Tuy nhiên trước những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta trải qua nhiều cuộc chiến tranh khốc liệt để bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Đặc trưng nổi bật của xã hội thời chiến là nền kinh tế tập trung, bao cấp và quản lý xã hội bằng biện pháp hành chính “*mệnh lệnh, phục tùng*”. Điều đó cho thấy

rằng trong khoảng thời gian mà nhân dân phải gồng mình đối chọi với chiến tranh, với sự sống, với cái ăn, cái mặc thì việc chú trọng đến dân chủ và tổ chức thực hiện dân chủ dường như chưa phải là ưu tiên quan trọng nhất.

Đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX, những xáo trộn lớn trong đời sống chính trị thế giới, sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của các nước XHCN trên thế giới đã tác động sâu sắc đến đời sống chính trị xã hội nước ta. Trước những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhạy bén, kịp thời lãnh đạo nhân dân đổi mới toàn diện đất nước.

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng - Đại hội đổi mới chỉ rõ: "*Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"* [28]. Đây chính là tư tưởng đột phá làm cơ sở lý luận và thực tiễn để thực hiện dân chủ và phát huy dân chủ trong quá trình đổi mới đất nước. Có thể thấy, từ giai đoạn này trở đi, dân chủ đã mang một sắc thái hoàn toàn mới, phù hợp với yêu cầu của đất nước, của thời đại.

Từ khi Đảng và Nhà nước ta tiến hành đổi mới, nền kinh tế của đất nước từng bước phát triển, cùng với đó là đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện, đó chính là dân sinh. Như một hệ quả tất yếu, kinh tế phát triển sẽ kéo theo dân trí phát triển, người dân nâng cao nhận thức của mình về các quyền công dân, quyền về kinh tế, chính trị - xã hội trong mối quan hệ với chính quyền và HTCT. Nói cách khác, đòi hỏi về thực hiện quyền dân chủ, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở càng ngày càng nâng cao như một tất yếu khách quan trên con đường phát triển của nước ta. Bởi vậy, việc nhân dân tìm hiểu thế nào là dân chủ, làm thế nào để thực hiện dân chủ, làm thế nào để quyền dân chủ của họ không bị xâm phạm... là nhu cầu chính đáng của người dân. Nền kinh tế càng phát triển thì nhu cầu về dân chủ của người dân càng được nâng lên. Vì thế không ngừng mở rộng và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội là một đòi hỏi tất yếu của đời sống.

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó khẳng định: *"Toàn bộ tổ chức và hoạt động của HTCT nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của nhà nước do dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp"*. [29].

Tại Đại hội VIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: *"Xây dựng nền dân chủ XHCN là nội dung cơ bản đổi mới HTCT ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước"*.

Tư tưởng quan trọng này chính là cơ sở để Bộ chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị 30 - CT/TW, ngày 18/2/1998 về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở và BCHTW các khóa tiếp theo từng bước củng cố và phát triển.

Rõ ràng hơn 60 năm (tính đến thời điểm ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11) xây dựng chế độ dân chủ và thực hành dân chủ, quan niệm về dân chủ và thực hành dân chủ ở nước ta đã có những bổ sung, phát triển nhưng chưa bao giờ được xem là đầy đủ, hoàn thiện. Bởi thế, việc ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11 như là bước đi tất yếu.

1.2.2. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 - sự cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ

a. Sự cần thiết xây dựng Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Chỉ thị số 30 - CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị đã xác định *"... để giữ vững và phát huy được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát Nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái,*

quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng. Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất” [6].

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 30 - CT/TW, để cụ thể hoá các chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành các Nghị định số 29/1998/NĐ - CP ngày 11/5/1998 (sau được sửa đổi bằng Nghị định số 79/2003/NĐ - CP ngày 07/7/2003) kèm theo Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định các nội dung, phương thức và trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc thực hiện quyền dân chủ của nhân dân. Đây là những văn bản pháp lý quan trọng, đánh dấu một bước việc thể chế hoá phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ngay từ cơ sở.

Qua 10 năm (1998 - 2007) thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn, chúng ta đã đạt được những kết quả tích cực và tương đối toàn diện. Quy chế đã thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống sinh hoạt chính trị, xã hội ở các địa phương trong cả nước, nâng cao nhận thức về quyền làm chủ của nhân dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, giám sát hoạt động của chính quyền, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng tại cơ sở xã, phường, thị trấn. Thực hiện QCDC, chính quyền cấp xã bước đầu được kiện toàn, lễ lới, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ cơ sở đã có nhiều thay đổi theo hướng gần dân và phục vụ nhân dân tốt hơn. QCDC đã góp phần mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng đời sống văn hóa và bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, tạo được sự đồng thuận lớn trong nhân dân.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được nêu trên mới chỉ là bước đầu, vẫn

còn những mặt hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở. Ở một số nơi, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, công chức, đảng viên chưa đầy đủ, chưa thấy hết tầm quan trọng của triển khai và thực hiện tốt Quy chế; vẫn còn xảy ra tình trạng hạn chế hoặc cản trở việc thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân. Ở nhiều địa phương, tình trạng thực hiện QCDC ở cơ sở còn hình thức, tổ chức triển khai chưa đồng bộ và thường xuyên. Quyền làm chủ của nhân dân ở không ít nơi vẫn chưa được thực hiện một cách đầy đủ theo tinh thần của Quy chế, quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân vẫn có nơi, có lúc bị hạn chế, thậm chí bị vi phạm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, một số quy định của QCDC còn hạn chế về mặt nội dung, chưa phù hợp với thực tiễn, không có tính khả thi khi áp dụng; hiệu lực pháp lý mới chỉ dừng ở Nghị định của Chính phủ đã ít nhiều hạn chế tác động của Quy chế tới thực hiện quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở.

Mở rộng và phát huy dân chủ là xu hướng khách quan của tiến bộ xã hội, nhất là hiện nay nước ta đang trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, mở rộng và nâng cao dân chủ sẽ góp phần nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của đất nước trong thời kỳ mới.

Trong thời gian này nhiều vấn đề liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Tổ chức HĐND và UBND; Luật bầu cử đại biểu HĐND, Pháp lệnh cán bộ, công chức; Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Nhằm tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong nội dung và cách thức triển khai thực hiện QCDC nói riêng và thể chế hóa những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước nói chung, việc nghiên cứu, nâng cao hiệu lực pháp lý của văn bản ở cấp độ Nghị định lên Pháp lệnh đặt ra yêu cầu bức thiết. Từ thực tế đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

b. Những nội dung cơ bản của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và sự tác động của Pháp lệnh tới đời sống nhân dân

b1. Những nội dung công khai để nhân dân cấp xã biết theo quy định của Pháp lệnh

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Về cách thức thông tin, nhân dân có quyền yêu cầu chính quyền sử dụng các phương tiện thông tin sẵn có ở xã, thôn để truyền tải những thông tin mà nhân dân được quyền biết, đó là: trực tiếp bằng văn bản đến thôn, xã; niêm yết công khai tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã hoặc ở những trung tâm dân cư; hệ thống truyền thanh xã, thôn; tại các cuộc họp tiếp xúc đại biểu HĐND xã và Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai, thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định...

Về nội dung thông tin, nhân dân có quyền yêu cầu tất cả những thông tin mà dân được quyền biết. Tuy nhiên không phải bất kỳ ai, bất kỳ lúc nào, hoặc bất kỳ loại thông tin nào cũng có thể được yêu cầu. Có những loại thông tin được cung cấp định kỳ, như báo cáo công tác của HĐND, UBND xã. Cũng có những loại thông tin chỉ có thể được cung cấp sau một thời hạn nhất định, như dự toán, quyết toán thu chi ngân sách, hoặc dự án, công trình. Có loại thông tin được cung cấp thông qua các tổ chức như Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát công trình, Ban công tác mặt trận, ...

b2. Những nội dung Pháp lệnh quy định nhân dân bàn bạc, thảo luận và cùng quyết định như:

- Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và

các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhân dân bàn, biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định:

+ Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

+ Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Những nội dung nhân dân bàn và quyết định dù trực tiếp hay gián tiếp đều được thực hiện dưới hình thức: Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Tùy theo từng hình thức thể hiện sẽ có quy định riêng.

Đồng thời để bảo đảm dân chủ và tạo ra sự đồng thuận trong nhân dân, Pháp lệnh quy định những việc nhân dân bàn và quyết định phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành. Ngoài ra, đối với các nội dung nhân dân bàn và biểu quyết phải có sự công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì mới có giá trị thi hành. Pháp lệnh cũng quy định quy trình và thời gian cụ thể mà cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định về những nội dung nhân dân bàn.

b3. Những nội dung Pháp lệnh quy định nhân dân được quyền tham gia ý kiến trước khi chính quyền cấp xã hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định như:

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Những nội dung này được thể hiện bằng hình thức: Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố; Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; Thông qua hòm thư góp ý.

b4. Những nội dung nhân dân giám sát

Đối với những nội dung mà nhân dân được biết, được thông tin, được bàn và quyết định, được tham gia ý kiến như trên đã trình bày thì nhân dân đều có quyền giám sát việc thực hiện. Một số việc quan trọng mà nhân dân ở địa phương có quyền giám sát, kiểm tra:

- Hoạt động của đại biểu HĐND xã, cán bộ UBND xã.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Dự toán và quyết toán ngân sách xã.

- Kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình dự án do nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư tài trợ trực tiếp cho xã.

- Quản lý và sử dụng đất đai.

- Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã.

Nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Nhân dân có thể trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Qua vấn đề trên chúng ta có thể thấy rằng, những nội dung trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cấp xã được sắp xếp theo cấp độ tăng dần và toàn diện. Những nội dung trên là cốt lõi của vấn đề dân chủ nói chung và dân chủ ở cấp xã nói riêng. Đó là việc “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” như Bác Hồ đã từng khẳng định.

“*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” là bốn yếu tố cơ bản, có quan hệ thống nhất hữu cơ, biện chứng với nhau trong hệ thống tư tưởng “*Dân chủ*”. Muốn “*Dân bàn*” thì Dân phải biết; muốn “*Dân làm*” thì phải trên cơ sở “*Dân biết*” và đã bàn bạc thấu đáo. Dân không những được biết, được bàn, được làm mà còn được kiểm tra.

Có thể nói, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ra đời là một bước tiến mới trong việc hiện thực hóa các quan điểm của Đảng, tư tưởng của Bác Hồ về nền dân chủ XHCN của nhân dân. Dân là chủ thì dân phải được làm chủ, phải được hưởng quyền dân chủ trong mọi mặt của cuộc sống và cũng chỉ có như vậy bản chất tốt đẹp của Nhà nước mới được giữ vững, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc mới được củng cố, phát huy. Việc ban hành văn bản là sự xây dựng, thực hiện và đã được kiểm nghiệm, bổ sung trong thực tế suốt cả một quá trình, đó là tiền đề quan trọng trong việc phát huy ngày càng mạnh mẽ hơn quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở. nhưng kết quả cuối cùng còn phụ thuộc vào các khâu nhận thức, quán triệt, tổ chức, triển khai, cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự tham gia

hường ứng nghiêm túc, nhiệt tình của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong quá trình đó việc thống nhất trong nhận thức và hành động về dân chủ là mục tiêu, đồng thời là động lực phát triển của đất nước là nền tảng cực kỳ quan trọng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VIỆC THỰC THI DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

2.1.1. Bối cảnh chung

Trong thế kỷ XX ghi nhận những thành quả có ý nghĩa “thay đổi trật tự thế giới”, trong đó phải kể đến những đóng góp to lớn của các nước XHCN trong việc nhân đạo hóa và dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội; mở ra một không gian rộng lớn cho các dân tộc vươn tới tự do, bình đẳng, hòa bình và hợp tác... Tuy vậy, những thập niên sau cùng của thế kỷ XX, dường như nhân loại lại được chứng kiến những “nghịch lý của sự phát triển”. Hai mặt, hai quá trình tương phản đang diễn ra nhanh chóng đã và đang làm cho con người khó đoán định tương lai hơn. Việc nhận thức và hành động như thế nào trong việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích của quốc gia - dân tộc mình với lợi ích của các quốc gia - dân tộc khác và nói chung là lợi ích của toàn nhân loại, lúc này một lần nữa đòi hỏi chúng ta phải chủ động và sáng tạo trong vận dụng tư tưởng và cách làm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên rất nhiều phương diện.

Quả thực, khi bước vào thế kỷ XXI, nhân loại đang chứng kiến một thế giới với đầy những đổi thay kỳ diệu về khoa học công nghệ, sự phát triển mạnh mẽ của LLSX... Bối cảnh mới làm cho toàn cầu hóa kinh tế ngày càng sâu sắc; sự hình thành kinh tế tri thức; việc cải cách và tái cấu trúc kinh tế diễn ra khắp nơi; các liên kết kinh tế xuất hiện ngày càng nhiều; mạng lưới kinh doanh và chuỗi giá trị toàn cầu phát triển; những điều chỉnh chiến lược trong các công ty; sự chạy đua giữa các quốc gia trong quá trình phát triển; vai trò tăng lên của các tổ chức phi chính phủ; *ý thức dân chủ của người dân*

ngày càng mạnh mẽ... Bên cạnh đó, nhân loại cũng chứng kiến không ít những biến cố khó lường trong đời sống xã hội: Sự khan hiếm các nguồn nguyên liệu và năng lượng; những thách thức về môi trường, dịch bệnh và an ninh phi truyền thống tác động đến tăng trưởng và ổn định; chủ nghĩa bảo hộ mới và những hàng rào kỹ thuật hiện đại... Cùng với xu thế lớn là hoà bình, hợp tác và phát triển, quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được đẩy nhanh... thì chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố, lật đổ, *cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa độc tài phi dân chủ, đơn phương - bá quyền* vẫn tiếp tục diễn ra căng thẳng, quyết liệt. Những xung đột lợi ích và cuộc đấu tranh giành giật quyền lực trên thế giới vẫn chưa hề có biểu hiện dịu đi nếu không nói là ngược lại... Người ta hy vọng việc chiến tranh lạnh kết thúc, loài người sẽ bớt chi tiêu cho quốc phòng, nhưng sự việc lại không diễn ra như vậy, ngân sách đầu tư vào lĩnh vực này trên toàn thế giới đã đạt con số trên 1.000 tỷ USD ...

Ở trong nước, những thành tựu của sự nghiệp đổi mới, trực tiếp là thành tựu đạt được trong những năm qua tiếp tục mang lại thế và lực mới cho đất nước. Tuy vậy, những nguy cơ thách thức mà Đảng đã cảnh báo vẫn chưa hề có dấu hiệu thuyên giảm, thậm chí có những nguy cơ đã và đang bộc lộ rõ nét hơn, trầm trọng hơn. Sự nghiệp phát triển của dân tộc ta đang bước vào giai đoạn có ý nghĩa quyết định, hoặc là hoà nhập vào nhịp điệu, xu thế chung của thời đại một cách tự chủ để tự khẳng định vị thế của mình trong quan hệ với các quốc gia, dân tộc trên thế giới với tầm cao của văn hoá, văn minh dân tộc - thời đại; hoặc là bị những dòng xoáy của những dòng thác thị trường cạnh tranh khắc nghiệt xoá nhòa bản sắc, cuốn trôi hay bị nhấn chìm trong tụt hậu? Thời cơ và thách thức của dân tộc Việt Nam lúc này chính là ở đó.

Trong tình hình đó, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta vẫn là nền tảng định hướng hoạt động của toàn bộ HTCT, tác động

sâu sắc đến các quan hệ xã hội. Theo tinh thần đó, quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định trong Đại hội IX cũng như Đại hội X là:

Đây có thể được xem là những nhân tố có tính dân tộc, thời đại – mang tính phổ quát tác động, chi phối việc nhận thức và tổ chức thực hiện dân chủ trên bình diện cả nước, cũng như ở mỗi địa phương, đơn vị trong những thập niên cuối của thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI.

Bên cạnh cái phổ biến, tất nhiên quá trình triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở nói chung, xã, phường, thị trấn nói riêng ở tỉnh Bình Định cũng chịu tác động của các nhân tố có tính đặc thù - những đặc điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống của các cấp độ chủ thể, trở thành phong tục, tập quán, cách nghĩ, cách ứng xử... Nổi lên trong đó là các yếu tố sau:

2.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh

** Về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội*

Bình Định là 1 trong 5 tỉnh, thành phố ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung. Bình Định có diện tích tự nhiên là 6.039 km²; theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 1/4/2009, dân số tỉnh Bình Định (năm 2009) là 1.485.943 người; gồm 09 huyện, 01 thị xã và Tp. Quy Nhơn (là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định). Ngoài dân tộc Kinh, còn có gần 40.000 các dân tộc khác cùng chung sống, nhưng chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Ba Na và H'rê sinh sống ở các huyện miền núi và trung du.

Khí hậu tỉnh Bình Định có tính chất nhiệt đới ẩm, gió mùa. Tổng lượng mưa trung bình năm là 1.751mm, cực đại là 2.658mm, cực tiểu là 1.131mm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 – 12; mùa khô kéo dài từ tháng 01 – 8. Cấu tạo địa chất, địa hình, khí hậu làm cho Bình Định tuy không có đồng bằng rộng lớn nhưng có đồng ruộng phì nhiêu, đa dạng về sản phẩm nông, lâm, ngư ..., nhiều tài nguyên khoáng sản và tiềm năng thủy điện.

Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không và đường biển khá thuận lợi. Quốc lộ 1A đoạn qua Bình Định dài 118 km, Quốc lộ 1D đoạn qua Bình Định dài 20,7 km, Quốc lộ 19 qua Bình Định dài 69,5 km, với tổng chiều dài 208 km. Quốc lộ 19 nối liền cảng biển quốc tế Quy Nhơn với các tỉnh thuộc khu vực vùng Bắc Tây Nguyên qua các cửa khẩu quốc tế Đức Cơ, Bờ Y và vùng 3 biên giới Việt Nam- Lào- Campuchia. Sân bay Phù Cát cách Tp. Quy Nhơn 30 km về phía Tây Bắc, có đường băng rộng 45 mét dài 3.050 mét. Đường sắt Bắc - Nam đi qua Bình Định dài 148km. Bình Định có Cảng biển quốc tế Quy Nhơn, có khả năng đón tàu tải trọng lớn và cảng nội địa Thị Nại, rất thuận lợi cho việc phát triển cảng biển tầm cỡ quốc gia và góp phần phát triển khu kinh tế Nhơn Hội.

Bình Định là tỉnh có tiềm năng về kinh tế biển; với chiều dài bờ biển 134km; vùng lãnh hải 2.500km², vùng đặc quyền kinh tế 40.000km², có nguồn lợi hải sản phong phú, giá trị kinh tế cao. Sản lượng hải sản khai thác hàng năm khoảng 25.000 - 33.000 tấn (chưa kể sản lượng khai thác xa bờ). Dự báo giai đoạn 2011 - 2020 khai thác ổn định ở mức 100.000 tấn/năm.

Diện tích rừng hiện có trên 207.370ha. Trong đó rừng tự nhiên là 154.390ha, rừng trồng là 52.980ha (rừng sản xuất là 34.624ha) góp phần đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ xuất khẩu và tiêu thụ trong tỉnh. Ngoài ra, đất đồi núi chưa sử dụng trên 205.200ha, có thể phát triển trồng rừng nguyên liệu hoặc trồng cây công nghiệp phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản.

Hiện nay, Bình Định đã và đang tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng theo quy hoạch 8 KCN (chưa tính các KCN trong KKT Nhơn Hội) với tổng diện tích quy hoạch là 1.761 ha, 37 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.519,37 ha, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội (12.000 ha, trong đó có 1.300 ha khu công nghiệp); tập trung xây dựng Thành phố Quy

Nhon (đô thị loại I thuộc tỉnh) trở thành trung tâm tăng trưởng phía Nam của vùng và đầu mối giao thông phục vụ trực tiếp cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên; xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng lớn để gắn kết với các khu vực lân cận theo trục Bắc - Nam và Đông Tây; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm mà tỉnh có lợi thế là công nghiệp chế biến lâm - nông - thủy sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, giày da, may mặc, cơ khí, cảng biển nước sâu, sản xuất lắp ráp đồ điện, điện tử, sản xuất điện, phát triển du lịch, dịch vụ hàng hải, thương mại, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông.... Hoạt động du lịch của Bình Định cũng hết sức sôi động. Số khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Bình Định ngày càng tăng...

Với các điều kiện địa lý kinh tế, hạ tầng kỹ thuật cùng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, Bình Định có đủ điều kiện để phát triển kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng trong tương lai.

Tất cả những yếu tố trên đã giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn xuất hiện khá sớm và ngày càng phát triển theo sự thay đổi của thời gian. Khi các hoạt động kinh tế phát triển thì đòi hỏi về dân chủ là điều tất yếu vì chỉ có dân chủ mới thúc đẩy kinh tế phát triển.

** Về phương diện tổ chức hành chính và hệ thống chính trị:*

Bình Định có 09 huyện, 01 thị xã và 1 thành phố thuộc tỉnh. Đảng bộ Bình Định có 880 tổ chức cơ sở đảng, với 49.991 đảng viên. Trong số tổng số xã phường, thị trấn là 159; xã: 129, phường: 16; thị trấn: 14. HTCT ở xã, phường, thị trấn của Bình Định những năm gần đây tương đối ổn định. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đã dần dần đi vào đúng chức năng, nhiệm vụ của nó; chất lượng hoạt động đã được cải thiện. Các tổ chức trong HTCT cơ sở đã có sự phối hợp hoạt động khá đồng bộ. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTCT cơ sở

do được quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng qua trường lớp và qua công tác thực tiễn cũng được nâng lên.

Trong những năm qua, chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng có sự chuyển biến tích cực. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần tăng cường sức chiến đấu và khả năng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cách mạng của các tổ chức cơ sở đảng trong tình hình mới, đặc biệt là lãnh đạo thực hiện QCDC ở cơ sở.

Bộ máy chính quyền và công tác cải cách hành chính cũng có nhiều tiến bộ. Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của UBND được phân định ngày càng rõ hơn, hạn chế được tình trạng chồng chéo, bao biện, làm thay. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên, hoạt động giám sát được tăng cường; chức năng và quyền lực của các cơ quan dân cử ngày càng được củng cố. Mối quan hệ giữa Đại biểu HĐND với cử tri, với đoàn Đại biểu Quốc hội được cải thiện và ngày càng gắn bó, tạo sự phối hợp tốt hơn trong các hoạt động.

Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng, tăng cường và mở rộng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp ở cơ sở cũng được cải thiện. MTTQ và các đoàn thể đã tập hợp đông đảo nhân dân tham gia phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.... Đây là một yếu tố quan trọng góp phần huy động lực lượng từ phía nhân dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt QCDC ở cơ sở.

Từ năm 1989, sau khi tái lập tỉnh Bình Định đến nay, nhân dân tỉnh Bình Định tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo xây dựng tỉnh nhà theo hướng "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", đến nay là một trong năm tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**Về phương diện đời sống văn hóa - xã hội*

Trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, ngân sách còn hạn chế nhưng các lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn được chăm lo tốt hơn, góp phần thiết thực vào việc bảo đảm an sinh xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, thông tin – tuyên truyền, báo chí, phát thanh - truyền hình tiếp tục được phát huy phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân... Hoạt động văn hoá thông tin đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống được chú trọng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được tiếp tục phát triển, hầu hết địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh và truyền hình.

Giáo dục - đào tạo - dạy nghề phát triển mạnh về cơ sở vật chất, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các loại đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và phát triển nguồn nhân lực.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có nhiều tiến bộ đã tích cực triển khai tốt công tác y tế dự phòng, kịp thời triển khai các biện pháp khẩn cấp phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, không để xảy ra dịch bệnh lớn; ... Tăng cường công tác khám chữa bệnh, nâng cao y đức, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ bệnh nhân gắn với nâng cao chất lượng chuyên môn, nâng cấp trang thiết bị.

Hoạt động khoa học và công nghệ tập trung vào việc nghiên cứu, ứng dụng nhằm sử dụng có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Theo thống kê chưa đầy đủ, Bình Định hiện nay có 150 diễm di tích và danh thắng đang được quy hoạch. Trong số này, đến cuối năm 2003 có 29 di

tích đã được Bộ VHTT xếp hạng, khoảng 50 di tích được UBND tỉnh công nhận, còn lại đang được khảo sát, xây dựng hồ sơ để xác định mức độ giá trị của từng di tích, ứng với cấp nào thì cấp đó công nhận. Các di tích trên địa bàn tỉnh Bình Định phổ biến nhất là các nhóm: di tích về văn hóa Chăm-pa xưa, di tích về kháng Pháp và Cách mạng, di tích kháng chiến chống Mỹ và di tích thắng cảnh - danh lam.

Dòng văn hóa phi vật thể ở Bình Định vô cùng phong phú như: Hoạt động lễ hội, hát bội, nhạc võ Tây Sơn, ca kịch bài chòi, múa hát bá trạo của cư dân miền biển... là những món ăn tinh thần đặc sắc không những đối với nhân dân Bình Định mà nó còn là đặc sản để giới thiệu ra ngoài tỉnh và khách quốc tế. Các lễ hội mang tính chất truyền thống và dân gian nếu được duy trì, phát huy như: Lễ hội chiến thắng Đống Đa, Lễ hội cầu ngư, Lễ hội văn hóa - thể thao miền núi, Lễ hội văn hóa - thể thao miền biển...

2.2. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH (2007 - 2013)

2.2.1. Quy trình, các bước triển khai

Nhận thức sâu sắc việc mở rộng dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới.

Thực hiện Chỉ thị số 30 - CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở cùng các nghị định của Chính phủ về thực hiện QCDC, đặc biệt, sau khi Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 (2007), đã ban hành Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11 ngày 20/4/2007 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định đã nghiêm túc triển khai đồng bộ các khâu. Đó là: Ban hành chủ trương, xây dựng kế hoạch triển khai, quán triệt, thực hiện Chỉ thị 30, các Nghị định và Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, do đồng

chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ làm Trưởng ban và ban hành quy chế hoạt động.

Trong hơn 16 năm qua, Tỉnh uỷ luôn kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo khi có sự thay đổi thành viên. Hiện nay Ban chỉ đạo tỉnh có 17 thành viên và Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo có 04 thành viên.

Xuất phát từ quan điểm, nhận thức phải đi trước một bước nên việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Chỉ thị 30 - CT/TW của Bộ Chính trị và các Nghị định, Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn tới cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, đoàn thể và nhân dân toàn tỉnh được triển khai một cách nghiêm túc, bài bản; đã thu hút tới 80% - 90% số đảng viên, 70% - 90% số đoàn viên, hội viên của các đoàn thể, hội quần chúng và nhân dân xã, phường, thị trấn... Đây thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng, thực hiện; tạo được sự chuyển biến nhận thức sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của việc thực hiện QCDC ở cơ sở, là bước cụ thể hóa phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, nhằm đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực sự đi vào cuộc sống, đồng thời là nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, Thực hiện QCDC ở cơ sở là tạo môi trường xã hội thông thoáng để phát huy tốt nhất trí tuệ, sức lực của mọi người và mỗi người nhằm đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Để việc triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở trên phạm vi toàn tỉnh trở thành phong trào rộng lớn, có hiệu quả, Tỉnh uỷ Bình Định đã xác định vai trò và phân công rõ trách nhiệm cho các cấp, các cơ quan, ban ngành trong cả HTCT của tỉnh:

Căn cứ hướng dẫn của Trung ương và kế hoạch của Tỉnh uỷ, Ban chỉ đạo QCDC của tỉnh tổ chức Hội nghị quán triệt các Chỉ thị, Nghị định, Pháp

lệnh và phổ biến các văn bản của tỉnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đến lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và lãnh đạo chủ chốt các xã, phường, thị trấn. Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, thông báo, kết luận trên các lĩnh vực nhằm thực hiện có hiệu quả QCDC ở cơ sở như: Quyết định số 01/QĐ - CTUBND ngày 03/01/2008, Quyết định số 263/QĐ - CTUBND ngày 14/02/2008 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn đánh giá, phân loại tổ chức và hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn và đánh giá, xếp loại việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan; đồng thời ban hành Chỉ thị số 04/CT - UBND ngày 10/4/2009 về việc triển khai Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Quyết định số 2485/QĐ - CTUBND ngày 29/9/2009 về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện hoạt động “*Năm dân vận của chính quyền*”; Công văn số 1315 - CV/TU ngày 02/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hướng dẫn số 54 - HD/BCĐ của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở của tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII); Chỉ thị số 12/CT - CTUBND ngày 25/6/2010 về việc “*Tăng cường công tác dân vận của chính quyền*”; Quyết định số 42/QĐ - UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của thôn làng, khối phố, khu phố trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế “*Một cửa*”...; Kế hoạch số 05/KH - UBND ngày 27/8/2010 về triển khai đề án đổi mới công tác tiếp công dân của Chính phủ; Chỉ thị số 10/CT - CTUBND ngày 24/8/2011 về đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính ...

Việc phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Chỉ thị số 30 - CT/TW của Bộ Chính trị và các Nghị định của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của tỉnh được triển khai bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị như: tổ chức Hội nghị tập huấn, trong sinh hoạt đảng, các

đoàn thể, phổ biến trên các phương tiện thông tin, in tài liệu phát đến các hộ gia đình, niêm yết các quy định của quy chế tại trụ sở xã, nhà văn hoá thôn... nhằm bảo đảm việc học tập quy chế trở thành một nội dung sinh hoạt chính trị rộng lớn trong nhân dân. Khi có những văn bản mới về QCDC ở cơ sở, các cấp, các ngành, các địa phương đều cập nhật, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, phổ biến kịp thời. Các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh thường xuyên biểu dương các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt QCDC ở cơ sở.

Bên cạnh đó, công tác tập huấn cho cán bộ chủ chốt của các xã, phường, thị trấn, Bí thư chi bộ, Trưởng khu phố, Trưởng thôn và cán bộ, đảng viên trong các cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể luôn được quan tâm. Trường Chính trị tỉnh Bình Định đưa nội dung xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường, thị trấn. Các cơ quan truyền thông đại chúng của địa phương thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu kinh nghiệm của các đơn vị làm điểm; hàng quý, 6 tháng và hàng năm các cấp ủy đều kiểm điểm, đánh giá kết quả, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, sửa đổi, bổ sung những vấn đề nhân dân góp ý.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập nhiều đoàn cán bộ của tỉnh cùng 11 huyện, thị, thành phố tiếp xúc với nhân dân ở các xã, phường, thị trấn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định *“xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở là một chủ trương lớn của Đảng, nên quá trình triển khai phải tiến hành từng bước vững chắc, không làm lướt, phải chỉ đạo làm điểm, rút kinh nghiệm mới nhân ra diện rộng”*. Tỉnh đã chọn một số xã, phường, thị trấn chỉ đạo làm điểm. Công tác chỉ đạo điểm được chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên rút kinh nghiệm trước khi triển khai ra diện rộng trên địa bàn tỉnh. Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC các cấp đã phối hợp với các cơ quan liên quan và cơ sở tiến hành nhiều cuộc khảo sát, điều tra xã hội học, tiến hành kiểm tra hàng năm; tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo sơ kết thực hiện QCDC hàng năm và sơ, tổng kết 03 năm, 05 năm từ cơ sở lên tỉnh.

Chính quyền các cấp, thủ trưởng các cơ quan đơn vị có trách nhiệm ban hành kế hoạch triển khai QCDC và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện Pháp lệnh 34 và cụ thể hóa thành quy chế, nội quy, quy ước của xã, phường, thị trấn, thôn, khu dân cư; triển khai thực hiện cải cách hành chính và ban hành quy chế “*một cửa*” và “*một cửa liên thông*” trong giải quyết công việc; tăng cường việc giáo dục cho cán bộ, làm cho cán bộ ngày càng nâng cao hơn nữa ý thức trọng dân, gần dân và lắng nghe ý kiến của nhân dân ...

MTTQ và các đoàn thể nhân dân, với tư cách là thành viên của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC các cấp đã cụ thể hóa kế hoạch của cấp ủy thành chương trình, kế hoạch công tác của mình; tuyên truyền giáo dục vận động đoàn viên, hội viên thực hiện tốt QCDC ở cơ sở... Chỉ đạo các tổ chức cấp dưới phối hợp với chính quyền triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả QCDC ở xã, phường, thị trấn. MTTQ các cấp của tỉnh đã chủ động phối hợp với chính quyền triển khai thực hiện các nội dung “*dân biết, dân bàn, dân kiểm tra*”, phối hợp với ngành Tư pháp triển khai hướng dẫn các mẫu quy ước tới xã, phường, thị trấn, đẩy mạnh cuộc vận động “*toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*”, kiện toàn, củng cố và hướng dẫn hoạt động của Ban thanh tra nhân dân đúng pháp luật, phối hợp UBND tỉnh triển khai Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn.

Ban chỉ đạo các cấp đã ban hành quyết định, bổ sung Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở của đơn vị mình, đến nay Ban Chỉ đạo các huyện, thị, thành ủy có 214 thành viên; Ban Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn có 1.743 thành viên và đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn... và triển khai hàng trăm đợt kiểm tra loại hình cơ sở xã, phường, thị trấn; tổ chức thường xuyên việc sơ kết, tổng kết đúng định kỳ theo Chỉ thị số 10 - CT/TW, ngày 28/3/2002 của Ban Bí thư, ngoài ra các xã, phường, thị trấn thường xuyên tổ chức rà soát, bổ sung các quy ước làng văn hóa, khu dân cư văn hóa, hướng dẫn thực hiện tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn...

Thông qua việc triển khai, phổ biến, quán triệt Chỉ thị số 30 - CT/TW và các Nghị định của Chính phủ về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở, đặc biệt là Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về dân chủ, phát huy dân chủ được tăng cường. Các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào công cuộc đổi mới, đồng tình ủng hộ quá trình CNH, HĐH đất nước.

2.2.2. Những thành quả và hạn chế

a. Những thành quả sau khi thực hiện Pháp lệnh 34

Hơn 16 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 30 - CT/TW và 6 năm thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL - UBTVQH11, với sự nỗ lực, cố gắng của các tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ, các ban ngành đoàn thể và nhân dân trong tỉnh, việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Đánh giá một cách khách quan, việc thực hiện QCDC, cũng như việc thực hiện Pháp lệnh ở tỉnh Bình Định đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

a1. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở nói chung và ở xã, phường, thị trấn nói riêng đã góp phần vào việc xây dựng HTCT vững mạnh trên địa bàn

Việc triển khai, thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn đã bước đầu nâng cao nhận thức văn hóa chính trị, tư tưởng trong nhân dân; trước hết là ý thức dân chủ. Từ quy định nhân dân có quyền được biết, được thông tin các vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của HĐND, UBND địa phương... Thì ý thức trách nhiệm công dân trong đời sống được nâng cao. Nhân dân biết rõ được quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật, trước cộng đồng dân cư. Do vậy, họ chủ động, tự giác trong các hành vi của mình một cách đúng đắn. Thực tế đã

ghi nhận, trước đây, không phải bất cứ lúc nào, không phải bất kỳ cán bộ, đảng viên, người dân nào cũng nhận thức đúng về các vấn đề chính trị, xã hội, về vấn đề dân chủ, về các hành vi của mình; nên có nơi, có người vi phạm dân chủ, thiếu trật tự, kỷ cương, dân chủ quá trớn, ảnh hưởng đến cá nhân, gia đình, xã hội mà không biết; hơn nữa, có nhiều người không biết mình có những quyền gì về dân chủ, nên khi những quyền đó bị vi phạm, cũng không biết đấu tranh để đòi lại một cách chính đáng. Ngược lại, khi bị kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng, dẫn đến những hành động quá khích, vi phạm pháp luật mà cũng không hay.

Sinh hoạt chính trị của nhân dân đã bình đẳng hơn trước; nhân dân nhiệt tình hăng say tham gia sinh hoạt chính trị, hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Họ cũng sôi nổi, hăng hái, tự giác bàn và quyết định nhiều công việc quan trọng, thiết thực. Được tự do phát biểu ý kiến xây dựng; được quyền gia nhập, sinh hoạt các tổ chức xã hội phù hợp với lợi ích thiết thực của bản thân; được tham gia đóng góp ý kiến vào các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước khi còn là dự thảo; được yêu cầu bãi miễn cán bộ dân cử có sai phạm; được chất vấn các đại biểu do mình bầu ra; được khiếu nại, tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề vi phạm đến quyền lợi, nghĩa vụ công dân, ảnh hưởng đến sự phát triển, an toàn xã hội ở địa phương; được biết, được bàn ở mức độ khác nhau về những vấn đề quốc kế dân sinh. Quyền làm chủ trên lĩnh vực chính trị của nhân dân ở cơ sở còn được phát huy; trước hết là các quyền bầu cử và ứng cử để lựa chọn những người đại diện cho lợi ích và quyền lợi của mình. *“Trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, toàn tỉnh có tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử đạt 99,94%; trong đó, 5 huyện có tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 100%; các huyện, thành phố còn lại đều có cử tri đi bầu đạt 99,8%”* [85]. Bên cạnh đó, việc dân bầu trực tiếp trường thôn, tổ

trường tổ dân phố là rất phù hợp với lòng dân, được nhân dân quan tâm, đồng tình và hưởng ứng với trách nhiệm cao.

Để có thêm tư liệu đánh giá về quá trình triển khai thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Mặc dù thời gian và điều kiện hạn chế, nhưng trong tháng 10/2013 người viết luận văn cũng đã cố gắng thực hiện điều tra bằng phiếu hỏi (400 phiếu) ở một số xã, phường, thị trấn tỉnh Bình Định với nhiều đối tượng khác nhau, kết quả đã cho thấy một phần nào của thực trạng việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

Trả lời câu hỏi: "Thái độ của ông (bà), anh (chị) trước việc triển khai thực hiện QCDC cơ sở như thế nào?" thì nhận được câu trả lời:

"Phản khởi": 250/400 phiếu chiếm tỷ lệ = 62,50%.

"Bình thường": 100/400 phiếu chiếm tỷ lệ = 25%.

"Khó trả lời": 50/400 phiếu chiếm tỷ lệ = 12,50%.

Thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn có tác động tích cực đến xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, xây dựng MTTQ và các đoàn thể nhân dân ở xã, phường, thị trấn. Đặc biệt là cải cách hành chính. Nhiều cấp chính quyền địa phương đã chú ý rà soát, loại bỏ các văn bản, quy định không phù hợp, cản trở việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân và công tác quản lý của chính quyền, của các đoàn thể *"năm 2010 trong tổng số 1.558 thủ tục hành chính được rà soát, kiến nghị đơn giản hóa 746 thủ tục (chiếm 47,8%); trong đó, có 674 thủ tục được kiến nghị sửa đổi bổ sung, 58 thủ tục kiến nghị bãi bỏ và 13 thủ tục kiến nghị thay thế"* [84]. Biểu hiện đáng kể nhất là sự đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý của Đảng ủy, chính quyền địa phương; sửa đổi lề lối làm việc theo hướng dân chủ hóa và công khai hóa; sát dân và tôn trọng dân. Nếu như trước đây, chính quyền thường xử lý công việc thiên lệch, cứng nhắc, nặng nề, bằng phương pháp hành chính, mệnh lệnh, thậm chí áp đặt các vấn đề, kể cả những vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân

dân, nằm trong cơ chế "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" cũng bị gò ép, quyết định đội từ trên xuống. Nay chuyển sang phương pháp dân chủ và công khai hóa; nhiều xã, phường, thị trấn đã thực hiện tốt việc niêm yết các thủ tục, hồ sơ hành chính: như hồ sơ đăng ký hộ khẩu, mua bán nhà, đất, cấp giấy phép kinh doanh. Nhiều nghị quyết của HĐND, UBND được đưa ra nhân dân thảo luận, góp ý trước khi chính quyền quyết định, ban hành. Nội dung, chương trình kỳ họp HĐND được thông báo để nhân dân biết, thậm chí còn cho nhân dân góp ý, đề xuất một số nội dung, chương trình... Do vậy, từ việc dân biết, dân bàn đến việc quyết định của HĐND, UBND đều có tỷ lệ thống nhất cao.

Trả lời câu hỏi: "Những việc dân bàn, tham gia ý kiến, HĐND, UBND xã quyết định có tỷ lệ thống nhất cao không?", kết quả:

"Rất cao": 289/400 phiếu = 72,25%

"Không cao": 88/400 phiếu = 22%

"Thấp": 23/400 phiếu = 5,75%.

Việc triển khai, thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn đã tạo điều kiện cho nhân dân mạnh dạn, thẳng thắn, cởi mở, chân thành đóng góp ý kiến, phê bình cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng, chính quyền nhằm giúp các tổ chức phát hiện, uốn nắn và kịp thời đưa ra khỏi Đảng, chính quyền nhiều cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, kém năng lực: "*Đến tháng 4/2010, tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2006 - 2010 là 1.226 đồng chí (trong đó, khiển trách 529, cảnh cáo 518, cách chức 69, khai trừ 110)*" [27], "*Năm 2012 đã thi hành kỷ luật đối với 254 đảng viên; khiển trách 141, cảnh cáo 76, cách chức 09, khai trừ 28 đồng chí*" [87]. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng đã gắn việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn với cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng (theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, lần 2, khóa VIII) với cuộc vận động "*học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí*

Minh” và sau này là Chỉ thị số 03 - CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng hiện nay*”; nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền cũng tăng cường xuống cơ sở để trực tiếp tìm hiểu, nghe ý kiến nhân dân, đối thoại với dân, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong nhân dân; làm cho mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân thêm gần gũi, gắn bó hơn. Uy tín của Tổ chức Đảng, chính quyền ở cơ sở được nâng lên rõ rệt. Cán bộ đã được lòng dân hơn. Tạo điều kiện các tổ chức Đảng, chính quyền, cán bộ làm việc, hoạt động, công tác dễ dàng hơn, hiệu quả hơn, dân tin cán bộ, tin Đảng hơn; đồng thời cũng tự tin hơn vào sự nghiệp đổi mới. Việc tiếp dân của chính quyền cũng đều đặn hơn, giải quyết các đơn thư khiếu nại, những vụ việc nổi cộm cũng nhanh chóng dứt điểm, tránh được tình trạng dây dưa dẫn đến phức tạp, như: “*Trong năm 2011 toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 3.432 lượt công dân đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (giảm 564 lượt so với năm 2010), trong đó: tiếp thường xuyên có 2.588 lượt người; tiếp định kỳ có 844 lượt người; có 13 đoàn đông người (giảm 17 đoàn so với năm 2010). Tiếp nhận 2.637 vụ khiếu nại, tố cáo (giảm 181 vụ so với năm 2010), trong đó, khiếu nại có 2.458 vụ; tố cáo có 179 vụ*” [85]. Việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn còn có tác dụng ngăn chặn, răn đe đối với cán bộ, đảng viên nói riêng, mọi người nói chung. Do vậy, hạn chế được tình trạng quan liêu vi phạm pháp luật, ngăn được phần lớn sự thoái hóa, biến chất của một số cán bộ, đảng viên, nên đỡ “*mát*” cán bộ hơn. Ngược lại, đội ngũ cán bộ cơ sở đã tu dưỡng, rèn luyện, giữ vững và nâng cao phẩm chất, năng lực; giảm dần tiêu cực, tham nhũng, sách nhiễu dân. Điều này đã được khẳng định trong thực tế và được nhân dân đánh giá cao.

Trả lời câu hỏi: “Theo ông (bà), anh (chị) thực hiện tốt QCDC ở cơ sở,

thì trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân như thế nào?". Câu trả lời là:

"Được nâng cao: có $291/400 = 72,75\%$

"Bình thường": có $109/400 = 27,25\%$

Việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn đã giúp Đảng bộ và chính quyền địa phương có cứ liệu để đánh giá đúng và sâu sát về đội ngũ cán bộ chủ chốt trên địa bàn về trình độ, năng lực cũng như phẩm chất đạo đức, lối sống. Đối với MTTQ và các đoàn thể quần chúng, những thành viên tích cực trong quá trình thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quy chế, nghị định và pháp lệnh đã phát huy cao vai trò là người đại diện của nhân dân; đã góp phần tạo nên môi trường dân chủ lành mạnh ở cơ sở, từ đó vai trò, hiệu quả, uy tín của MTTQ và các đoàn thể được nâng cao. Cũng thông qua các đoàn thể, nhân dân đã thực sự được kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước; thiết thực và cụ thể là giám sát bầu cử HĐND, UBND, các trường thôn, khối phố, nhờ đó mà chọn được những người xứng đáng đại biểu cho mình.

Như vậy, việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn đã đạt được những kết quả bước đầu hết sức quý giá, trước hết là trên lĩnh vực chính trị. Điều mà từ những năm đổi mới, xây dựng đất nước cho tới nay luôn là vấn đề bức xúc trong đời sống, sinh hoạt chính trị của nhân dân. Một thắng lợi vừa mang tính chiến lược, vừa rất cụ thể, rất hiệu quả của Đảng và Nhà nước ta nói chung, của tỉnh Bình Định nói riêng.

a2. Trên lĩnh vực kinh tế:

Tiến hành sự nghiệp CNH, HĐH theo Nghị quyết Đại hội IX, X, XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI, XVII, XVIII, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Định đã nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy các thế mạnh và khai thác mọi nguồn lực để tập trung phát triển kinh

tế, văn hóa, xã hội. Với sự phấn đấu nỗ lực của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân, QCDC ở cơ sở nói chung và QCDC ở xã, phường, thị trấn nói riêng được thực hiện đã phát huy thế mạnh, tiềm năng của từng địa phương, từng cộng đồng dân cư trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy từ một tỉnh công nghiệp kém phát triển, kinh tế thuần nông, Bình Định đã vươn lên trở thành một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao: “*Giai đoạn 2005 - 2010 là 10,9%, so với giai đoạn 2001 - 2005 cao hơn 2%*”, [27], “*Năm 2012 đạt 8,37% và 9 tháng đầu năm 2013 tổng sản phẩm địa phương (GDP) ước đạt 8.918,2 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), tăng 7,82% so với cùng kỳ; trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 2,39% (riêng nông nghiệp tăng 0,47%); công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%; dịch vụ tăng 11,58%*” [92]. GDP bình quân đầu người ngày càng tăng, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện, “*giai đoạn 2005 - 2010 GDP bình quân đầu người là 940USD/người*” [27], “*Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2011 là 17,3 triệu đồng, năm 2012 là 17,7 triệu đồng*” [88].

Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục được phát triển, các hình thức kinh tế và thành phần kinh tế quy mô nhỏ được khuyến khích, hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng: Trong Quý I/2013 “*Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng nông, lâm, thủy sản chiếm 33,3%; công nghiệp, xây dựng chiếm 23,3%; dịch vụ chiếm 43,4% (cùng kỳ tương ứng là 34,3% - 27,1% - 38,6%*” [91].

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển, đường giao thông, điện, trường học, bệnh viện, công trình thủy lợi...được đầu tư, phát triển mạnh mẽ, làm cho diện mạo của Bình Định có nhiều thay đổi nhanh chóng, nhất là thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các thị trấn trong toàn tỉnh Bình Định.

Từ khi thực hiện QCDG ở xã, phường, thị trấn, nhân dân có quyền được biết, được thông tin các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của chính quyền địa phương về các vấn đề kinh tế, mà trước hết là những vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân: như luật kinh tế, luật hợp tác xã, luật lao động... hay chủ trương phát triển kinh tế của địa phương, quy hoạch sử dụng đất đai, các khoản thuế, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề, định hướng sản xuất, kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường theo định hướng XHCN; nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh.

Cũng từ việc thực hiện QCDG ở xã, phường, thị trấn, mà người sản xuất ở các xã, phường, thị trấn, đều được tự chủ, tự do trong khuôn khổ pháp luật. Họ chủ động tìm thị trường, sản phẩm làm ra được quản lý chặt chẽ, được tiêu thụ, được bán theo lợi ích cá nhân và phù hợp với nhu cầu thị trường. Các tổ chức kinh doanh của các thành phần kinh tế ra đời và phát triển nhanh. Người lao động được tự do liên doanh, liên kết, tham gia sắp xếp lại sản xuất, tự tìm và tạo việc làm... Tạo nên một môi trường kinh tế sôi động, đa dạng và hiệu quả hơn trước. Nhân dân cũng trực tiếp được bàn bạc một cách dân chủ các khoản đóng góp, xây dựng trường học, bệnh viện, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Không những được biết, được bàn, mà nhân dân còn được hướng dẫn phổ biến kinh nghiệm làm ăn, nắm được chương trình vay vốn xóa đói giảm nghèo; giúp đỡ các gia đình khó khăn làm kinh tế.

Thực tế trong thời gian qua, nhân dân các đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định đã tích cực, hăng hái tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng và phát triển kinh tế, xây dựng hạ tầng cơ sở, trường học, các công trình thủy lợi, giao thông: *“Về hạ tầng giao thông, trong 02 năm 2011, 2012 từ nguồn vốn vay, vốn trái phiếu Chính phủ và thực hiện chương trình bê tông*

hóa giao thông nông thôn của tỉnh, đến nay đã bê tông được 312 km, tỷ lệ giao thông nông thôn được bê tông hóa ước đạt 65,86% (2.720/4.130); Thủy lợi, đã tập trung kiên cố và xây dựng theo hướng kiên cố được 799 km kênh mương (đạt 36,4%); Hạ tầng điện, tiếp tục được nâng cấp, mở rộng; Trường học, đã tiến hành đầu tư xây dựng các công trình phòng học... đến nay số phòng học được xây dựng kiên cố đối với giáo dục mầm non đạt 46%, giáo dục tiểu học đạt 63%, giáo dục THCS đạt 86%, tỷ lệ trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, Mầm non chiếm tỷ lệ 10%, Tiểu học chiếm tỷ lệ 61%, Trung học cơ sở chiếm tỷ lệ 63%; Về cơ sở văn hóa: nhà văn hóa chiếm tỷ lệ 36,5%, 100% xã có trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa thôn chiếm tỷ lệ 43,8% ở khu vực nông thôn...” [88].

Qua việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn nhân dân được biết, được bàn các nội dung thu, chi, định mức cụ thể từng khoản đóng góp, nhờ vậy tình trạng huy động nhân dân đóng góp tùy tiện, tràn lan, quá khả năng thực tế đã được ngăn chặn. Nhân dân không những biết, bàn, mà còn trực tiếp tham gia; trực tiếp kiểm tra, giám sát các hoạt động chi tiêu, quản lý nguồn tài chính mà mình đóng góp. Họ cử người vào ban quản lý công trình để kiểm tra, giám sát từ khâu làm thủ tục đến thi công, thanh quyết toán, nghiệm thu chất lượng công trình; nhờ đó, đã ngăn chặn và hạn chế được nhiều biểu hiện tiêu cực; phát hiện ra được những trường hợp tiêu cực để kịp thời xử lý: *“Năm 2011 - đã triển khai 286 cuộc thanh tra tại 11.995 đơn vị; kết thúc, xử lý 271 cuộc, phát hiện các sai phạm về kinh tế trên 23.316 triệu đồng, 3.417.702 m² đất các loại; kiến nghị thu hồi về cho nhà nước 13.795 triệu đồng, 1.045.792 m² đất các loại. Ban hành 4.878 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 4.893 đơn vị, cá nhân với số tiền phạt 7.206 triệu đồng, bước đầu đã thu hồi trên 6.609 triệu đồng” [85].* Điều đó đã khẳng định rằng khi người dân được tham gia trực tiếp vào quá trình kinh tế như là chủ thể từ

khâu bàn bạc, chuẩn bị, đến thực hiện, được kiểm tra, kiểm soát hoạt động của chính quyền cơ sở thì việc huy động tài dân, sức dân mới nhanh chóng, mới phục vụ cho lợi ích thiết thực của nhân dân.

c. Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội: Quyền làm chủ của nhân dân ở lĩnh vực này được thể hiện tập trung ở sự nâng cao trình độ dân trí, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh ở cơ sở, củng cố tinh đoàn kết trong cộng đồng; giáo dục truyền thống, đạo đức, văn hóa, cũng như nâng cao ý thức chính trị cho nhân dân. Căn cứ vào quy chế và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, hầu hết các xã, phường, thị trấn đã thực hiện các chương trình văn hóa - xã hội rất cụ thể: Như chương trình phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, chương trình phòng chống các tệ nạn xã hội, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chương trình xã hội hóa giáo dục và y tế, thể thao... Cũng trên cơ sở hướng dẫn của các ngành chức năng, và theo tinh thần của QCDC ở xã, phường, thị trấn, các xã, phường, thị trấn đã đưa ra dân thảo luận, bàn bạc và thống nhất xây dựng quy chế, quy ước, hương ước phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù của cơ sở mình, nhưng trong khuôn khổ của pháp luật hiện hành. "*Lệ làng*" tuy được đặt ra nhưng không trái với "*phép nước*". Các quy chế, hương ước, quy ước nhằm xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng môi trường văn hóa văn minh lành mạnh trong từng gia đình, cụm dân cư, làng, xã. Có những xã, phường, thị trấn nhân dân quy định rất cụ thể, rõ ràng các điều khoản về trật tự trị an, vệ sinh môi trường, tình làng, nghĩa xóm; về việc hiếu, hý, về kế hoạch hóa gia đình... Nhờ những quy định đó mà hạn chế được rất nhiều tệ nạn xã hội, ngăn chặn được sự xuống cấp về đạo đức, lối sống ở một bộ phận nhân dân; đồng thời những nét đẹp trong đời sống văn hóa ở cơ sở ngày càng nhiều hơn; nhân dân thông cảm, giúp đỡ nhau nhiều hơn. Việc tổ chức cưới, hỏi, mừng thọ, tổ chức lễ hội tiết kiệm hơn. Với kết quả như vậy, nên việc xây dựng "*quy ước*

văn hóa", "khối xóm văn hóa" ở cơ sở ngày càng được chú trọng. Tiêu biểu là các đơn vị như: phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn; xã Phước Thành - huyện Tuy Phước; xã An Vinh - huyện An Lão; xã Ân Tường Tây - huyện Hoài Ân; xã Cát Nhơn - huyện Phù Cát; xã Mỹ Lộc - huyện Phù Mỹ; xã Tây Thuận - huyện Tây Sơn; xã Canh Vinh - huyện Vân Canh; xã Vĩnh Hào - huyện Vĩnh Thạnh; xã Nhơn Lộc - Thị xã An Nhơn; xã Hoài Châu - huyện Hoài Nhơn...

Trả lời câu hỏi: Ở địa phương ông (bà), anh (chị) việc xây dựng quy chế về nếp sống văn hóa như thế nào?

Có 288/400 phiếu trả lời "đã xây dựng", chiếm tỷ lệ: 72%.

Có 80/400 phiếu trả lời "đang xây dựng", chiếm tỷ lệ: 20%.

Có 32/400 phiếu trả lời "chưa đặt ra", chiếm tỷ lệ: 8%.

Như vậy là hầu hết các đơn vị xã, phường, thị trấn đã triển khai việc xây dựng quy chế, quy ước, hương ước ở cơ sở mình. Tính đến năm 2010: "đã có 100% số xã, phường, thị trấn xây dựng được nội quy, quy chế; trên 35% thôn, làng, khu phố đã xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy ước, hương ước" [84]. Việc xây dựng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" cũng rất được chú trọng. "Đến nay, hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, chiếm tỷ lệ 89,78% trên tổng số toàn tỉnh; làng, khu phố, thôn được công nhận danh hiệu Làng, Thôn, Khu phố văn hóa, đạt tỷ lệ 75,5% trên tổng số toàn tỉnh" [88]. Tỉnh Bình Định đang tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Nhằm đưa tỉnh Bình Định ngày càng tiến nhanh hơn trên con đường văn minh, tiến bộ.

Thành tựu trên lĩnh vực văn hóa, xã hội còn phải kể đến sự đóng góp của nhân dân trên nhiều lĩnh vực khác như: "Các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động tiếp tục

được triển khai thực hiện. Tính đến cuối năm 2012 có 22.585 người được giải quyết việc làm, đạt 90,3% kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt 40% kế hoạch. Việc thực hiện chính sách đối với hộ nghèo được triển khai tích cực; tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 11,5%, giảm 2,06% so với năm 2011. Đã thực hiện chính sách xã hội cho trên 54.500 người với kinh phí hỗ trợ trên 150 tỉ đồng. Hỗ trợ nhà ở cho 1.090 hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, với tổng kinh phí 31,5 tỉ đồng” [87].

** Đánh giá chung về tổ chức thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định.*

Việc thực hiện tiêu chí “*Dân biết*”, nhân dân ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã tiếp thu các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước một cách kịp thời, nhất là những chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Nhân dân được biết, được thông báo thường xuyên, chủ yếu qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, qua các Hội nghị, các cuộc sinh hoạt của MTTQ và các đoàn thể nhân dân.

Những nội dung cần thông báo cho nhân dân biết, cơ sở thực hiện khá tốt, chủ yếu tập trung vào các vấn đề: chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương; các quy định về thủ tục hành chính; các khoản đóng góp của nhân dân như các loại thuế, quỹ theo quy định; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; vay vốn phát triển sản xuất...

Việc thực hiện tiêu chí “*dân bàn*” và quyết định trực tiếp được các cấp Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân quan tâm và chỉ đạo tạo điều kiện để nhân dân được trực tiếp tham gia bàn bạc và quyết định trực tiếp trên nhiều lĩnh vực như: mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, lập và thu, chi các

loại quỹ, xây dựng quy ước thôn, làng văn hoá, thành lập ban giám sát các công trình có nguồn vốn do dân tự đóng góp, bình xét hộ nghèo, phương hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Thông qua việc “*dân bàn*” đã tạo sự đồng tình, thống nhất cao trong nhân dân trước khi trình cấp có thẩm quyền.

Hầu hết các xã, phường, thị trấn đã tổ chức cho nhân dân tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, kế hoạch sử dụng đất đai... Nhiều ý kiến đóng góp của dân đã được tiếp thu nghiêm túc giúp các cấp, các ngành ra nghị quyết, ban hành chính sách, xây dựng kế hoạch đảm bảo tính phù hợp có khả năng thực thi như: chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, xây dựng khu, cụm công nghiệp, làng nghề... nhằm nâng cao đời sống nhân dân.

Việc nhân dân giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐND, UBND ở xã, phường, thị trấn của đại biểu HĐND, cán bộ, đảng viên, giám sát thu, chi các loại quỹ, quản lý sử dụng đất đai, quyết toán các công trình từ nguồn vốn do dân đóng góp, được thực hiện thường xuyên và ngày càng đi vào nề nếp. Nhân dân giám sát, kiểm tra thông qua các kỳ họp HĐND, qua hệ thống truyền thanh, thông báo tại các cuộc họp thôn, họp đoàn thể, qua Ban Thanh tra nhân dân... góp phần nâng cao tín nhiệm của chính quyền, tạo sự phấn khởi, tin tưởng trong nhân dân.

Các xã, phường, thị trấn đều thực hiện nghiêm túc việc thông báo cho dân biết những việc cần thông báo, những việc cần lấy ý kiến của nhân dân tham gia, những việc nhân dân giám sát, kiểm tra, những việc nhân dân bàn và quyết định... nhất là những việc vận động nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, công trình thủy lợi, nhà trẻ, mẫu giáo, trạm xá, nghĩa trang...). Đối với những công việc này, chính quyền các xã,

phường, thị trấn chỉ đề ra chủ trương, định hướng để nhân dân bàn bạc, quyết định. Dân cử ra Ban xây dựng để theo dõi việc thu, chi, giám sát việc thi công, quyết toán công khai với nhân dân. Việc huy động vốn trong nhân dân được nhân dân đồng tình, tích cực đóng góp, công trình thi công nhanh, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không có tình trạng tham nhũng, tiêu cực ...

Thông qua việc thực hiện QCDC ở cơ sở, các cấp, các ngành, nhất là Chính quyền cơ sở đã rà soát lại các quy định hiện hành, sửa chữa và bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho nhân dân, công khai hóa các thủ tục và các khoản phí, lệ phí. UBND các cấp và cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện thực hiện có nền nếp việc tiếp dân, thông báo công khai lịch tiếp dân, cử người có đủ thẩm quyền tiếp dân, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của dân, các tranh chấp phát sinh ở thôn, xóm, khu phố.

Tóm lại, việc thực hiện QCDC ở cơ sở nói chung và QCDC ở cấp xã, phường, thị trấn nói riêng (nay là Pháp lệnh 34) tỉnh Bình Định đã đạt được những thành tựu đáng kể. Có thể thấy rằng việc đạt được những thành tựu đó đã chứng tỏ các nội dung quy định trong Quy chế cũng như Pháp lệnh được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả tại các cấp, các ngành và đặc biệt là ở các địa phương trên địa bàn. Phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” - nội dung cốt lõi trong QCDC ở cấp xã, phường, thị trấn trong 16 năm qua kể từ khi Chi thị số 30 - CT/TW ra đời đã được nhân dân cũng như các cấp chính quyền tỉnh Bình Định phát huy có hiệu quả.

b. Những hạn chế

Bên cạnh những tác dụng, hiệu quả thiết thực của việc thực hiện QCDC trong đời sống xã hội, đã đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và sự nghiệp CNH - HĐH quê hương, đất nước, việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh trên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định, đó là:

Thứ nhất: Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở chưa được phát

huy, sự yếu kém về năng lực công tác, thiếu gương mẫu trong đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa được khắc phục. Uy tín trước nhân dân của cán bộ đảng viên, của các chi, đảng bộ cơ sở còn thấp. Việc tự phê bình và phê bình của một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt chưa nghiêm túc, còn tình trạng ngại kiểm điểm trước dân, chưa trực tiếp lắng nghe dân góp ý mà chỉ gửi bản kiểm điểm cá nhân xuống thôn để nhân dân tham gia góp ý nên đã hạn chế kết quả, một bộ phận nhân dân chưa đồng tình.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở một số nơi còn chậm, thiếu khách quan, dân chủ, làm nhân dân có tâm lý hoài nghi; một số cán bộ còn quan liêu, thiếu trách nhiệm trước công việc được giao, có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, cầm chừng. Ban chỉ đạo, cấp ủy, chính quyền ở một số nơi chỉ đạo việc thực hiện QCDC còn bị động, trông chờ sự chỉ đạo của cấp trên.

Thứ hai: Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt Chỉ thị số 30 - CT/TW; Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản về thực hiện QCDC ở một số địa phương chưa thường xuyên, chưa sâu rộng, chưa tạo ra được sự chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, còn nặng hình thức, phong trào, thậm chí qua loa, chiếu lệ; chưa tập trung làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với việc thực hiện QCDC ở cơ sở. Việc cập nhật, lưu trữ văn bản, tài liệu về QCDC chưa được quan tâm đúng mức. Việc phân ánh, biểu dương và phê phán trong việc thực hiện QCDC xã, phường, thị trấn chưa thực hiện kịp thời, thường xuyên.

Trong 400 phiếu điều tra đã được xử lý, khi hỏi: Việc tuyên truyền QCDC ở địa phương ra sao?

"Tuyên truyền sâu rộng": 250/400 ý kiến chiếm tỷ lệ: 62,50%.

"Tuyên truyền lấy lệ": 100/400 ý kiến, chiếm tỷ lệ: 25%.

"Không tuyên truyền": 50/400 ý kiến, chiếm tỷ lệ: 12,50%.

Thứ ba: Sự phối hợp của chính quyền với các ban, ngành, MTTQ và

các đoàn thể nhân dân trong tổ chức thực hiện QCDC chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ, còn có biểu hiện hình thức, ít hiệu quả; chưa quan tâm cùng cố, kiện toàn, tạo điều kiện cho Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động;... cho nên tình trạng khiếu kiện còn diễn ra, nhất là nhân dân những nơi có các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản; nơi có mặt nước nuôi trồng thủy, hải sản và nơi có dự án đầu tư liên quan đến thu hồi đất, đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng, tiêu cực tham nhũng chưa được đẩy lùi, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn những dấu hiệu phức tạp như việc khiếu kiện của nhân dân thôn Lộ Diêu - xã Hoài Mỹ - Hoài Nhơn; phường Trần Phú, Nhơn Bình, xã Nhơn Lý - Thành phố Quy Nhơn; xã Cát Tiến - Phù Cát; xã Mỹ An - Phù Mỹ...

Thứ tư: Một số nơi, việc thực hiện QCDC chưa kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng HTCT ở cơ sở. Về xây dựng, thực thi hương ước, quy ước: nội dung hương ước của một số đơn vị còn sơ sài, lặp lại pháp luật và chủ trương chính sách của Nhà nước một cách khô khan, thiếu cụ thể, chưa sát thực với điều kiện và đặc điểm của từng làng, thôn, tổ dân phố; câu chữ trong văn bản còn nặng tính hô hào, khẩu hiệu.

Thứ năm: Còn thiếu cơ chế lồng ghép chặt chẽ giữa các phong trào như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, “Thực hiện CTMTQG về xây dựng nông thôn mới”... Đây là những hình thức thể hiện tinh thần sáng tạo, tự lực tự cường, góp công, góp của xây dựng quê hương đất nước. Nó cũng chứng tỏ một trình độ cao của dân chủ, làm chủ ở địa phương. Bên cạnh đó, việc phát động phong trào chống tham nhũng chưa cao, thậm chí cá biệt có địa phương còn dễ xảy ra tình trạng một số phần tử xấu lợi dụng dân chủ, kích động, lôi kéo nhân dân tham gia khiếu kiện đông người, gây rối làm ảnh hưởng đến an ninh nông thôn.

Thứ sáu: Việc thực hiện những nội dung trong QCDC ở xã, phường, thị trấn ở một số địa phương còn chưa nghiêm túc. Việc công khai, thông báo cho nhân dân biết những quy định chưa được thực hiện triệt để, thiếu công khai, minh bạch, thậm chí là không công khai, nhất là những vấn đề có liên quan trực tiếp đến dân như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng; quy hoạch khu tái định cư, khai thác tài nguyên, khoáng sản; các dự án, công trình đầu tư, phương án đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng..., do đó đã dẫn đến tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp. Một số nơi còn dân chủ hình thức, nửa vời như đưa ra hội nghị xin ý kiến nhân dân nhưng khi nhân dân ý kiến thì ghi, chép và tỏ vẻ đồng ý nhưng rồi ý kiến của người dân đều bị loại bỏ.

Việc nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tuy có tiến bộ, nhưng ở nhiều nơi, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân còn chưa coi trọng tầm quan trọng của Chỉ thị 30 và Pháp lệnh 34. Một bộ phận nhân dân còn "*thờ ơ, lãnh đạm*" với vấn đề chính trị nói chung, vấn đề thực hiện QCDC nói riêng - Vấn đề thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định tuy đã được triển khai từ lâu, song ở một số bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân về mặt nhận thức vẫn còn hạn chế, chưa nắm rõ tinh thần Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ chính trị và Thủ tướng Chính phủ.

Trong 400 ý kiến trả lời cho câu hỏi: "Ông (bà), anh (chị) hiểu được quy chế dân chủ ở cơ sở như thế nào?". Tỷ lệ trả lời câu hỏi như sau:

"Hiểu được": 211/400 phiếu, chiếm 52,75%.

"Hiểu ít": 100/400 phiếu, chiếm 25%.

"Không hiểu": 89/400 phiếu, chiếm 22,25%.

Như vậy, tỷ lệ người trả lời "*hiểu*" chỉ chiếm tỷ lệ trung bình, còn ngoài ra là chưa kể đến những người không được hỏi hoặc không quan tâm

tới vấn đề này. Đây là một hạn chế trong quá trình thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn xã tỉnh Bình Định, dễ dẫn tới việc vi phạm nguyên tắc dân chủ, vi phạm pháp luật do chưa hiểu rõ luật.

Thứ bảy: Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện QCDC ở một số địa phương chưa thường xuyên nhất là tại cơ sở. Có nơi không tổ chức Hội nghị đánh giá việc thực hiện QCDC hàng năm hoặc tổ chức thực hiện đánh giá chưa nghiêm túc, chưa đánh giá đúng trên thực tế mà chỉ dựa vào những “cái” sẵn có, những cái gọi là bản mẫu để từ đó “copy” dựa trên những khung sườn đã có từ trước mà không tìm hiểu thực tế để đúc rút kinh nghiệm. Báo cáo của năm trước là mẫu của năm sau để sao chép lại mà không cần thực tế như thế nào, điều đó đã dẫn tới sự ỷ lại trong công việc, thiếu sự tìm hiểu từ thực tế.

Thứ tám: Dân chủ trực tiếp được thực hiện rộng rãi (như việc bầu cử) nhưng trên thực tế ở một số nơi, một số địa phương việc lựa chọn ai đã nằm trong danh sách, đã được chỉ định sẵn, mang tính áp đặt.

Ngoài ra các cơ quan đại diện và đại biểu nhân dân thực hiện vai trò đại diện cho ý chí, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân đã và đang bộc lộ những hạn chế nhất định, không hoạt động đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Thứ chín: Ngoài HĐND người dân thể hiện tâm tư, nguyện vọng, ý chí của mình, thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của bộ máy nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức thông qua các tổ chức như MTTQ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên... Nhưng trên thực tế tiếng nói cũng như việc kiểm tra, giám sát của các tổ chức này ở cơ sở không cao, các tổ chức không làm tròn chức trách và nhiệm vụ của mình đối với nhân dân. Thực tế họ chỉ nghĩ rằng họ là “người Nhà nước” nên họ được hưởng quyền lợi đặc biệt mà không nghĩ tới việc chính của họ là đại diện cho tiếng nói của nhân dân, mang lại lợi ích cho nhân dân.

Với những hạn chế trên đã làm cho Bình Định thời gian qua tuy có phát triển về kinh tế nhưng một số vấn đề về xã hội, đặc biệt là việc khiếu nại tố cáo của người dân vẫn tiếp tục diễn ra và có phần phức tạp hơn.

2.2.3. Nguyên nhân của những thành quả và hạn chế

a. Nguyên nhân của những thành quả sau khi thực hiện Pháp lệnh **34**

Sở dĩ việc triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở đã đạt được những kết quả trên là do những nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất: Chủ trương xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở được thực tế khẳng định là hoàn toàn đúng đắn. Nó không những đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống hàng ngày; mà còn nhằm mục đích phát huy quyền làm chủ của nhân dân một cách sâu rộng trong cả quá trình cách mạng. Do vậy, nó được nhân dân đồng tình, ủng hộ và hưởng ứng cao.

Thứ hai: Quá trình triển khai, thực hiện quy chế, được sự quan tâm, theo dõi, và chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Sự tham gia nhiệt tình, đầy trách nhiệm của MTTQ, của các đoàn thể quần chúng. Đặc biệt là vai trò của Chi, Đảng bộ cơ sở.

Trong 400 ý kiến khi hỏi về: Vai trò của Chi, Đảng bộ trong việc thực hiện QCDC cơ sở như thế nào?

Có 273/400 ý kiến trả lời "đã phát huy vai trò", chiếm tỷ lệ 68,25%.

Có 127/400 ý kiến trả lời "chưa phát huy vai trò", chiếm tỷ lệ 31,75%.

Thứ ba: Công tác tổ chức chuẩn bị, tuyên truyền, làm điểm được chuẩn bị chu đáo, cẩn trọng, đúng quy trình.

Thứ tư: Quá trình thực hiện QCDC có sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.

Thứ năm: Đội ngũ cán bộ, đảng viên, thực sự đã trở thành những hạt nhân tích cực của quá trình triển khai, thực hiện QCDC.

b. Nguyên nhân của những hạn chế sau khi thực hiện Pháp lệnh 34

b1. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống các văn bản pháp quy về chính sách đất đai, xây dựng cơ bản chưa đồng bộ và nhất quán, đặc biệt là chính sách đền bù, giải toả đất đai về tái định cư khi thực hiện các dự án gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Các văn bản về QCDC chưa đồng bộ. Chưa có chế tài xử lý các trường hợp vi phạm quyền làm chủ của nhân dân cũng như vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn. Hệ thống các văn bản còn quy định dài dòng, phức tạp đối với trình độ cán bộ cơ sở.

Thêm nữa, tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế làm nảy sinh những tiêu cực trong hoạt động kinh tế, trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... ảnh hưởng đến sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện QCDC ở cơ sở.

b2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất: Năng lực, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn.

Cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn là những người tiếp xúc trực tiếp với dân, là những người trực tiếp tham gia giải quyết các công việc liên quan tới dân. Mọi hành động, cử chỉ, lời nói của cán bộ, công chức đều để lại ấn tượng trong lòng người dân. Người dân có đặt niềm tin vào Đảng, Nhà nước hay không, một phần không nhỏ phụ thuộc vào cách ứng xử, giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức đó.

Trên thực tế có thể thấy rằng, cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức cấp xã nói riêng ở một số địa phương, trong hầu hết nhận thức của họ đều cho rằng bản thân chức danh cán bộ là cái gì đó rất “oách”, phải ở trên một bậc với dân. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn tới khoảng cách giữa cán bộ và nhân dân, làm ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng của việc tổ

chức thực hiện dân chủ. Rõ ràng khi người đại diện cho nhà nước và dân đã có khoảng biệt lập thì dân chủ sẽ không còn theo đúng nghĩa của nó.

Ở một số nơi cán bộ, công chức có hiện tượng xem thường tiếng nói của người dân, nhiều trường hợp khi người dân góp ý trong công việc thì sẽ bị "phản hồi". Hiện tượng những nhiễu, hạch sách người dân đã, đang và ngày càng có biểu hiện phức tạp hơn.

Mặt khác, hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn thường là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước tương đối thấp. Một số người thậm chí không đủ tiêu chuẩn về trình độ văn hoá nhưng "theo thời gian" họ cũng dần tìm cách "hợp lý hóa" bằng cấp cho đầy đủ thủ tục.

Thứ hai: Công tác tổ chức thực hiện của Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân

Một số địa phương triển khai thực hiện QCDC còn chậm, hình thức, làm chiếu lệ, không đi sâu sát, cụ thể từng vấn đề trong nhân dân (thể hiện qua việc rất ít khi tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, có chăng chỉ là làm lấy lệ, tự cho ra những số liệu không thực tế để coi là đã có báo cáo gửi cấp trên...), thậm chí có địa phương không triển khai xuống người dân những thông tin cụ thể về thực hiện QCDC ở cơ sở.

MTTQ và các đoàn thể nhân dân không phải là cơ quan hành chính nhà nước nhưng thuộc HTCT ở cơ sở. Có vai trò tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân và các đoàn viên, hội viên hiểu rõ nội dung, ý nghĩa, quyền và nghĩa vụ thực hiện pháp luật; thực hiện quyền đại diện của tổ chức mình; phối hợp với chính quyền xã, Trường thôn thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở và giám sát việc thực hiện chính sách ở địa phương; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đoàn viên, hội viên với các cấp có thẩm quyền giải quyết; động viên nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực thực hiện các chủ trương,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với vai trò quan trọng như vậy, nhưng trên thực tế MTTQ và các đoàn thể nhân dân ở địa phương hoạt động rất hình thức. Việc gần dân, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của dân để phản ánh với cấp trên, việc giám sát thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương dường như rất hạn chế.

Một số cấp uỷ, chính quyền nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa nhận thức và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của cấp trên. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đồng bộ, từ đó dẫn đến việc tuyên truyền, quán triệt các nội dung văn bản của cấp trên còn bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết. Một số nơi sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện QCDC còn hạn chế và hình thức, chưa tập trung giải quyết dứt điểm những bức xúc của nhân dân; thậm chí có cấp uỷ, cán bộ đơn vị vi phạm QCDC. Chưa gắn việc thực hiện QCDC với cuộc vận động, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị "*Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*"; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI "*Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*"...

Thứ ba: Trình độ nhận thức của người dân

Trong các nguyên nhân làm hạn chế quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định không thể không nhắc tới nguyên nhân do nhận thức của người dân địa phương. Ở một số địa phương tập quán "*phép vua thua lệ làng*" đã ăn sâu vào tâm trí nhiều người dân, do đó việc triển khai các văn bản pháp luật của Nhà nước nói chung cũng như Pháp lệnh dân chủ có thể gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện. Hơn nữa,

một số người dân luôn đề cao quyền lợi của bản thân mà không biết đến nghĩa vụ của mình (không hiểu rằng quyền luôn đi cùng với nghĩa vụ) chính vì thế họ lợi dụng dân chủ để làm cản trong các cơ quan nhà nước cũng như là việc lôi kéo, tụ tập đông người để tiến hành khiếu kiện trái pháp luật.

Trả lời câu hỏi: “Theo ông (bà), anh (chị), nguyên nhân nào làm hạn chế việc thực hiện dân chủ trên địa bàn xã?”. Tỷ lệ câu trả lời nhận được như sau:

“Do tổ chức thực hiện”: 198/400 phiếu, chiếm 49,50%.

“Do cán bộ chưa gương mẫu”: 115/400 phiếu, chiếm 28,75%.

“Do dân chưa hiểu”: 87/400 phiếu, chiếm 21,75%.

2.2.4. Một số kinh nghiệm trong việc thực hiện Pháp lệnh

Thứ nhất, Năm vững các quan điểm chỉ đạo của Trung ương, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, không ngừng nâng cao nhận thức về dân chủ và thực hành dân chủ ở cơ sở.

Để tuyên truyền có hiệu quả và tác dụng thiết thực, người tuyên truyền, vận động phải nắm vững mục đích, nội dung, phương pháp tuyên truyền và đối tượng của mình. Sinh thời Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng công tác tuyên truyền và người yêu cầu tuyên truyền vận động phải bằng nhiều hình thức sinh động, phong phú; nội dung tuyên truyền phải rõ ràng, thiết thực, dễ hiểu.. Muốn vậy *“mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng. Phải theo nguyện vọng của dân chúng”* [49, tr. 293]. Bên cạnh đó, để kích thích tính tích cực của nhân dân tham gia vào việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn, ngoài tuyên truyền vận động khéo léo thì cần biết lồng ghép các nội dung chương trình, cần thông tin cho dân biết về những nội dung có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân nhất là trong các kỳ họp, hội nghị định

kỳ, các thông tin liên quan như: đền bù giải tỏa, hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình, viện trợ nhân đạo...

Thứ hai, Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các tổ chức trong HTCT và đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã, phường, thị trấn. Quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện QCDC gắn với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, các loại phí, lệ phí và các quy định của pháp luật. Nâng cao chất lượng dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp; nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đối thoại tháo gỡ khó khăn từ cơ sở, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và nhà nước. Phát huy dân chủ, khâu quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc chính là xây dựng và ban hành được các quy chế, quy ước thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện QCDC góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác tổ chức, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; công khai các hoạt động quản lý, điều hành; nâng cao tinh thần, trách nhiệm thực hành dân chủ của đội ngũ cán bộ, công chức; từng bước ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí ở cơ sở.

Thứ ba, Tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị về chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả việc thực hiện QCDC ở cơ sở. Phát huy dân chủ ở cơ sở gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở cơ sở, đặc biệt là gắn với “*phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, gắn với thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Thực hiện Chỉ thị 03 “*về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI)... Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, việc thực hiện QCDC gắn với xây dựng và đẩy

mạnh các hoạt động văn hóa, xã hội như: tổ chức các lễ hội văn hóa truyền thống của làng, xã, lễ hội văn hóa vùng, miền, khu vực; lễ hội tôn vinh người có công, người vượt khó học giỏi; huy động sức dân xây dựng nhà văn hóa, các công trình văn hóa... sẽ tạo sự phấn khởi trong quần chúng lao động, nhân dân tích cực thực hiện cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", "*Xóa đói, giảm nghèo*" và thực hiện tốt các chính sách xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn ổn định và từng bước cải thiện cuộc sống.

Thứ tư, Nâng cao chất lượng tham mưu cho cấp ủy, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các đoàn thể nhân dân trong xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở; tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng thực hiện QCDC và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, xây dựng xã hội đồng thuận, đoàn kết, giúp đỡ nhau, tạo sự đồng đều về kết quả xây dựng và thực hiện QCDC ở cấp xã.

Thực hiện dân chủ là cả một cuộc vận động xã hội nên phải tập hợp được sức mạnh toàn dân, sức mạnh đoàn kết hợp tác của các cộng đồng, của toàn dân tộc. Do đó muốn đem lại thành quả dân chủ cho dân, phải làm tốt công tác dân vận, phải phát triển được dân tộc và xã hội trên nền tảng xã hội công bằng với thể chế Nhà nước pháp quyền.

Thứ năm, Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở ngang tầm nhiệm vụ mới. "*Cán bộ là gốc của công việc*", ở đâu có cán bộ tốt thì việc gì cũng xong. Vì vậy, cần trang bị cho đội ngũ cán bộ, đặt biệt ở cơ sở những kiến thức cần thiết về mọi lĩnh vực hoạt động chính trị, xã hội, giáo dục đạo đức cách mạng... Phát huy dân chủ gắn với kỷ cương pháp luật, xử lý nghiêm minh đối với các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; kiên quyết xử lý đối với những trường hợp lợi dụng các vấn đề dân chủ, dân tộc, tôn giáo chống phá Nhà nước ta, gây mất ổn định về an ninh, trật tự. Nâng cao ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà

nước ở cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, ... để thực hiện các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở. Phát huy dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, nhân dân tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát hiện, tố giác các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; tham gia giám sát các vụ, việc vi phạm pháp luật và kết quả xử lý, giải quyết sau thanh tra. Phát huy sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng dân cư, nêu cao tinh thần cảnh giác, tích cực tham gia ngăn chặn các tệ nạn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch trong và ngoài nước; vạch trần các thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... để chống đối; ngăn chặn các hành động gây rối, gây bạo loạn, gây mất ổn định an ninh, trật tự ở cơ sở.

Thứ sáu, Phải tạo được động lực để thúc đẩy kinh tế nông thôn, kinh tế hộ nông dân..., do đó dân chủ trong kinh tế chẳng những đảm bảo phát triển kinh tế mà còn đem lại sự thụ hưởng lợi ích công bằng cho mỗi người dân. Đây là sự đảm bảo quan trọng nhất để lôi cuốn, thu hút quần chúng vào hoạt động chính trị, xây dựng Đảng, Chính quyền và Đoàn thể, là cách tốt nhất để làm cho QCDC có sức sống, để dân chủ là một giá trị thực tế chứ không dừng lại là một ước muốn, một nguyện vọng.

CHƯƠNG 3

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN

3.1.1. Định hướng chung

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân là tư tưởng chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước. Thẩm nhuần lời dạy của Hồ Chí Minh: *“Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”*, Đảng ta đã xác định dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực to lớn của sự nghiệp cách mạng, của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước hiện nay.

Tiếp tục quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức; xác định rõ trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở.

Tăng cường việc thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ XHCN trong các quy định của pháp luật, chính sách cụ thể. Tổng kết, rà soát, bổ sung các văn bản đã ban hành; sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về xây dựng và thực hiện dân chủ cho các loại hình doanh nghiệp. Các cơ sở, các loại hình cần rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ (xây dựng thành quy định, nguyên tắc, quy trình thực hiện dân chủ) trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể của địa phương, đơn vị mình, nhất là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

Gắn việc thực hiện QCDC ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; cải cách hành chính; việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; các phong trào thi đua yêu nước nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn

kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong HTCT, phát huy cao vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tiêu cực ở cơ sở; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

Phát huy vai trò của Ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở, các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu cho cấp uỷ kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức về ý thức, trách nhiệm, phong cách, năng lực thực hiện dân chủ ở cơ sở và dân chủ với nhân dân.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng; trách nhiệm của chính quyền, của người đứng đầu về thực hiện QCDC; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hoá phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cơ sở.

3.1.2. Định hướng của Tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và quán triệt Chỉ thị số 30 - CT/TW và các văn bản của Đảng, Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở, nhất là tập trung chỉ đạo, triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn..., gắn với việc triển khai quán triệt, thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiếp tục tổ chức thực hiện các NQTW 7 (khóa IX) "về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ,

văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo” đến đông đảo cán bộ, đảng viên, hội đoàn viên và nhân dân.

Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo thực hiện QCDC các cấp trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở, thực hiện dân chủ trong Đảng, phân công cấp ủy viên theo dõi, phụ trách địa bàn, làm tốt công tác vận động quần chúng; tăng cường công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện đối với các tổ chức trong HTCT; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm...; coi nhiệm vụ xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở là một trong những tiêu chuẩn để xem xét cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, đơn vị tiên tiến, xuất sắc; khen thưởng cán bộ công chức hàng năm.

Tập trung chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng và tổ chức thực hiện dân chủ trong hoạt động của UBND; rà soát, hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện Quy chế thực hiện dân chủ, các nội quy, quy định, quy chế của các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp và quy ước, hương ước của khu dân cư phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn tình hình của từng địa phương, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức thực hiện để các quy chế, quy định và hương ước, quy ước được thực hiện đạt hiệu quả, thiết thực.

Thực hiện QCDC cơ sở gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương, cơ sở.

Phát huy vai trò của HĐND, của MTTQ, các đoàn thể, Ban thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư cộng đồng trong giám sát việc thực hiện QCDC đối với cơ quan chính quyền, các loại hình cơ sở, các công trình do Nhà nước, các tổ chức đầu tư tại địa phương, các công trình do nhân dân đóng góp... động viên các tầng lớp nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện có hiệu quả các quy chế, quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Gắn việc xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở với việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước như: “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, xây dựng nông thôn mới, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần tham gia kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, hướng mọi hoạt động về cơ sở và địa bàn dân cư; đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân; phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục hội đoàn viên và nhân dân nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ dân chủ với kỷ cương, dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp trong việc thực hiện QCDC, góp phần nâng cao nhận thức dân chủ, ý thức chấp hành pháp luật trong hội đoàn viên và nhân dân; tích cực tham gia thực hiện và giám sát, kiểm tra thực hiện QCDC ở cơ sở.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.2.1. Không ngừng nâng cao nhận thức, năng lực thực hành dân chủ cho cán bộ và nhân dân

Muốn có năng lực thực hành tốt, trước hết phải hiểu biết về vấn đề mình sẽ, đang thực hiện là gì, như thế nào. Chỉ có nắm bắt được bản chất của vấn đề mới chủ động trong hành động và hành động mới đúng đắn.

Triết học duy vật Mác - Lênin thừa nhận tính thống nhất vật chất của thế giới, và trong mối quan hệ giữa vật chất và ý thức thì vật chất có trước, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người. Tuy nhiên, triết học Mác – Lênin cũng khẳng định tính độc lập tương đối, tác động trở lại của ý thức, khẳng định năng lực nhận thức của con người là: Không có gì là ý thức

con người không thể nhận thức được, chỉ có cái con người chưa biết mà thôi. Về bản chất, *“nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, tự giác, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc người trên cơ sở thực tiễn”* [17, 260]. Nhận thức là một quá trình biện chứng, tích cực, tự giác, sáng tạo. Quá trình phản ánh ấy diễn ra theo trình tự từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, đi từ hiện tượng đến bản chất và từ bản chất kém sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn. Cơ sở chủ yếu và trực tiếp của nhận thức là thực tiễn. Nhận thức đúng mở đầu cho hành động đúng.

Sự ra đời của QCDC ở cơ sở và Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn là kết quả của quá trình khảo sát tình hình thực tiễn, tổng kết thực tiễn; sự suy nghĩ, tìm tòi khá công phu của Đảng và Nhà nước ta nhằm đáp ứng đòi hỏi bức xúc của cuộc sống. Mặc dù dân chủ là khát vọng sâu xa của quần chúng nhân dân; là yêu cầu cấp thiết của cuộc sống. Song, không phải tất cả mọi người đều hiểu đúng nội dung, mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, triển khai thực hiện QCDC. Có người còn cho rằng sự ra đời của QCDC cơ sở là quá sớm trong lúc văn hóa nói chung, văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ nói riêng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân còn thấp. Do vậy việc tiếp cận, nghiên cứu, tiếp thu sẽ gặp khó khăn; thậm chí còn hiểu sai, nên dễ làm sai, dễ bị kích động, biểu tình, đấu tranh chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ. Hoặc từ nhận thức chưa đúng mà họ chưa sẵn sàng, chưa nhiệt tình thực hiện, hoặc có thực hiện thì cũng không có hiệu quả. Thực tế đã cho thấy điều đó, qua 16 năm triển khai QCDC dân chủ ở xã, phường thị trấn tại tỉnh Bình Định vẫn còn những hạn chế, những vấn đề đặt ra cần giải quyết nhất định - QCDC cơ sở đã triển khai và thực hiện 16 năm nay, nhưng Pháp lệnh 34 thì chỉ mới 6 năm; tuy thời gian chưa nhiều so với chặng đường CNXH của Việt Nam, nhưng cũng không phải là ít đối với sự cần thiết, cấp bách và lâu dài của thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn. Muốn vậy, trước hết phải

bắt đầu từ yếu tố tư tưởng, yếu tố nhận thức. Có nhận thức đúng mới hiểu rõ được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và nội dung của QCDC, mới *"sống vì nó"*, *"hành động vì nó"* một cách đúng đắn, hiệu quả. Không những thế, còn tạo những điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt QCDC xã, phường, thị trấn trong những năm tiếp theo.

Trong phiên họp chính phủ đầu tiên (3/9/1945), Hồ Chí Minh đưa ra một trong sáu nhiệm vụ cấp bách là phải diệt giặc đói. Theo Người: *"Một dân tộc đói là một dân tộc yếu"*, *"Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi"*, *"Văn hóa phải vào sâu trong quần chúng"*. Những quan niệm nổi bật đó về vai trò của văn hóa đang chỉ dẫn chúng ta. Vì vậy khi chúng ta tiến hành thực hiện chủ trương mở rộng dân chủ rộng rãi, thực chất và trực tiếp từ cơ sở trong điều kiện những yếu tố trên còn hạn chế thì điều cần thiết trước tiên là phải nâng cao trình độ mọi mặt cho các tầng lớp nhân dân để trong quá trình thực hiện quyền dân chủ, năng lực thực hành dân chủ của họ từng bước được nâng lên.

Muốn mọi người dân có thể làm chủ được xã hội, tham gia có hiệu quả vào thực hiện dân chủ ở cơ sở cần xác lập hệ thống các giá trị dân chủ ở cơ sở, điều này đòi hỏi phải không ngừng nâng cao trình độ văn hóa dân chủ, văn hóa pháp luật... cho mọi công dân.

Cấu trúc của trình độ văn hóa dân chủ bao gồm: ý thức dân chủ; kinh nghiệm và năng lực thực hành dân chủ; nhân cách dân chủ của công dân trong các hoạt động chính trị.

Nâng cao văn hóa dân chủ là quá trình tác động chủ động, tự giác, đồng bộ vào các bộ phận của cấu trúc trên sao cho định hướng XHCN của các giá trị văn hóa được giữ vững và phát triển trong thực tiễn xây dựng đời sống dân chủ cho nhân dân ở cơ sở. Cụ thể là:

- Bồi dưỡng ý thức dân chủ theo định hướng XHCN cho các tầng lớp xã hội ở cơ sở.

- Nâng cao kinh nghiệm và năng lực thực hành dân chủ cho từng cá nhân và cộng đồng dân cư.

- Xây dựng nhân cách dân chủ của cá nhân thông qua các hoạt động chính trị ở cơ sở.

Vấn đề cơ bản để không ngừng nâng cao nhận thức, năng lực thực hành dân chủ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trước hết là phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, học tập về văn hóa nói chung, văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, văn hóa dân chủ nói riêng. Phải làm cho mọi người hiểu rõ phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" là nội dung cơ bản của phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đồng thời, cũng làm cho nhân dân hiểu rõ và kết hợp hài hòa giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp; giữa lợi ích và trách nhiệm, cá nhân và xã hội, dân chủ và pháp luật, dân chủ với kỷ cương, kỷ luật.

3.2.2. Củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân

Thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn là quá trình kết hợp giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Sự lãnh đạo chặt chẽ và hoạt động thống nhất, sáng tạo của HTCT xã, phường, thị trấn là yếu tố cơ bản, là điều kiện quyết định trực tiếp bảo đảm thực hiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở.

- *Đối với tổ chức Đảng ở cơ sở*

Đảng bộ xã, phường, thị trấn có trách nhiệm rất lớn trong việc thực hiện QCDC: Như tuyên truyền, quán triệt QCDC, lãnh đạo việc thể chế hóa QCDC thành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết, hoàn thiện QCDC ở cơ sở.

Vì vậy, xác định củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng ở cơ sở là điều kiện, là giải pháp quan trọng để tiếp tục triển khai, thực hiện thắng lợi QCDC.

Trước hết, phải nâng cao năng lực trí tuệ của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên ở cơ sở. Đây là nền tảng của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo của HTCT cơ sở. Năng lực trí tuệ của tổ chức cơ sở Đảng là kết quả tổng hợp những tri thức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ của từng đảng viên và tổ chức Đảng. Năng lực trí tuệ của tổ chức cơ sở Đảng phản ánh tập trung ở chất lượng của các quyết sách chính trị. Các quyết sách đó phải mang tính sát thực, phản ánh đúng những vấn đề bức xúc của cơ sở; đồng thời định hướng vào việc tạo nên bước chuyển biến đồng bộ và căn bản tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở. Các quyết sách chính trị đúng đắn phải là sản phẩm của quá trình dân chủ hóa, bên cạnh việc tham gia thảo luận, tranh luận theo nguyên tắc “dân chủ tập trung” của đảng viên ở địa phương, cơ sở còn phải lấy ý kiến của nhân dân địa phương cơ sở và cũng qua đó ý thức và năng lực thực hành dân chủ của nhân dân và xã hội được nâng lên dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng. Các quyết sách chính trị đúng, không chỉ thể hiện và phát huy được chức năng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng mà còn giải quyết có hiệu quả các mối quan hệ trong cơ chế vận hành của HTCT. Vì vậy các quyết sách chính trị phải tạo điều kiện và môi trường để chính quyền cơ sở phát huy tối đa chức năng nhiệm vụ theo các qui phạm pháp luật; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, lãnh đạo phù hợp với tình hình của địa phương, đảm bảo tôn trọng lợi ích của từng cá nhân trong sự hài hòa với lợi ích của xã hội...

Củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng cơ sở không chỉ để có quyết sách chính trị đúng, sáng suốt mà còn thể hiện ở sự lãnh đạo tổ chức, thực hiện quyết sách đó: Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các tổ chức duy trì thường xuyên, có hiệu quả việc thực hiện QCDC cơ sở, thường xuyên sơ, tổng kết rút kinh nghiệm để kịp thời chấn chỉnh, sửa chữa những mặt hạn chế; lãnh đạo

nhân dân xây dựng quy ước, hương ước, xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa; lãnh đạo Ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát các quyết định về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, nhà văn hóa..., thu chi ngân sách, thi công thanh quyết toán các công trình.... Vì vậy, muốn làm được cần: *“Phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân”* [49, tr. 298].

Kiện toàn, cùng cố tổ chức Đảng, còn phải tiếp tục chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh. Khi bàn về vấn đề này Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Mỗi chi bộ của Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng. Mỗi cấp bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương, theo đúng đường lối chính sách của Trung ương”* [55, tr. 23], *“Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyên để liên hệ Đảng với quần chúng”* [51, tr. 243]. Muốn vậy, nội dung quan trọng trước hết là kiện toàn đội ngũ cấp ủy về số lượng, mạnh về chất lượng, giữ vững nề nếp sinh hoạt đảng, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên về mọi mặt như bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức. Phải đảm bảo dân chủ thực sự trong Đảng; động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Quá trình xây dựng dân chủ trong Đảng cần tiến hành đồng thời với xây dựng và hoàn thiện tổ chức, xây dựng dân chủ trong toàn xã hội, trong đó, mỗi đảng viên phải là một tấm gương mẫu mực trong thực hiện dân chủ và QCDC cho nhân dân noi theo. Tổ chức cơ sở đảng và cũng như mỗi đảng viên cần khắc phục cách làm chủ quan, áp đặt, không tôn trọng và lắng nghe ý kiến của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; đồng thời, cũng tập trung

lãnh đạo và phân công trách nhiệm cụ thể cho chính quyền, Mặt trận và đoàn thể nhân dân, cho từng đồng chí cấp ủy và đảng viên. Trước mắt là tập trung thực hiện tốt thực hiện Chi thị 03 của Bộ Chính trị “*Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” tại địa phương, đơn vị.

- Củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở

Chính quyền cấp xã là yếu tố trụ cột của HTCT cơ sở; có vai trò to lớn trong việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn: tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện quy chế; kiểm tra, giám sát và tổng kết, hoàn thiện quy chế; từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm đáp ứng với yêu cầu thực hiện QCDC ở cơ sở và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong thời gian qua, các cấp chính quyền ở tỉnh Bình Định đã không ngừng được củng cố và kiện toàn: “*Hoạt động của Hội đồng nhân dân ; hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy Ban nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước các cấp có tiến bộ. Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân được phát huy. Cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện trên các lĩnh vực*” [27]. Song so với yêu cầu của công cuộc đổi mới nói chung, của thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn nói riêng, thì vẫn còn những hạn chế, những thiếu sót nhất định. Với tư cách là cơ quan chức năng tổ chức thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn sẽ không đạt được hiệu quả cao trong phát huy dân chủ ở cơ sở khi mà HTCT, trong đó trụ cột là chính quyền Nhà nước ở địa phương xã, phường, thị trấn còn có tình trạng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân, công tác cải cách hành chính chưa được quan tâm đúng mức. Vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, tổ chức chỉ đạo, thực hiện ở một số khâu còn hạn chế... Quy chế thực hiện dân chủ chưa được triển khai rộng rãi. Vì vậy, việc củng cố,

kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở là giải pháp quan trọng để không ngừng thực hiện tốt QCDC cơ sở. Vì vậy:

Phải tăng cường vai trò của các cơ quan dân cử. Các cơ quan dân cử được nhân dân bầu ra để đại diện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của dân. Nhân dân bầu người đại diện không phải bầu xong là mất quyền mà người đại diện đó phải thường xuyên gặp gỡ nhân dân, lắng nghe nguyện vọng của nhân dân, đề nghị, kiến nghị đến cơ quan hành pháp giải quyết quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Xây dựng quy chế làm việc nghiêm túc của cơ quan chính quyền các cấp. Quy định rõ chức năng, quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân, qui định mối quan hệ công tác giữa Đảng, Chính quyền, đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội.

Đổi mới, kiện toàn HĐND, UBND thực sự là cơ quan quyền lực cao nhất ở địa phương; là người đại diện chân chính cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, có đủ khả năng thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước thành chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương một cách thiết thực.

Xây dựng mối quan hệ công tác giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội để tạo sự thống nhất vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và thực hiện trong quá trình thực hiện QCDC ở cơ sở.

Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền và nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, tham gia trực tiếp vào công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của bộ máy chính quyền. Chỉ khi nào nhân dân tham gia hoạt động này có hiệu quả thì mới chống được tham nhũng ...

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong các hoạt động của chính quyền cơ sở, mà nội dung chính là tập trung xây dựng đội ngũ công chức có

đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức danh và chế độ công vụ; tập trung cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm bớt sự phiền hà đối với công dân; xử lý đúng đắn, nhanh gọn các vấn đề có liên quan đến đời sống, lợi ích của nhân dân.

- Đối với các đoàn thể nhân dân như MTTQ Việt Nam, và các đoàn thể chính trị xã hội ở cơ sở.

Đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở bao gồm: MTTQ Việt Nam, công đoàn, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân. Theo Hồ Chí Minh *“Đoàn thể ấy là tổ chức của dân, phấn đấu cho dân, bênh vực quyền lợi của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với chính phủ”* [50, tr. 66].

Trong cuộc vận động thực hiện QCDC ở cơ sở, vai trò của MTTQ Việt Nam, và các đoàn thể chính trị xã hội ở cơ sở là rất quan trọng, nó tạo sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong các tầng lớp nhân dân, xây dựng môi trường chính trị - xã hội lành mạnh và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân tích cực phát huy quyền làm chủ của mình. Các tổ chức có nhiệm vụ cùng với các cấp uỷ Đảng, chính quyền kiểm tra việc tổng kết, thực hiện quy chế.

Do vậy, việc củng cố, kiện toàn các đoàn thể nhân dân là yêu cầu cấp thiết hiện nay, nhằm củng cố, tăng cường cơ sở chính trị của quyền lực Nhà nước, nâng cao chất lượng phối hợp và thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện mục tiêu “dân làm chủ”; tham gia xây dựng các quyết sách chính trị của tổ chức Đảng, Nghị quyết của HĐND, cùng những quyết định quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở. Bằng cách đó, nhân dân thực hiện được quyền giám sát, kiểm tra được việc thực hiện dân chủ; chăm lo bảo vệ được lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân ở địa phương; bảo vệ Đảng và chính quyền; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước từ cơ sở.

Để có thể thực hiện mục tiêu trên, trước hết phải tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện QCDC ở cơ sở, theo đó Đảng và cơ quan quyền lực Nhà nước ở cơ sở cùng bàn bạc, tham khảo ý kiến của các đoàn thể chính trị xã hội về những quyết định và chủ trương lớn. Chất lượng bàn bạc, tham khảo ý kiến của MTTQ khi hình thành các quyết định lãnh đạo, quản lý của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước các cấp nhất là ở cơ sở, phụ thuộc vào kết quả xây dựng cơ chế đúng đắn để thực hiện QCDC ở cơ sở. Khi đó Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở mới có khả năng làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, cùng hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Các bộ phận hợp thành HTCT ở cơ sở phải xác định đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của mình; thường xuyên đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động gắn liền với đổi mới kinh tế - xã hội. Cùng lúc đó phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng nhân dân, đáp ứng yêu cầu và chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng và hợp pháp của nhân dân, đặc biệt là phải đẩy mạnh và phát huy hơn nữa vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ theo tinh thần Đại hội X của Đảng đã xác định: *“Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”* [34].

Nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của MTTQ Việt Nam các cấp và các đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức quần chúng. Nhiệm vụ của các đoàn thể là phấn đấu cho dân và bệnh vực quyền lợi cho dân. Do đó, ngoài việc nâng cao nhận thức của

toàn xã hội về vị trí, vai trò của các đoàn thể thì tự thân các đoàn thể phải tự nhận thức rõ hơn nữa về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình để không đi lệch hướng phấn đấu và bên vực quyền lợi của nhân dân. Vì vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có phẩm chất, năng lực, nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

3.2.3. Thực hiện Pháp lệnh gắn liền với phát triển kinh tế, xã hội ở từng xã, phường, thị trấn

Có thể nói đây là điều kiện đảm bảo quan trọng nhất để lôi cuốn, thu hút quần chúng vào hoạt động chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể. Đem lại lợi ích cho dân là cách tốt nhất để làm cho QCDC có sức sống, để dân chủ là một giá trị thực tế chứ không dừng lại là một ước muốn, một nguyện vọng.

Người dân không thể đi họp, dự các buổi thảo luận, nghe những lời thuyết giảng chính trị mà họ và gia đình họ, con cái họ còn chưa có cái ăn, còn đói nghèo, thất nghiệp, thất học. Dân chúng quan tâm tới chính trị, tới các vấn đề xã hội nói chung, một khi họ bằng cảm nhận thực tế mà thấy rằng đó là chính trị thiết thực, cần thiết, có ích đối với họ.

Vì vậy, việc thực hiện QCDC ở cơ sở và thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn, chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Không nên hiểu rằng phát huy dân chủ là trong các buổi sinh hoạt chi bộ, họp dân đông người để xin ý kiến triển khai một chiều một cách hình thức hoặc bàn tán ẩu trĩ một vấn đề nào đó liên quan đến cá nhân, cán bộ hay một việc bức xúc ở địa phương không gắn với việc chăm lo giải quyết những vấn đề thiết thực đến đa số lợi ích và cuộc sống chung của nhân dân địa phương. Mà chúng ta phải nhận thức và hiểu rằng:

kinh tế - xã hội phát triển, an ninh chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vững mạnh đó chính là hiệu quả, thước đo của việc thực hiện Pháp lệnh dân chủ.

Trong quá trình thực hiện dân chủ trên lĩnh vực kinh tế, phải tôn trọng và đảm bảo các lợi ích chính đáng của người lao động thông qua các chính sách kinh tế và chính sách xã hội đối với các thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trên tinh thần bình đẳng, công khai, phải tạo lập các điều kiện kinh tế - xã hội cho người lao động có cơ hội như nhau trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ kinh tế. Vì vậy: Phát triển kinh tế trên địa bàn xã, phường, thị trấn, trước hết, các địa phương phải quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, đặc biệt là tập trung cho xây dựng mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả HTCT và toàn xã hội, trong đó nông dân vừa là chủ thể thực hiện, vừa là đối tượng được thụ hưởng. Thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải gắn chặt giữa tăng trưởng kinh tế với chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân, không ngừng phát huy quyền làm chủ cho nông dân. Xây dựng nông thôn mới phải tạo ra nhiều cơ hội để nông dân đẩy mạnh lao động sản xuất, giúp nông dân tự vươn lên thoát nghèo, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và làm giàu chính đáng. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn suy cho cùng là nhằm tạo ra được nhiều công ăn việc làm tại chỗ cho nông dân với tinh thần “ly nông bất ly hương” bằng cách đẩy mạnh phát triển công nghiệp và ngành nghề, dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn; đồng thời có chính sách hỗ trợ về vốn, đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao khoa học và công nghệ; đặc biệt là khâu tiêu thụ nông sản hàng hóa của nông dân.

Cùng với việc đem lại cho nông dân một cuộc sống vật chất đầy đủ, no ấm và sung túc, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới đem đến cho nông dân sự phát triển bền vững cả về đời sống văn hóa tinh thần, an sinh xã hội ngày một cao hơn. Cần chú trọng đến các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đặc biệt là đảm bảo môi trường sinh thái được bền vững, giữ gìn những nét đặc thù vốn có của người dân. Phát triển lực lượng sản xuất, hiện đại hóa từng bước lực lượng sản xuất (tư liệu lao động), phải chuyên môn hóa, xã hội hóa quá trình sản xuất (yếu tố con người).

Phải khuyến khích, tạo động lực và điều kiện cho phát triển kinh tế hộ gia đình và trang trại, đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ mới vào phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chiều sâu. Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, giúp nông dân giảm chi phí sản xuất, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu về vốn cho sản xuất, chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường mới để đảm bảo cho việc tiêu thụ và tăng sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa.

Có chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với điều kiện từng địa phương, đơn vị, khôi phục ngành nghề truyền thống, phát triển ngành nghề mới, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm giải quyết công ăn, việc làm.

Phát huy vai trò chủ thể của dân trong quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương, phải xây dựng kế hoạch, ngân sách, tài chính một cách dân chủ, công khai phù hợp với đặc điểm kinh tế của địa phương nhằm nâng cao đời sống của nhân dân. Việc thu chi tài chính, xây dựng cơ bản của địa phương phải được công khai, phải được dân cử đại diện kiểm tra, giám sát và theo dõi thi công, sau đó phải thanh quyết toán, báo cáo với dân. Những khoản thu của

dân phải được thông báo để dân biết trước và phải thanh quyết toán chứng từ, biên lai đến tận hộ, đồng thời niêm yết nơi công sở và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để dân theo dõi. Đồng thời kết hợp với công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý sau thanh tra của các cấp đối với cơ sở trên lĩnh vực kinh tế nhằm giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật, góp phần trực tiếp mở rộng dân chủ trên lĩnh vực kinh tế.

Cần phải tiếp tục giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân; những quyền tự do dân chủ rộng rãi cần được hoàn chỉnh thêm trong các quy phạm về quyền sử dụng ruộng đất. Cần kích thích sự tích tụ ruộng đất hợp lý, khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất do cơ chế chia ruộng đất bình quân theo nhân khẩu đồng thời cũng khắc phục tình trạng tích tụ ruộng đất tự phát ngoài sự kiểm soát của chính quyền và vi phạm pháp luật do các hộ nông dân được giao quyền sử dụng đất không có vốn đầu tư cho sản xuất đã bán đất cho người khác.

Bên cạnh đó cần phải gắn với phát triển các vấn đề xã hội, đây là một yếu tố quan trọng. Nếu xã hội mất ổn định, tệ nạn xã hội gia tăng, tình trạng bất bình đẳng còn phổ biến, đói nghèo còn đè nặng lên đầu người dân... Thì dân chủ cũng không được đảm bảo. Do vậy, phải thực hiện tốt các vấn đề xã hội - đặc biệt là các vấn đề xã hội bức xúc hiện nay như: ngăn chặn nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, thất nghiệp... Đồng thời thực hiện từng bước công bằng xã hội, tích cực chống quan liêu, tham nhũng; thực hiện các chương trình *"xóa đói, giảm nghèo"*, *"đền ơn đáp nghĩa"*...

Như vậy, dân trí, dân sinh, dân chủ là 3 yếu tố quan trọng, gắn bó chặt chẽ với nhau trong cuộc sống. Muốn thực hiện tốt QCDC, phải gắn liền với phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao dân trí.

Như vậy, kinh tế, xã hội, trình độ dân trí cao, nhờ phát huy dân chủ; ngược lại, nhận thức và thực hiện quyền dân chủ đến đâu rõ ràng tùy thuộc

vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội, trình độ dân trí. Không thể tách rời việc thực hiện QDCĐ thành một "mặt trận" riêng, một "phong trào", hay một "chiến dịch" riêng.

3.2.4. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng quá trình thực hiện Pháp lệnh

Trong nhiều tác phẩm của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định *"Muốn lập làng kiểu mẫu, đội kiểu mẫu v.v.. thì trước hết phải đào tạo ra những người kiểu mẫu để làm cán bộ cho làng đó, đội đó"* [49, tr. 241], *"Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng"* [49, tr. 269].

Theo các quan điểm trên, trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước việc đào tạo cán bộ bao giờ cũng được coi là việc vô cùng quan trọng và nó càng có ý nghĩa thực tiễn to lớn hơn trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước theo cơ chế thị trường, đòi hỏi yêu cầu về trình độ của đội ngũ cán bộ ở cấp xã, phường, thị trấn ngày càng cao. Song trên thực tế trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn còn nhiều hạn chế, phong cách lãnh đạo, quản lý chưa được đổi mới, một bộ phận cán bộ chưa thực sự gần gũi nhân dân, ngại kiểm điểm trước dân, chưa đi sâu, đi sát, chưa tạo điều kiện cho nhân dân kiểm tra công việc hàng ngày ở cấp xã.

Trong tác phẩm *"Sửa đổi lối làm việc"* Hồ Chí Minh đã nêu những biện pháp cần thiết để khắc phục những hạn chế trong đào tạo cán bộ, như: *"Đào tạo cán bộ phải gắn với công việc cụ thể, làm việc gì học việc ấy; Huấn luyện lý luận phải gắn với thực tiễn; Huấn luyện chính trị, cần phải có, song tùy từng loại cán bộ mà định chương trình cho phù hợp; các lớp học phải tổ chức theo trình độ văn hóa chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp; ..."*

Có thể nói rằng đội ngũ cán bộ, công chức góp phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước nhưng đội ngũ cán bộ, công chức cấp

xã, phường, thị trấn còn giữ vai trò quan trọng hơn rất nhiều. Bởi lẽ, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn là người trực tiếp tuyên truyền, giác ngộ một cách sâu rộng cho nhân dân về mục đích, ý nghĩa, nội dung của QCDC; cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức thực hiện QCDC cơ sở; đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy chế. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm sau một thời gian nhất định (Quý, năm...) để từ đó tiếp tục uốn nắn, chỉ đạo thực hiện tốt hơn; vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt còn thể hiện ở sự đổi mới phong cách lãnh đạo, quản lý phù hợp với thực tiễn.

Từ nhận thức trên, Đảng ta luôn quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Tại Đại hội IX, Đảng ta nhấn mạnh: *"Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức với chương trình, nội dung sát thực; chú trọng đội ngũ cán bộ xã, phường... Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho nhân dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân"* [33, tr. 218].

Đây thực sự là một chủ trương đúng đắn, khẳng định vị thế của cán bộ cơ sở, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước phải đào tạo, bồi dưỡng họ để có đủ năng lực, phẩm chất thi hành công vụ của mình một cách xuất sắc.

Vì vậy, để thực hiện QCDC trong thời gian tới đạt nhiều thành tựu hơn nữa, trước mắt cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

- Cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng của cán bộ công chức ở cấp xã, phường, thị trấn. Bác Hồ đã dạy: Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó quan hệ chặt chẽ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng có sáng kiến, những sáng kiến đó được khen ngợi thì những người đó càng thêm hăng hái và người khác cũng học theo và trong khi

tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc thì những khuyết điểm lật vặt cũng tự sửa chữa được nhiều.

- Cần đổi mới công tác tổ chức và quản lý đội ngũ công chức nhà nước: Đổi mới công tác tuyển dụng công chức nhà nước theo quy định: *"Người tuyển dụng phải có phẩm chất đạo đức đúng với tiêu chuẩn nghiệp vụ và thông qua thi tuyển theo quy định của pháp luật"*. Do vậy, việc tuyển dụng nhất thiết phải qua thi tuyển. Đây là một trong những biện pháp tích cực để nâng dần chất lượng đội ngũ ngay ở đầu vào đồng thời bảo đảm tính dân chủ trong công tác tuyển dụng.

- Đào tạo cán bộ chủ chốt và cán bộ dự nguồn cấp xã, phường, thị trấn có trình độ cao đẳng, đại học ở các ngành chủ yếu theo từng đặc thù của địa phương để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, thị trấn tốt nghiệp cao đẳng, đại học phải đảm bảo kiến thức chuyên môn, đa dạng về khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, lý luận chính trị.....đáp ứng được yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương.

Đi đôi với việc đào tạo cần phải đổi mới công tác sử dụng và quản lý công chức: Để tránh những bệnh mà trước đây Bác Hồ phê phán gay gắt khi sử dụng cán bộ là: *"Ham dùng người bà con quen biết, ham dùng người nịnh hót, ghét những người chính trực, ham dùng người hợp tính với mình, trách những người không hợp ý mình"* [56, tr. 279] và *"phải có gan cật nhắc cán bộ"*. Tỉnh nên có quy định thực hiện dân chủ trong việc sử dụng, bố trí sắp xếp cán bộ công chức ở mỗi cơ quan, đơn vị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng để cán bộ phát huy kiến thức đã học phục vụ công việc trước mắt và lâu dài; phân định rõ tiêu chuẩn, đối tượng, hình thức đào tạo để cán bộ có điều kiện vừa học tập nâng cao trình độ, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Như:

+ Đào tạo dài hạn đối với cán bộ trong diện quy hoạch lâu dài.

+ Bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ đương chức.

+ Tập huấn ngắn ngày, tham quan, học tập kinh nghiệm.

- Cần phải xây dựng kế hoạch, quy hoạch cán bộ ở địa phương, thu hút cán bộ trẻ có năng lực về địa phương bằng những chính sách, chế độ hợp lý. Chọn số sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học ở các trường đang chờ việc có nhu cầu công tác ở địa phương làm nguồn cho cán bộ cơ sở.

Phấn đấu từ nay đến năm 2020, hầu hết cán bộ chủ chốt, cán bộ nguồn chủ chốt và cán bộ làm công tác chuyên môn... phải có trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành, phù hợp với từng lĩnh vực.

- Cần đổi mới việc đánh giá cán bộ công chức hàng năm đúng đắn về trình độ chuyên môn và ý thức của cán bộ công chức mới có điều kiện giúp mỗi cán bộ công chức tự rèn luyện để phấn đấu vươn lên.

- Kiên quyết thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm, tham nhũng, gây mất đoàn kết nội bộ kéo dài, không còn uy tín trong nhân dân khi đã kiểm tra, xác minh đủ điều kiện, cơ sở theo qui định của Đảng và Nhà nước, đặt biệt phải dựa và xem xét kỹ ý kiến của nhân dân đấu tranh.

3.2.5. Định kỳ tổng kết thực tiễn việc thực hiện Pháp lệnh

Thực tiễn là những hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội. Hoạt động chính trị - xã hội là một trong những dạng hoạt động cơ bản của thực tiễn, nhằm làm biến đổi các quan hệ xã hội, chế độ xã hội. Vai trò của thực tiễn hết sức to lớn đối với quá trình nhận thức; đồng thời thực tiễn còn là tiêu chuẩn của chân lý.

Quan điểm này yêu cầu việc nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn, đi sâu vào thực tiễn. Nghiên cứu lý luận phải liên hệ với thực tiễn; nếu xa rời thực tiễn sẽ dẫn tới các sai lầm của bệnh chủ quan, giáo

điều, máy móc, duy ý chí "lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng", ... Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định: "*Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái*" [33, tr. 141].

Sơ kết, tổng kết để kịp thời đúc rút những bài học kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện QCDC cơ sở; đồng thời cũng để biểu dương, khen ngợi những việc làm tốt, phổ biến nhân rộng những kinh nghiệm hay, điển hình tiên tiến; phê phán, uốn nắn và xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Thực tế cho thấy, những trường hợp vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thường diễn ra nhiều hơn ở phía cán bộ, những người có chức, có quyền. Về phía công dân cũng không phải không có, nhưng thường là những người không hiểu biết pháp luật, những người lợi dụng dân chủ xúi giục, kích động người khác vi phạm pháp luật. Để xử lý đúng đắn các vụ việc ở cơ sở, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo thực hiện QCDC cần đi sâu, đi sát nắm bắt thông tin từ nhiều nguồn, nhiều phía. Ngay cả các vụ vi phạm của cán bộ cũng phải nhìn nhận khách quan. Cán bộ sai mà không xử lý, hoặc xử lý không thỏa đáng dễ làm triệt tiêu sự năng động, tích cực của cán bộ đều không phát huy được dân chủ, không thúc đẩy được phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Triển khai, thực hiện quy chế là vấn đề hết sức quan trọng; sơ kết, tổng kết là việc làm hết sức cần thiết. Hồ Chí Minh nói: "*Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng*".

Việc sơ kết, tổng kết không phải tùy hứng, thích hay không thích, làm hay không làm; mà nó sẽ có ý nghĩa to lớn khi được tiến hành thường xuyên theo định kỳ. Làm được như vậy, việc sơ kết, tổng kết sẽ đi vào nề nếp; ý thức trách nhiệm, kinh nghiệm, chất lượng của công việc đó sẽ cao hơn, việc làm sẽ có ý nghĩa to lớn hơn và có như thế, QCDC ở xã, phường, thị trấn mới đi sâu vào cuộc sống một cách hiệu quả và đóng góp của nó đối với sự phát triển của tỉnh mới to lớn hơn.

** Một số kiến nghị để tiếp tục hoàn thiện tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã.*

Thứ nhất, Cần xây dựng chế tài xử lý những trường hợp vi phạm dân chủ, lợi dụng dân chủ gây mất ổn định an ninh chính trị địa phương.

Thứ hai, Đổi mới căn bản nội dung, phương pháp, phương thức đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ ở cấp xã, phường, thị trấn cho thích hợp với yêu cầu đổi mới HTCT ở cơ sở. Có chính sách tạo động lực để thu hút các nguồn lực phát triển, tạo ra chất lượng mới của đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Thứ ba, Cần tiến hành bầu cử trực tiếp các vị trí lãnh đạo để khẳng định hơn nữa quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân.

Thứ tư, Cần có cơ chế tách biệt, phân định rõ chức năng quyền hạn và nghĩa vụ của những người giữ các chức vụ: Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn để phù hợp với nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Thứ sáu, Tuy Hiến pháp và pháp luật có quy định người dân có quyền bãi nhiệm những thành viên do mình bầu khi không xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân. Nhưng trên thực tế chưa có cơ chế để người dân thực hiện quyền này. Vì vậy cần có quy định chặt chẽ về việc nhân dân tiến hành bãi nhiệm.

Thứ bảy, Việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh Chủ

tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã, phường, thị trấn cần được tiến hành thường xuyên, công khai, dân chủ. Đồng thời nên tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của người dân đối với cả đội ngũ cán bộ, công chức cùng cấp. Và có thể dựa vào kết quả lấy phiếu tín nhiệm từ dân với các chức danh làm cơ sở để người dân có thể bãi nhiệm những người không còn xứng đáng, làm căn cứ xếp loại cán bộ, công chức.

KẾT LUẬN

Việc thực hiện QCDC ở cơ sở, lấy dân chủ ở xã, phường, thị trấn làm trọng điểm mới trải qua hơn 16 năm nay. Đây là một hướng phát triển mới cả lý luận và thực tiễn về dân chủ ở nước ta. Do đó, cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu và tổng kết để có cơ sở vững chắc hơn cho việc đề xuất, tìm kiếm các giải pháp thực hiện, phát huy dân chủ ở nước ta.

Nhằm mục đích đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội một cách bền vững, bảo đảm và giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh và cả nước, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tạo niềm tin của người dân vào Đảng, nhà nước, đồng thời hạn chế tình trạng quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch trong hệ thống các cơ quan nhà nước nói chung và chính quyền cấp cơ sở nói riêng, trước hết cần phải thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, đặc biệt là Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường thị trấn, bởi lẽ đây là địa bàn sinh sống của người dân, là nơi diễn ra các hoạt động tiếp xúc giữa bộ máy công quyền và người dân, là nơi thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cũng là nơi mà bộ máy công quyền tìm hiểu để đề ra những đường lối, chủ trương cho phù hợp, đặc biệt là nơi mà hoạt động của “nó” có thể ảnh hưởng đến sự sống còn của chế độ, của Nhà nước ta.

Đề tài *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ với việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn tại tỉnh Bình Định hiện nay ”* đã tiến hành tìm hiểu tài liệu, thu thập số liệu, phân tích, so sánh, đánh giá một cách khách quan, toàn diện về thực trạng tổ chức thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn để từ đó đưa ra một số giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện, để nâng cao hơn nữa việc thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện nay.

Đề tài cũng góp phần kiến nghị với Đảng, nhà nước và các cấp chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn, đáp ứng thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy dân chủ và thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, thị trấn không chỉ góp phần củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân ở cơ sở, không chỉ là giải pháp để hạn chế sự tha hoá quyền lực, chống lại tệ quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước mà nó còn khơi dậy sức mạnh tiềm tàng của quần chúng lao động, phát huy cao độ mọi tiềm năng, trí tuệ của toàn thể nhân dân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lưu Văn An (2000), "Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cấp xã với việc triển khai thực hiện QCDC ở cơ sở", *Dân vận*, (số 5).
- [2] Lê Trọng Ân (2004), "Dân chủ và phát huy dân chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới", *tạp chí Cộng sản*, (số 24).
- [3] Lương Gia Ban (chủ biên) (2003), *Dân chủ và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [4] Ban Bí thư Trung ương Đảng CSVN - khóa IX (2002), Chi thị về tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, số 10/CT-TW ngày 28/3/2002.
- [5] Ban Bí thư Trung ương Đảng CSVN - khóa X (2010), Kết luận về tiếp tục thực hiện Chi thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện QCDC cơ sở, số 65-KL/TW ngày 04/3/2010.
- [6] Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN – khóa VIII (1998), Chi thị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, số 30 – CT/TW, ngày 18/12/1998.
- [7] Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN – khóa IX (2001), Chi thị tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, số 10 – CT/TW, ngày 18/3/2002.
- [8] Ban Chấp hành Trung ương Đảng CSVN - khóa IX (2002), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn, số 17-NQ/TW ngày 18/3/2002.
- [9] Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN (2004), Thông báo kết luận của ban bí thư về kết quả 6 năm thực hiện chi thị 30 – CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII và tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- [10] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Ban Dân vận Trung ương (1998), *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và vấn đề xây dựng Quy chế dân chủ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1998), *Thông tư về việc hướng dẫn áp dụng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã đối với phường và thị trấn*, số 03/1998/TT-TCCP ngày 06/7/1998.
- [13] Hoàng Chí Bảo (2004), *Hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Hoàng Chí Bảo (2007), *Dân chủ và dân chủ cơ sở ở nông thôn trong tình hình đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [15] Hoàng Chí Bảo (2007), “Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - Thành tựu và những vấn đề đặt ra”, *tạp chí thông tin công tác tư tưởng, lý luận*, (số 6).
- [16] Hoàng Chí Bảo (2010), “Vấn đề dân chủ và hệ thống chính trị trong Cương lĩnh của Đảng trước yêu cầu mới”, *tạp chí Xây dựng Đảng*, (số 2+3).
- [17] Hoàng Chí Bảo (2013), “Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh”, *tạp chí Cộng sản*, (số 848).
- [18] Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - khóa VIII (2000), *Thông báo "Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chỉ thị 30 CT/TW về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở*, số 304 - TB/TW, ngày 15/6/2000.
- [19] Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - khóa IX (2004), *Thông kết luận của Ban Bí thư về kết quả 6 năm*

thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị khoá VIII và tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện QCDC, số 159-TB/TW ngày 15/11/2004.

- [20] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [21] Bộ Nội vụ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2004), Thông tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07/7/2003 của Chính phủ về Quy chế thực hiện dân chủ ở xã và áp dụng đối với phường, thị trấn, số 12/2004/TT-BNV ngày 20/2/2004.
- [22] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1998), Nghị định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, số 29/NĐ-CP ngày 11/5/1998.
- [23] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2003), Nghị định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, số 79/NĐ-CP ngày 07/7/2003.
- [24] Chính phủ - Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (2008), Nghị quyết về việc hướng dẫn thi hành các Điều 11, 14, 22 và 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008.
- [25] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [26] Huỳnh Đàm (2008), “Nhìn lại 10 năm thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn”, *tạp chí Cộng sản*, (số 789).
- [27] Đảng bộ tỉnh Bình Định (2011), Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XVIII.
- [28] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI*, Nxb CTQG, Hà Nội.

- [29] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [30] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [31] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba BCH Trung ương khóa VIII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [32] Đảng Cộng sản Việt Nam (18/3/2002), Chỉ thị số 10 – CT/TW " Về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở".
- [33] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [34] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [35] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [36] Trần Bạch Đằng (2003), "Dân chủ ở cơ sở một sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam", *Tạp chí cộng sản*, (số 35).
- [37] Phạm Văn Đồng (1995), *Văn hóa và Đối mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [38] Phạm Xuân Hằng (2010), "Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc – Một phương thức thực hành dân chủ tạo sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc", *Tạp chí Cộng sản*, (số 817).
- [39] Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp 1946, 1959).
- [40] Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992).
- [41] Hồ Trọng Hoài (2006), "Phát huy dân chủ trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", *tạp chí cộng sản*, (số 23).

- [42] Lại Quốc Khánh (2010), “Vấn đề chế độ dân chủ nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh từ góc nhìn triết học”, *tạp chí cộng sản*, (số 23).
- [43] Phạm Gia Khiêm (2004), “Thực hiện quy chế dân chủ gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở”, *tạp chí Cộng sản*, (số 9).
- [44] Nguyễn Khắc Mai (1997), *Dân chủ - Di sản văn hóa Hồ Chí Minh*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
- [45] Nông Đức Mạnh (2004), “Đưa cuộc vận động thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở lên một bước mới, rộng rãi hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn”, *tạp chí Cộng sản*, (số 20).
- [46] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [47] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [48] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [49] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [50] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [51] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [52] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [53] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 9, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [54] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [55] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 11, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [56] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [57] Đỗ Mười (1998), *Phát huy dân chủ XHCN – Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân trong sạch vững mạnh*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [58] Hoài Nguyên (2009), “Thực hiện quy chế dân chủ ở Đảng bộ huyện Hoài Nhơn – Gần dân, trọng dân và có trách nhiệm với dân”, *tạp chí xây dựng Đảng*, (số 4).

- [59] Trần Quang Nhiếp (2004), “Dân chủ cơ sở với phát triển cộng đồng”, *Tạp chí Cộng sản*, (số 4).
- [60] Trần Quang Nhiếp (2006), “Tiếp tục thực hiện dân chủ ở cơ sở những vấn đề đặt ra”, *tạp chí thông tin công tác tư tưởng, lý luận*, (số 3).
- [61] Trần Quang Nhiếp (2009), “Nhìn lại mười năm thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”, *tạp chí Cộng sản*, (số 26).
- [62] Thái Ninh - Hoàng Chí Bảo (1991), *Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [63] Nguyễn Quốc Phẩm (2000), “Thực hiện QCDC ở cơ sở trên địa bàn nông thôn, kết quả bước đầu và những vấn đề cần giải quyết”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (Số 10).
- [64] Lê Khả Phiêu (2008), “Dân là gốc, Dân làm chủ - vị trí trung tâm trong tác phẩm “sửa đổi lỗi làm việc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh” *tạp chí Cộng sản*, (số 783).
- [65] Nguyễn Tiến Phồn (2001), *Dân chủ và tập trung dân chủ - lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [66] Tòng Thị Phóng (2004), “Khâu đột phá của quá trình phát huy dân chủ ở nước ta trong thời kỳ mới”, *tạp chí Cộng sản*, (số 21).
- [67] Phạm Ngọc Quang (2010), “Thực hiện đồng bộ dân chủ, đoàn kết, đồng thuận xã hội – một tính quy luật cơ bản của phát triển lên chủ nghĩa xã hội”, *tạp chí Tuyên giáo*, (số 2).
- [68] Phạm Ngọc Quang – Nguyễn Hiền Lương (2011), “Dân chủ xã hội chủ nghĩa – mục tiêu và động lực của đổi mới ở nước ta”, *tạp chí Cộng sản*, (số 828).
- [69] Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - khóa XI (2007), *Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007.

- [70] Tô Huy Rứa (2005), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”, *tạp chí Cộng sản*, (số 22).
- [71] Hồ Tấn Sáng (1990), “Góp phần tìm hiểu tư tưởng dân chủ của V.I Lenin”, *Nghiên cứu lý luận*, (số 3).
- [72] Hồ Tấn Sáng (1992), “Góp phần tìm hiểu tư tưởng dân chủ của chủ tịch Hồ chí Minh”, *Tạp chí Sinh hoạt khoa học*, (Số 3).
- [73] Hồ Tấn Sáng (2004), “Dân chủ và nhân quyền, hai mặt của một vấn đề- lịch sử và hiện tại”, *Tạp chí SHLL*. (Số 3).
- [74] Hồ Tấn Sáng (2005), “Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng- kết quả và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*, (Số 20).
- [75] Hồ Tấn Sáng (2007), “Hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên- thực trạng và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*, (số 780).
- [76] Nguyễn Văn Sáu (2005), *Thế chế dân chủ và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [77] Nguyễn Văn Sáu - Hồ Văn Thông (2003), *Thực hiện Quy chế dân chủ và xây dựng chính quyền cấp xã ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [78] Nguyễn Thị Tâm (2007), *Dân chủ ở cơ sở và vấn đề thực hiện dân chủ ở nông thôn nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học. Học viện CT – HC Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [79] Thơ văn Lý Trần (1977), *Phật Tạng Lộ bố văn*, Nxb KHXH, tập 1
- [80] Thơ văn Lý Trần (1977), *Phật Tạng Lộ bố văn*, Nxb KHXH, tập 2
- [81] Tỉnh ủy Bình Định (2008), *Báo cáo số 100-BC/TU ngày 08/12/2008 về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở*.

- [82] Tỉnh ủy Bình Định (2008), *Báo cáo số 03-BC/BCĐ ngày 01/4/2008 của Ban chỉ đạo tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2007 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2008.*
- [83] Tỉnh ủy Bình Định (2009), *Báo cáo số 70-BC/BCĐ ngày 11/3/2009 của Ban chỉ đạo tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2009.*
- [84] Tỉnh ủy Bình Định (2011), *Báo cáo số 09-BC/BCĐ ngày 08/4/2011 của Ban chỉ đạo tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2011.*
- [85] Tỉnh ủy Bình Định (2012), *Báo cáo số 01-BC/BCĐ ngày 12/3/2012 của Ban chỉ đạo tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2011 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2012.*
- [86] Tỉnh ủy Bình Định (2013), *Báo cáo số 04-BC/BCĐ ngày 16/4/2013 của Ban chỉ đạo tỉnh Bình Định về kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2012 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2013.*
- [87] Tỉnh ủy Bình Định (2012), *Báo cáo số 83 - BC/TU ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Tỉnh ủy Bình Định về tình hình năm 2012 và nhiệm vụ 2013.*
- [88] Tỉnh ủy Bình Định (2013), *Báo cáo sơ kết hai năm rưỡi thực hiện CTMTQG NTM của tỉnh Bình Định.*
- [89] Lưu Minh Trị (2004), *Tâm lý xã hội trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [90] Nguyễn Phú Trọng (2011), “Tiếp tục chăm lo xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do nhân dân, vì nhân dân”, *tạp chí Cộng sản*, (số 827).
- [91] Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Định (2013), *Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 03/3/2013 của UBND tỉnh Bình Định về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2013.*

- [92] Văn phòng UBND tỉnh Bình Định (2013), Báo cáo 9 tháng năm 2013 của VP UBND tỉnh Bình Định.
- [93] V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [94] Hồ Sĩ Vịnh (2011), “Dân chủ - một giá trị văn hóa”, *tạp chí Tuyên giáo*, (số 10).
- [95] Vũ Thị Kim Yến (2011), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Thân dân” và “Dân chủ”, *tạp chí Tuyên giáo*, (số 3).
- [96] <http://www.cpv.org.vn>
- [97] <http://www.chinhphu.vn>
- [98] <http://www.tapchicongsan.org.vn>
- [99] <http://www.xaydungdang.org.vn>
- [100] <http://www.binhdingh.gov.vn>

Số: 6379/QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tên đề tài luận văn thạc sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 7520/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 224/ĐHKT-SĐH ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị điều chỉnh tên đề tài luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học của Đại học Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép học viên Trần Duy Khánh, lớp K24.TRI.BĐ, chuyên ngành *Triết học*, được điều chỉnh tên đề tài luận văn thạc sĩ.

Tên đề tài là: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ với việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn tại tỉnh Bình Định hiện nay.*

Người hướng dẫn: *PGS.TS. Hồ Tấn Sáng, Học viện Hành chính - Chính trị khu vực III.*

Điều 2. Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

GIÁM ĐỐC *TV*



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, Ban ĐTSĐH.

PGS.TS. Trần Văn Nam

PHỤ LỤC

PHIẾU HỎI VỀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ (QCDC) Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH HIỆN NAY

Xin Ông (Bà), Anh (Chị) vui lòng trả lời một số câu hỏi sau
(Chỉ đánh dấu X vào các ô theo ý kiến của mình)

1. Ở xã, phường, thị trấn của ông (bà), anh (chị), việc thực hiện QCDC như thế nào?

Mới triển khai , Chưa triển khai , Chưa biết gì về quy chế

2. Việc tuyên truyền thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn?

Tuyên truyền sâu rộng , Tuyên truyền lắt lể, qua loa

Không tuyên truyền

3. Ông (bà), Anh (chị) hiểu QCDC ở xã, phường, thị trấn như thế nào?

Hiểu , Chưa hiểu , Hiểu ít

4. Thái độ của ông (bà), anh (chị) trước việc triển khai thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn như thế nào?

Phản khởi , Bình thường , Khó nói

5. Vai trò của Đảng bộ (chi bộ) trong việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn như thế nào?

Phát huy vai trò lãnh đạo , Chưa phát huy vai trò

6. Vai trò của Chính quyền xã, phường, thị trấn như thế nào?

Quan tâm tổ chức thực hiện , Chưa quan tâm , Khó trả lời

7. Ở địa phương ông (bà), anh (chị) còn có các hiện tượng sau không?

Mất dân chủ , Mất dân chủ trầm trọng , Vi phạm dân chủ

8. Ở địa phương ông (bà), anh (chị) đã xây dựng quy chế về nếp sống văn hóa chưa?

Đã xây dựng , Đang xây dựng , Chưa xây dựng

9. Việc thông báo chính sách, pháp luật của Nhà nước ở xã, phường, thị trấn như thế nào?

Đầy đủ , Chưa đầy đủ , Chưa thông báo

10. Việc thông báo về tình hình kinh tế - xã hội (sử dụng đất đai, dự toán, quyết toán ngân sách, kết quả kiểm tra, thanh tra...) của xã, phường, thị trấn như thế nào?

Đầy đủ , Chưa đầy đủ , Chưa thông báo

11. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng (điện, đường, trường, trạm, nghĩa trang, các công trình văn hóa thể thao...) ở xã, phường, thị trấn như thế nào?

Bàn bạc dân chủ , Không đưa ra dân bàn bạc

12. Những việc dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định có tỷ lệ thống nhất cao không?

Rất cao , Không cao , Thấp

13. Theo ông (bà), anh (chị) vai trò của thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn đối với sự phát triển của địa phương như thế nào?

Rất lớn , Lớn , Vừa phải

14. Theo ông (bà), anh (chị) thực hiện tốt QCDC ở xã, phường, thị trấn, thì trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên và của quần chúng nhân dân như thế nào?

Được nâng cao , Bình thường

15. Theo ông (bà), anh (chị) nguyên nhân nào làm hạn chế việc thực hiện QCDC ở xã, phường, thị trấn ?

Do tổ chức thực hiện , Do cán bộ chưa gương mẫu

Do dân chưa hiểu, chưa tích cực tham gia

16. Để thực hiện tốt QCDC ở xã, phường, thị trấn cần làm gì?

Cụ thể hóa quy chế cho phù hợp ,

Mở rộng dân chủ trực tiếp ,

Xét xử nghiêm minh đối với kẻ tham nhũng ,

Phải nâng cao nhận thức cho dân ,

Mở rộng tuyên truyền giáo dục pháp luật

17. Xin ông (bà), anh (chị) cho biết đôi điều về bản thân?

- Nơi cư trú:

- Giới tính: Nam , Nữ

- Độ tuổi: Dưới 30 , Trên 30 , Trên 40 , Trên 50

- Nghề nghiệp:

18. Những ý kiến riêng của ông (bà), anh chị)?

.....
.....
.....
.....

Ngày tháng 10 năm 2013

(Có thể ghi rõ họ tên hoặc không cũng được)

